

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM



TÀI LIỆU
HỌC TẬP, QUÁN TRIỆT NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU PHỤ NỮ TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII

Hà Nội, tháng 5 năm 2022

LỜI NÓI ĐẦU

Với tinh thần “Đoàn kết - Sáng tạo - Hội nhập - Phát triển”, Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2022 - 2027, diễn ra từ ngày 09-11/3/2022 tại Thủ đô Hà Nội đã thành công tốt đẹp. Đây là sự kiện chính trị quan trọng, ngày hội lớn của các tầng lớp phụ nữ Việt Nam trên khắp mọi miền của Tổ quốc, mở ra một chặng đường phát triển mới của công tác Hội và phong trào phụ nữ cả nước.

Nghị quyết Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII đã đề ra phương hướng nhiệm vụ phong trào phụ nữ và công tác Hội nhiệm kỳ 2022-2027 với 01 phong trào thi đua, 01 cuộc vận động, 02 khâu đột phá; 08 chỉ tiêu chủ yếu, 03 nhiệm vụ trọng tâm và 04 nhóm giải pháp chung.

Để các nội dung của Nghị quyết Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII sớm được hiện thực hóa vào cuộc sống, Đoàn Chủ tịch TW Hội LHPN Việt Nam đã tổ chức Hội nghị tập huấn, quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII toàn quốc dành cho cán bộ Hội LHPN Việt Nam các cấp. Hội nghị được tổ chức bằng hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến và sử dụng phương pháp thuyết trình, hỏi đáp và thảo luận tập trung.

Ngay sau Hội nghị, Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội đã tiếp thu ý kiến đại biểu, bổ sung tài liệu triển khai Nghị quyết, đăng tải rộng rãi trên các phương tiện thông tin của Hội để các cấp Hội, hội viên, phụ nữ cả nước nghiên cứu, học tập. Rất mong cán bộ, hội viên, phụ nữ nêu cao tinh thần trách nhiệm, tập trung trí tuệ, phát huy tinh thần dân chủ, nghiêm túc, bám sát các nội dung tài liệu để nghiên cứu, cụ thể hóa Nghị quyết tại địa phương, sớm hiện thực hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII vào cuộc sống.

Các vấn đề cần làm rõ hoặc cung cấp thêm thông tin, gửi về Phòng Tổng hợp - Thi đua, Văn phòng Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Email: phongtonghoptwhoi@gmail.com, Điện thoại: 02439.723.010

TRUNG ƯƠNG HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

MỤC LỤC

<i>Chuyên đề 1. Tổng quan về Nghị quyết Đại hội đại biểu PNTQ XIII.....</i>	<i>1</i>
<i>Chuyên đề 2. Xây dựng người phụ nữ Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, hội nhập quốc tế</i>	<i>20</i>
<i>Chuyên đề 3. Xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh; xây dựng môi trường an toàn cho phụ nữ, trẻ em.....</i>	<i>40</i>
<i>Chuyên đề 4. Hỗ trợ nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ</i>	<i>52</i>
<i>Chuyên đề 5. Tham gia xây dựng Đảng, hệ thống chính trị; chú trọng giám sát, phản biện xã hội; vận động thực hiện bình đẳng giới.....</i>	<i>73</i>
<i>Chuyên đề 6. Xây dựng tổ chức Hội vững mạnh, hoạt động chuyên nghiệp hiệu quả</i>	<i>90</i>
<i>Chuyên đề 7. Nâng cao vị thế, mở rộng ảnh hưởng của tổ chức Hội trong quan hệ đối ngoại.....</i>	<i>103</i>
<i>PHỤ LỤC 1 Các văn bản liên quan đến nhiệm vụ “Xây dựng người phụ nữ Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, hội nhập quốc tế”</i>	<i>114</i>
<i><u>PHỤ LỤC 2</u> Một số nội dung các văn bản của Đảng, Nhà nước liên quan đến nhiệm vụ “Hỗ trợ nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ”</i>	<i>120</i>
<i><u>PHỤ LỤC 3</u> Một số nội dung các văn bản của Đảng, Nhà nước liên quan đến hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế.....</i>	<i>131</i>

CÁC TỪ VIẾT TẮT

BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BLGD	Bạo lực gia đình
CLB	Câu lạc bộ
CNTT	Công nghệ thông tin
CTPH	Chương trình phối hợp
DTTS	Dân tộc thiểu số
ĐHCPNBC	Đồng hành cùng phụ nữ biên cương
HĐND	Hội đồng Nhân dân
HTX	Hợp tác xã
LHPN	Liên hiệp phụ nữ
MTQG	Mục tiêu Quốc gia
MTTQ	Mặt trận Tổ quốc
NHCSXH	Ngân hàng Chính sách xã hội
NTM	Nông thôn mới
PNTQ	Phụ nữ toàn quốc
PNXH	Phản biện xã hội
TDTT	Thể dục thể thao
TKVVTB	Tiết kiệm vay vốn thôn bản
TW	Trung ương
UBND	Ủy ban Nhân dân

CHUYÊN ĐỀ 1
TỔNG QUAN VỀ NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU PHỤ NỮ TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII

Chuyên đề 1

TỔNG QUAN VỀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU PHỤ NỮ TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII

A. MỤC TIÊU BÀI GIẢNG

Cán bộ Hội các cấp nắm và hiểu được căn cứ xây dựng Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu PNTQ lần thứ XIII, cấu trúc của báo cáo, mối quan hệ giữa các thành tố trong báo cáo.

B. NỘI DUNG CHUYÊN ĐỀ

Đại hội Đại biểu phụ nữ toàn quốc XIII được tổ chức tại Hà Nội từ 9 đến 11 tháng 3 năm 2022. Tại Đại hội, Ban Chấp hành TW Hội LHPN Việt Nam khoá XII đã trình dự thảo Báo cáo chính trị và đây là nội dung trọng tâm được thảo luận tại Đại hội trong các phiên tham luận toàn thể và các trung tâm thảo luận.

Việc chuẩn bị dự thảo các Văn kiện trình Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII được tiến hành công phu, chu đáo, bài bản, qua nhiều lần, nhiều vòng, từng bước hoàn thiện, có nhiều đổi mới quan trọng về nội dung và phương pháp. Báo cáo chính trị được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu vận dụng chủ trương, định hướng của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chiến lược, các chương trình MTQG có liên quan trực tiếp tới công tác phụ nữ và bình đẳng giới; các báo cáo nghiên cứu của các tổ chức quốc tế có uy tín¹, các luận cứ, chứng cứ khoa học, căn cứ thực tiễn thông qua triển khai 19 đề tài², 07 chuyên đề nghiên cứu và 04 hội thảo khoa học cấp quốc gia, vùng miền, chuyên đề, các hội thảo tham vấn ý kiến của chuyên gia đầu ngành; Chiến lược phát triển Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2035; Phát huy dân chủ trí tuệ thông qua lấy ý kiến đóng góp từ đại hội phụ nữ 3 cấp; tổ chức 42 cuộc họp/hội thảo xin ý kiến Đoàn Chủ tịch, Ban Chấp hành TW Hội; các chuyên gia, đại diện các ban Đảng, bộ, ngành, đoàn thể. Trong quá trình soạn thảo Báo cáo chính trị, Đoàn Chủ tịch TW Hội đã nhận được sự chỉ đạo sát sao của Ban Bí thư, cập nhật được sự thay đổi của tình hình, nhất là tác động của đại dịch COVID-19.

Có thể khẳng định, Báo cáo chính trị Đại hội đã quán triệt sâu sắc nguyên tắc kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận và thực tiễn, giữa kế thừa và phát triển, trên cơ sở phát huy dân chủ rộng rãi, kết tinh được trí tuệ, phản ánh nguyện vọng, nhu cầu thiết thân, khát vọng phát triển của các tầng lớp phụ nữ và tổ chức Hội.

¹ Báo cáo “Việt Nam 2035-Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ” do Ngân hàng thế giới xây dựng

² 01 đề tài cấp nhà nước, 12 đề tài cấp Bộ, 6 đề tài cấp cơ sở

C. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ BÁO CÁO CHÍNH TRỊ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU PHỤ NỮ TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII

1. Tiêu đề của báo cáo

Tiêu đề của Báo cáo chính trị đồng thời cũng là chủ đề của Đại hội thể hiện tư tưởng, mục tiêu, trọng tâm xuyên suốt trong nhiệm kỳ. Nội dung tiêu đề báo cáo thể hiện các yêu cầu của đối với phong trào phụ nữ và hoạt động Hội trong 5 năm tiếp theo là ***“Phát huy truyền thống, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập; xây dựng tổ chức Hội vững mạnh, vì hạnh phúc của phụ nữ, vì sự phồn vinh của đất nước”***.

2. Kết cấu của Báo cáo chính trị

Kết cấu của Báo cáo chính trị được thể hiện thành hai phần lớn: Đánh giá phong trào phụ nữ, hoạt động Hội nhiệm kỳ 2017 - 2022 và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2022 - 2027. Đặc biệt, lần đầu tiên trong Báo cáo chính trị ở phần phương hướng có mục Quan điểm - là những định hướng lớn, nguyên tắc mang tính xuyên suốt, định hướng cách tổ chức triển khai các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ của Nghị quyết.

Phần đánh giá đảm bảo phản ánh đầy đủ, đúng mức, khách quan tình hình phong trào phụ nữ và kết quả công tác Hội, thể hiện sự ghi nhận những nỗ lực, cố gắng, đóng góp to lớn của cán bộ, hội viên, phụ nữ và các cấp Hội trong nhiệm kỳ, đồng thời chỉ rõ những hạn chế, yếu kém. Phần đánh giá được bố cục thành **03 mục lớn** là (I) “Tình hình phụ nữ và kết quả phong trào phụ nữ”; (II) “Kết quả hoạt động của Hội LHPN Việt Nam nhiệm kỳ 2017 - 2022” và (III) “Đánh giá chung và bài học kinh nghiệm”.

Phần phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2022 - 2027 được kết cấu thành **06** mục lớn: (I) Bối cảnh; (II) Quan điểm; (III) Mục tiêu và các chỉ tiêu; (IV) Phong trào thi đua, cuộc vận động, khâu đột phá; (V) Nhiệm vụ trọng tâm; (VI) Nhóm giải pháp chung.

D. CÁC NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO CHÍNH TRỊ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU PHỤ NỮ TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII

I. ĐÁNH GIÁ PHONG TRÀO PHỤ NỮ VÀ HOẠT ĐỘNG HỘI NHIỆM KỲ 2017 - 2022

1. Đánh giá phong trào phụ nữ

Đối với phong trào phụ nữ, Báo cáo đánh giá việc các tầng lớp phụ nữ đã hưởng ứng các phong trào thi đua, các cuộc vận động của đất nước và phong trào “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc” do Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XII phát động, từ đó tiếp tục phát huy truyền thống, phẩm chất tốt đẹp, tinh thần đoàn kết, sự năng động, sáng tạo, góp phần tạo nên những thành tựu to lớn trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Báo cáo khẳng định 5 năm qua, phụ nữ Việt Nam, dù thuộc dân tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, nơi công tác, cư trú, lứa tuổi nào cũng luôn đoàn kết, tin tưởng vào

sự lãnh đạo của Đảng, phát huy truyền thống tốt đẹp, chủ động, sáng tạo hưởng ứng các phong trào thi đua của đất nước, hăng hái tham gia các chương trình MTQG; chăm lo, vun đắp hạnh phúc gia đình; nỗ lực vươn lên khẳng định vai trò, vị thế to lớn của phụ nữ trong đời sống xã hội. Sự tiến bộ và phát triển của phụ nữ là minh chứng sinh động về thành quả bình đẳng giới, tôn trọng quyền con người, quyền công dân, nỗ lực thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ (CEDAW) và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh, các Mục tiêu phát triển bền vững (SDG) của nước ta. Có thể kể đến **năm** điểm nổi bật của **phong trào phụ nữ** giai đoạn 2017-2022 là:

Một là, các tầng lớp phụ nữ đã nỗ lực vượt khó, sáng tạo vươn lên, mạnh dạn ứng dụng khoa học công nghệ, phát huy vai trò làm chủ, tham gia tích cực vào nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trên mọi khu vực, ngành nghề của nền kinh tế, lực lượng lao động nữ, nữ doanh nhân đã đóng góp đáng kể vào thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới, chương trình quốc gia khởi nghiệp, góp phần khẳng định chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm Việt trên thị trường quốc tế.

Hai là, với nỗ lực quyết tâm của cả hệ thống chính trị, tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy các cấp đều tăng so với nhiệm kỳ trước, đặc biệt, lần đầu tiên kể từ khi đất nước thực hiện công cuộc Đổi mới, tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội đạt trên 30%, tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đều tăng so với nhiệm kỳ trước. Phụ nữ ngày càng ý thức được trách nhiệm và quyền công dân, phát huy quyền làm chủ, tham gia tích cực trong xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị.

Ba là, phụ nữ tiếp tục thực hiện tốt thiên chức người mẹ, người thầy đầu tiên của con người, là điểm tựa tinh thần, gắn kết yêu thương và chia sẻ trách nhiệm chăm lo xây dựng gia đình. Bằng tình yêu thương và trách nhiệm, phụ nữ đã trao truyền các giá trị văn hóa gia đình, đóng vai trò quan trọng trong bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc

Bốn là, trong bối cảnh thiên tai khắc nghiệt và dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp, phụ nữ cả nước bằng tấm lòng yêu thương, nhân ái, đã phát huy cao độ trách nhiệm công dân, tham gia trên mọi mặt trận góp phần thực hiện mục tiêu kép vừa chống dịch vừa phát triển kinh tế, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, ổn định cuộc sống.

Năm là, trong tiến trình hội nhập toàn diện của đất nước, phụ nữ trong lực lượng vũ trang và lĩnh vực đối ngoại tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước, góp phần không nhỏ vào công cuộc bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh đất nước, khẳng định cơ đồ, tiềm lực, vị thế, uy tín của Việt Nam như một thành viên tích cực và có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

Đối với hoạt động Hội trong 5 năm qua, Báo cáo đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội Phụ nữ toàn quốc XII và việc thực hiện 3 nhiệm vụ trọng tâm. Cả 7 nhóm chỉ tiêu nhiệm kỳ, trong đó có những chỉ tiêu mới và khó, cơ bản đạt và vượt, có những chỉ tiêu vượt ở mức cao (chỉ tiêu thành lập HTX, chỉ tiêu giúp hộ thoát nghèo, phát triển hội viên...). Có 05/27 nội dung chỉ tiêu chưa đạt,

trong đó có 2 nội dung đã đạt trên 99,97 % chỉ tiêu đề ra; riêng chỉ tiêu “Không còn cơ sở Hội có tỷ lệ tập hợp hội viên thấp hơn 50%” tuy không đạt nhưng số lượng đã giảm 99,2% so với đầu nhiệm kỳ.

2. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ công tác Hội

Báo cáo chính trị nhận định, nhiệm kỳ qua, trong bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước diễn biến nhanh, phức tạp, có những vấn đề phát sinh chưa có trong tiền lệ, Hội LHPN các cấp đã nhanh chóng thích ứng, sáng tạo, linh hoạt đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, xây dựng tổ chức Hội vững mạnh để đoàn kết, tập hợp các tầng lớp phụ nữ triển khai thắng lợi phong trào thi đua, các cuộc vận động và nhiệm vụ công tác Hội, góp phần nâng cao chất lượng đời sống mọi mặt cho hội viên, phụ nữ. Có thể khái quát ở tám kết quả nổi bật:

- (1) Công tác tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phụ nữ rèn luyện phẩm chất đạo đức “Tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang” gắn với học tập, làm theo tư tưởng đạo đức phong cách Hồ Chí Minh tiếp tục được đổi mới với nhiều hình thức và mô hình phong phú, tạo thành thói quen, việc làm thường xuyên của cán bộ, hội viên, phụ nữ với hàng chục nghìn tấm gương tiêu biểu học và làm theo Bác. Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19, các cấp Hội đã thích ứng linh hoạt bằng việc ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong nắm tình hình tư tưởng, truyền thông, vận động xã hội, phổ biến, giáo dục pháp luật đến hàng chục triệu hội viên, phụ nữ cả nước.
- (2) Công tác tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh, trọng tâm là cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” được triển khai đồng bộ, toàn diện, đã đóng góp đáng kể vào kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Đáng chú ý, 13 triệu gia đình hội viên đạt tiêu chí “5 không, 3 sạch”, gần 17 nghìn công trình/phần việc giữ gìn, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu do các chi Hội/tổ Phụ nữ đảm nhiệm được triển khai linh hoạt, rộng khắp, làm thay đổi bộ mặt nông thôn và khẳng định vai trò của tổ chức Hội ở cơ sở.
- (3) Với chủ đề xuyên suốt trong hơn nửa nhiệm kỳ, “An toàn cho phụ nữ và trẻ em”, các cấp Hội đã triển khai nhiều mô hình, hoạt động góp phần nâng cao trách nhiệm của xã hội và gia đình chung tay xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh. Hoạt động phối hợp trong tham gia giải quyết các vụ việc xâm hại và bạo lực nghiêm trọng đối với phụ nữ và trẻ em có chuyển biến rõ rệt và thực chất. Trong nhiệm kỳ đã ký kết phối hợp với 30 bộ/ngành, các cơ quan/tổ chức, trong đó có nhiều chương trình phối hợp để bảo vệ quyền của phụ nữ trẻ em, tạo nguồn lực cho các cấp Hội thực hiện nhiệm vụ chính trị và tăng cường lòng ghép giới trong tổ chức triển khai các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đất nước. Vận động được trên 480 tỷ đồng và 730 nghìn phần quà san sẻ yêu thương cho hội viên, phụ nữ và nhân dân bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19; đỡ đầu gần 500 trẻ mồ côi. Trong nhiệm kỳ đã vận động được 746 tỷ đồng xây dựng và sửa chữa mái ấm tính thương và trên 3.000 tỷ đồng cho các hoạt động xã hội, từ thiện.

- (4) Các hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế được triển khai theo hướng tập trung đồng bộ các giải pháp, các nguồn lực, phát huy được nội lực của hội viên, phụ nữ, tiềm năng thế mạnh của từng địa phương, phù hợp với nhu cầu thực tiễn. Thông qua các mô hình sinh kế tạo việc làm tại chỗ, mô hình hỗ trợ có điều kiện, các hoạt động tiết kiệm tại chi Hội/tổ Phụ nữ, các cấp Hội đã giúp hơn 2 triệu hộ nghèo, trong đó có gần 270 nghìn hộ thoát nghèo theo tiêu chí đa chiều. Với tinh thần quốc gia khởi nghiệp, Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025” đã thúc đẩy sự chủ động, sáng tạo của các cấp Hội trong tổ chức Ngày Phụ nữ khởi nghiệp, đề xuất các đề án/chương trình hỗ trợ khởi nghiệp, đáp ứng khát vọng khởi nghiệp của phụ nữ thuộc nhiều thành phần, lứa tuổi, qua đó đã hỗ trợ gần 73 nghìn phụ nữ khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh; gần 12 nghìn mô hình kinh tế tập thể và gần 800 hợp tác xã được thành lập.
- (5) Nội dung, phương thức hoạt động của các cấp Hội tiếp tục được đổi mới, hướng mạnh về cơ sở, chú trọng địa bàn có tỷ lệ tập hợp hội viên thấp, nâng cao chất lượng tổ chức Hội cơ sở. Bên cạnh mô hình tập hợp phụ nữ theo địa bàn hành chính, nhiều nơi đã mạnh dạn triển khai nhiều mô hình tập hợp phụ nữ theo lứa tuổi, sở thích, ngành nghề; thu hút phụ nữ tham gia hoạt động Hội thông qua nền tảng mạng xã hội. Từ đó góp phần tăng thêm 2 triệu hội viên và giảm 99,2% số cơ sở Hội có tỷ lệ tập hợp dưới 50% phụ nữ tham gia tổ chức Hội trong nhiệm kỳ (đến cuối nhiệm kỳ chỉ còn 8 cơ sở); tỷ lệ tập hợp hội viên đạt 75,42%. Đặc biệt trong bối cảnh sắp xếp lại các đơn vị hành chính và yêu cầu tinh giản biên chế, các cấp Hội đã chú trọng kiện toàn bộ máy cơ quan chuyên trách, cải tiến phương pháp làm việc, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ Hội các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.
- (6) Công tác tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, giám sát và phản biện xã hội, tham mưu, đề xuất chính sách của các cấp Hội ngày càng đi vào thực chất, tiệm cận với nhu cầu thiết thân của phụ nữ. Công tác phản biện xã hội đối với các dự thảo chính sách, luật pháp ngày càng có chất lượng, dựa trên bằng chứng khoa học, khảo sát thực tiễn, tham vấn các đối tượng hưởng lợi/bị tác động. Hội Liên hiệp Phụ nữ một số tỉnh/thành phố đã chủ động tham mưu tổ chức đối thoại với người đứng đầu cấp ủy, chính quyền để nắm bắt và giải quyết kịp thời các bức xúc, kiến nghị chính đáng của hội viên, phụ nữ. Đây thực sự là diễn đàn thực hành dân chủ, tạo sự đồng thuận, gắn kết “ý Đảng, lòng dân”, thể hiện trách nhiệm của các cấp Hội trong phát huy quyền dân chủ trực tiếp của phụ nữ.
- (7) Công tác đối ngoại nhân dân và hợp tác quốc tế ngày càng đi vào chiều sâu. Hội đã có nhiều sáng kiến thể hiện tình đoàn kết quốc tế, chủ động, khéo léo tham gia đấu tranh, vận động bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc tại các cơ chế quốc tế, góp phần thúc đẩy cam kết hành động thực hiện mục tiêu bình đẳng giới, tiến bộ của phụ nữ. Trong nhiệm kỳ chỉ riêng TW Hội đã vận động được 9,1 triệu đô la Mỹ cho các mô hình hoạt động mới và nâng cao năng lực cán bộ. Nghị quyết Hỗ trợ phụ nữ hội nhập quốc tế lần đầu tiên được ban hành là cơ sở quan trọng trong mở rộng quan hệ đối tác, đáp ứng yêu cầu công tác đối ngoại nhân dân trong tình hình mới.

(8) Trong nhiệm kỳ, Trung ương Hội đã tham mưu đề xuất thành công 03 Đề án của Chính phủ, cụ thể hóa nội dung hỗ trợ phụ nữ trong 03 chương trình MTQG; các tỉnh/thành Hội tiếp tục tham mưu, đề xuất xây dựng hơn 600 chính sách trong nhiều lĩnh vực thiết thân đối với phụ nữ, qua đó huy động nguồn lực và sự tham gia của các cấp, các ngành vào công tác phụ nữ và bình đẳng giới. Đặc biệt lần đầu tiên Hội được phân công xây dựng và chủ trì triển khai một dự án về thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em trong chương trình MTQG “Phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, miền núi giai đoạn 2021-2030” đã khẳng định vai trò nòng cốt của tổ chức Hội trong thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới và phát triển của phụ nữ.

3. Đánh giá chung

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, công tác Hội và phong trào phụ nữ còn một số **hạn chế, khó khăn**.

Thứ nhất, phong trào phụ nữ chưa đồng đều trên mọi lĩnh vực, vùng miền, đối tượng, chưa khơi dậy và phát huy đầy đủ tiềm năng, sức sáng tạo của một bộ phận phụ nữ, nhất là phụ nữ có tầm ảnh hưởng, phụ nữ hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.

Thứ hai, đời sống vật chất, tinh thần của một bộ phận phụ nữ còn khó khăn, nhất là ảnh hưởng của dịch bệnh, biến đổi khí hậu tác động đến nhóm phụ nữ di cư, buôn bán nhỏ, dân tộc thiểu số, phụ nữ trong các ngành dịch vụ, sinh sống ở khu vực dễ bị thiên tai...; tỷ lệ phụ nữ nông thôn được đào tạo nghề còn thấp; phụ nữ lao động ở khu vực kinh tế phi chính thức còn chiếm số lượng khá lớn, khó tiếp cận các dịch vụ công và việc làm ổn định, dễ bị tổn thương, thu nhập bấp bênh, cuộc sống khó khăn. Môi trường sống an toàn cho phụ nữ và trẻ em có mặt còn chưa bảo đảm; môi trường gia đình thiếu ổn định; tình trạng mất an toàn vệ sinh thực phẩm, bạo lực với phụ nữ, buôn bán phụ nữ, xâm hại trẻ em đáng báo động; tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội có tăng nhưng còn thấp.

Thứ ba, một bộ phận phụ nữ chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động; còn tình trạng phụ nữ thiếu hiểu biết pháp luật, sa vào tệ nạn xã hội, suy thoái về đạo đức lối sống, rời xa trách nhiệm với gia đình và xã hội.

Thứ tư, đối với công tác Hội, việc cụ thể hóa chủ trương của Đảng, Nhà nước trong một số lĩnh vực, đối tượng phụ nữ của Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp còn chậm, chưa tạo được chuyển biến căn bản trong nhận thức và hành động bảo vệ an toàn cho phụ nữ và trẻ em. Ở một số nơi, cách thức tổ chức phong trào thi đua, cuộc vận động chưa hấp dẫn, thiết thực đối với phụ nữ, còn biểu hiện hình thức. Công tác tuyên truyền, giáo dục, xây dựng người phụ nữ phát triển toàn diện chưa đáp ứng được yêu cầu của xã hội và nhu cầu của phụ nữ. Công tác nắm bắt tình hình, tư tưởng, đời sống, việc làm của hội viên, phụ nữ tại một số địa phương chưa kịp thời, sâu sát. Hiệu quả công tác giám sát và phản biện xã hội còn chưa được như kỳ vọng; việc lên tiếng bảo vệ phụ nữ và trẻ em trong

một số vụ việc xâm hại quyền và lợi ích của họ còn chậm. Một số mô hình hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển kinh tế, nhất là kinh tế hợp tác chưa thực sự bền vững.

Báo cáo chính trị cũng xác định các hạn chế do **nguyên nhân chủ quan** là: một bộ phận phụ nữ còn tự ti, an phận, thiếu ý chí vươn lên; một số cán bộ chưa bắt kịp với sự phát triển của xã hội và nhu cầu của phụ nữ, chậm thích ứng với những thay đổi về tổ chức bộ máy; năng lực phát hiện vấn đề, kỹ năng giám sát, phản biện xã hội còn hạn chế; công tác nghiên cứu chưa nhận diện đầy đủ những vấn đề của phụ nữ và công tác phụ nữ. **Về nguyên nhân khách quan**, một số văn bản chính sách, pháp luật liên quan đến phụ nữ, bình đẳng giới còn thiếu đồng bộ, chưa bảo đảm lồng ghép vấn đề bình đẳng giới; khoảng cách giới ở một số đối tượng, vùng miền vẫn là những thách thức; nhận thức xã hội và của bản thân phụ nữ về bình đẳng giới chưa đầy đủ; mặt trái của kinh tế thị trường, thiên tai, dịch bệnh tác động không nhỏ đến nhận thức, lối sống, chất lượng cuộc sống của phụ nữ, mối quan hệ gia đình; nguồn lực hoạt động của Hội, đặc biệt ở cấp cơ sở còn hạn chế.

4. Bài học kinh nghiệm

Từ đánh giá kết quả phong trào phụ nữ và hoạt động Hội 5 năm qua, Ban Chấp hành TW Hội LHPN Việt Nam khoá XIII đã rút ra 5 bài học kinh nghiệm.

Một là, bám sát và cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kiên trì sứ mệnh “Đoàn kết, tập hợp các tầng lớp phụ nữ Việt Nam vì hạnh phúc của phụ nữ và sự thịnh vượng của đất nước” là nền tảng quan trọng định hướng công tác Hội và phong trào phụ nữ, đổi mới nội dung, phương thức thực hiện chức năng đại diện; lựa chọn những vấn đề thiết thân của phụ nữ, gia đình, bình đẳng giới... làm trọng tâm ưu tiên trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

Hai là, phát huy và kế thừa truyền thống tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam, vai trò chủ thể của hội viên, phụ nữ với tư cách là nhân tố sống còn của tổ chức Hội. Một mặt, phải khơi dậy ý chí tự lập, khát vọng vươn lên, tinh thần chủ động giải quyết các vấn đề của bản thân, của gia đình để thực hiện tốt nghĩa vụ công dân và trách nhiệm xã hội. Mặt khác, phải lấy quyền lợi chính đáng, sự tiến bộ của các tầng lớp phụ nữ làm mục tiêu phấn đấu, lấy sự đồng thuận và tin tưởng của phụ nữ làm thước đo kết quả hoạt động Hội.

Ba là, xây dựng đội ngũ cán bộ Hội có phẩm chất đạo đức, có bản lĩnh, năng lực, trách nhiệm, có phương pháp công tác dân vận khéo là nhân tố chủ chốt, quyết định hiệu quả phong trào thi đua, các cuộc vận động và nhiệm vụ công tác Hội. Phát huy vai trò đoàn kết, dẫn dắt, khơi dậy sức sáng tạo, cống hiến của Ban Chấp hành, người đứng đầu các cấp Hội; khuyến khích động viên đội ngũ chi hội trưởng, người có uy tín, ảnh hưởng trong cộng đồng tham gia công tác Hội.

Bốn là, làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục và nắm bắt tình hình tư tưởng, đời sống, việc làm của hội viên, phụ nữ; nâng cao hiệu quả thực chất công tác tham mưu, đề xuất chính sách, giám sát và phản biện xã hội là nhiệm

vụ cơ bản để thực hiện chức năng đại diện và vai trò nòng cốt chính trị của tổ chức Hội; coi trọng tổng kết thực tiễn nghiên cứu lý luận, sử dụng đội ngũ chuyên gia trong quá trình hoàn thiện và thực hiện tốt luật pháp, chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới.

Năm là, huy động nguồn lực tổng hợp từ các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước là yếu tố quan trọng để đổi mới phương thức hoạt động Hội. Các nhiệm vụ công tác Hội, các vấn đề của phụ nữ, gia đình, trẻ em phải được lồng ghép vào các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội, các CTPH với các bộ, ngành, tổ chức. Khai thác, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để đáp ứng yêu cầu công tác phụ nữ, các mục tiêu bình đẳng giới.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NHIỆM KỲ 2022-2027

Phần Phương hướng được xây dựng trên cơ sở vận dụng 5 bài học kinh nghiệm, các khó khăn, thuận lợi đã chỉ ra trong phần Đánh giá kết quả phong trào phụ nữ và hoạt động Hội; phân tích bối cảnh của đất nước trong thời gian tới, đặc biệt các quan điểm, chủ trương và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong 5 năm tới và xa hơn nữa.

Phần phương hướng được viết xoay quanh 3 yếu tố có ý nghĩa sống còn đối với sự phát triển của tổ chức Hội, đó là:

- Hội viên, phụ nữ là nhân tố sống còn;
- Việc tham gia xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, góp phần bảo vệ nền tảng chính trị của Đảng là nhân tố nền tảng, quy định thể chế, cơ chế, phương tiện... định hướng chính trị của tổ chức Hội;
- Tổ chức Hội là nhân tố chủ chốt để thực hiện thành công chức năng, nhiệm vụ chính trị Hội.

1. Bối cảnh

Phân tích bối cảnh, Báo cáo chính trị nêu tác động của các xu hướng lớn trên thế giới như hòa bình, hợp tác và phát triển, sự phát triển của công nghệ số, mối quan tâm chung của cộng đồng quốc tế đối với bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ; đồng thời xác định những rủi ro tiềm ẩn trong kinh tế, thương mại toàn cầu, các vấn đề an ninh phi truyền thống như biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, an ninh mạng... Các vấn đề trong nước được phân tích cả ở khía cạnh tích cực (cơ hội) và rủi ro tiềm ẩn (thách thức) đối với phụ nữ đến từ cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, xu hướng dân chủ hóa mọi hoạt động của đời sống xã hội...

2. Quan điểm

Lần đầu tiên, Ban Chấp hành TW Hội LHPN Việt Nam xác định trong một văn kiện **5 quan điểm** có tính định hướng trong xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu và các nhiệm vụ hoạt động công tác Hội trong nhiệm kỳ mới và nhiều năm tiếp theo; đồng thời xác định tính chất, tầm quan trọng của các nhiệm vụ công tác Hội. Năm quan điểm là:

1. Bám sát, cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc, căn cứ thực tiễn và yêu cầu của phong trào phụ nữ trong giai đoạn mới, **là cơ sở** cho việc nâng cao chất lượng hoạt động Hội, thực hiện tốt chức năng đại diện, vai trò nòng cốt chính trị trong công tác phụ nữ của tổ chức Hội.

2. Lấy phát huy và kế thừa truyền thống tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam, khơi dậy mạnh mẽ tiềm năng, sức sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường, tinh thần đoàn kết của phụ nữ, đồng thời chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng, đồng hành giải quyết các vấn đề thiết thân của phụ nữ **là nhiệm vụ xuyên suốt**; lấy hạnh phúc và lợi ích của phụ nữ **là mục tiêu**; lấy sự đồng thuận và tin tưởng của phụ nữ **là thước đo** chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức Hội.

3. Tham gia xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, chủ động tham mưu, đề xuất hoàn thiện luật pháp, chính sách liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới, thực hiện tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội **là nhiệm vụ quan trọng** của tổ chức Hội.

4. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; đẩy mạnh hội nhập quốc tế; mở rộng tính liên hiệp, tập hợp rộng rãi các tầng lớp phụ nữ trên nguyên tắc dân chủ, tự nguyện **là nhiệm vụ then chốt** để xây dựng tổ chức Hội vững mạnh, hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả.

5. Xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực, sáng tạo, tâm huyết, trách nhiệm, giỏi vận động phụ nữ, có khát vọng cống hiến **là nhiệm vụ trọng tâm** của tổ chức Hội.

Theo 5 quan điểm này, trong **mối quan hệ giữa Hội và Đảng, hệ thống chính trị**, Hội phải lấy đường lối, chủ trương của Đảng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc làm **cơ sở** cho việc nâng cao chất lượng hoạt động của chính mình, để thực hiện tốt chức năng đại diện, vai trò nòng cốt chính trị trong công tác phụ nữ của tổ chức Hội. Đồng thời Hội cũng xác định tham gia xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị thông qua việc chủ động tham mưu, đề xuất hoàn thiện luật pháp, chính sách liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới, thực hiện tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội **là nhiệm vụ quan trọng** của tổ chức Hội.

Trong **mối quan hệ giữa Hội với phụ nữ và hội viên**, Hội xác định chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng, đồng hành giải quyết các vấn đề thiết thân của phụ nữ **là nhiệm vụ xuyên suốt** của tổ chức, lấy hạnh phúc và lợi ích của phụ nữ **là mục tiêu** cho mọi hoạt động; lấy sự đồng thuận và tin tưởng của phụ nữ **là thước đo** chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức. Đồng thời, Hội cũng phải phát huy và kế thừa truyền thống, khơi dậy tiềm năng, sức sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường, tinh thần đoàn kết của phụ nữ để phát triển bản thân phụ nữ, qua đó góp phần xây dựng Đảng, hệ thống chính trị.

Trong bản thân tổ chức, Hội xác định **nhiệm vụ then chốt** để tổ chức Hội vững mạnh, hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả chính là phải đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; đẩy mạnh hội nhập quốc tế; mở rộng tính liên

hiệp, tập hợp rộng rãi các tầng lớp phụ nữ. **3. Mục tiêu và các chỉ tiêu**

Trong nhiệm kỳ 2022 - 2027, Hội LHPN Việt Nam bên cạnh xây dựng mục tiêu của nhiệm kỳ như các Đại hội khác, còn xác định mục tiêu tổng quát đến năm 2030, cụ thể là *“Phát huy truyền thống, tinh thần đoàn kết, sáng tạo, chủ động hội nhập, ý thức làm chủ của các tầng lớp phụ nữ; xây dựng tổ chức Hội vững mạnh, tích cực xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của phụ nữ. Phấn đấu đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, khẳng định vị thế tổ chức tiên phong hành động vì hạnh phúc của phụ nữ, có tầm ảnh hưởng trong khu vực và quốc tế; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển đất nước”*.

Để thực hiện được các mục tiêu của nhiệm kỳ, báo cáo xác định 8 chỉ tiêu cụ thể. Các chỉ tiêu được xây dựng theo hướng SMART (S - cụ thể, M - đo đếm được, A - khả thi, R - liên quan đến mục tiêu và thực tiễn từng giai đoạn; và T - xác định về thời gian); theo đó chỉ tiêu tập trung vào những khía cạnh có thể đo lường một cách đáng tin cậy, khả thi và đánh giá được sự thay đổi; gắn với các nhiệm vụ trọng tâm. Đặc biệt, chỉ tiêu xác định đến cấp cơ sở và từng từng cấp Hội theo từng năm để cấp cơ sở có thể xác định được trách nhiệm của mình trong thực hiện chỉ tiêu. Trong số 8 chỉ tiêu, chỉ có 2 chỉ tiêu theo nhiệm kỳ và tính trong toàn quốc (chỉ tiêu hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế và chỉ tiêu phát triển hội viên) được xây dựng trên đăng ký của các tỉnh và tính toán theo tiến độ và thực tiễn vào cuối nhiệm kỳ 2017-2022.

Các chỉ tiêu có thể phân theo 4 nhóm:

- *Nhóm chỉ tiêu về phát triển kinh tế* gồm chỉ tiêu thứ 2: Hằng năm giúp 33.500 hộ có phụ nữ thoát nghèo, thoát cận nghèo; hỗ trợ nâng cao năng lực cho 17.000 phụ nữ là chủ doanh nghiệp, quản lý hợp tác xã, chủ hộ kinh doanh. Đến cuối nhiệm kỳ, vận động, hỗ trợ thành lập mới 350 hợp tác xã có phụ nữ tham gia quản lý.

- *Nhóm chỉ tiêu về văn hoá – xã hội – môi trường* gồm 3 chỉ tiêu là chỉ tiêu số 1: Hằng năm, mỗi cơ sở Hội duy trì thường xuyên ít nhất 01 loại hình hoạt động để vận động phụ nữ nâng cao kiến thức, trau dồi đạo đức, rèn luyện sức khỏe; chỉ tiêu số 3: Đến cuối nhiệm kỳ, các cấp Hội hỗ trợ 80% phụ nữ, trẻ em gái là nạn nhân của bạo lực gia đình, nạn nhân mua bán người trở về được phát hiện tiếp cận ít nhất một dịch vụ trợ giúp xã hội và chỉ tiêu số 4: Hằng năm, mỗi cơ sở Hội vận động, hỗ trợ thêm 05 hộ gia đình đạt tiêu chí “gia đình 5 không, 3 sạch” hoặc “gia đình 5 có, 3 sạch” (đối với địa bàn xây dựng nông thôn mới nâng cao/kiểu mẫu), phấn đấu cả nước giúp được thêm 55.000 hộ gia đình đạt 8 tiêu chí; mỗi cơ sở Hội đăng ký và thực hiện 01 công trình/phần việc góp phần xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh.

- *Nhóm chỉ tiêu về xây dựng tổ chức Hội* gồm 2 chỉ tiêu là chỉ tiêu số 5: Đến cuối nhiệm kỳ, tăng thêm 800.000 hội viên; phấn đấu 100% cơ sở Hội tập hợp được trên 60% phụ nữ có mặt tại địa bàn và chỉ tiêu số 6: Đến cuối nhiệm kỳ, 100% cán bộ Hội chuyên trách các cấp sử dụng thành thạo các phần mềm cơ bản.

- Nhóm chủ tiêu về tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền/phụ nữ tham chính gồm 2 chỉ tiêu là chỉ tiêu số 7: Hằng năm, Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp trung ương và cấp tỉnh chủ trì giám sát ít nhất 01 chính sách và phản biện xã hội ít nhất 01 dự thảo văn bản liên quan đến phụ nữ, trẻ em, gia đình, bình đẳng giới và tổ chức Hội; mỗi Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp huyện, cấp xã giám sát ít nhất 01 chính sách và góp ý ít nhất 01 dự thảo văn bản của cấp ủy, chính quyền và chỉ tiêu số 8: Đến cuối nhiệm kỳ, Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp trung ương đề xuất thành công ít nhất 05 chính sách, đề án; Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp tỉnh đề xuất thành công ít nhất 01 chính sách, đề án liên quan đến phụ nữ.

4. Phong trào thi đua và Cuộc vận động

Đại hội quyết định phát động Phong trào thi đua “*Xây dựng người Phụ nữ Việt Nam thời đại mới*” gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Phong trào thi đua này là cụ thể hoá nội dung Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc XIII: “*Phát huy truyền thống, tiềm năng, thế mạnh và tinh thần làm chủ, khát vọng vươn lên của các tầng lớp phụ nữ. Xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Tăng cường các chương trình phát triển, hỗ trợ cập nhật tri thức, kỹ năng cho phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi. Hoàn thiện và thực hiện tốt luật pháp, chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới. Kiên quyết xử lý nghiêm theo pháp luật các tệ nạn xã hội, các hành vi bạo lực, mua bán, xâm hại phụ nữ, trẻ em*”.

Với các nội hàm của người phụ nữ thời đại mới là có tri thức, có đạo đức, có sức khỏe, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội và đất nước, phong trào thi đua đã kế thừa và phát huy được các nội dung của phong trào thi đua “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc” đã triển khai qua 4 nhiệm kỳ và cuộc vận động “Rèn luyện phẩm chất đạo đức tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang” thực hiện qua 2 nhiệm kỳ. “Có tri thức” chính là đầu ra của “tích cực học tập” và là động lực cho “lao động sáng tạo”, “có đạo đức” là kế thừa từ cuộc vận động “Rèn luyện phẩm chất đạo đức tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang”, “có trách nhiệm với gia đình và xã hội” là đầu ra của lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”. Điểm mới là lần đầu tiên yêu tố sức khỏe và có trách nhiệm với bản thân được đưa vào nội hàm về người phụ nữ phù hợp với yêu cầu của thời đại, thể hiện quan điểm “lấy hạnh phúc và lợi ích của phụ nữ là mục tiêu cho mọi hoạt động”.

Cuộc vận động “Xây dựng người phụ nữ thời đại mới” đã được nhiều tỉnh/thành cụ thể hoá thành phong trào thi đua của tỉnh mình, phù hợp với yêu cầu thực tế địa phương và thể hiện được các nội hàm của Người phụ nữ thời đại mới.

Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” tiếp tục được triển khai sang nhiệm kỳ thứ ba nhưng có sự điều chỉnh về nội hàm để đáp ứng yêu cầu của bối cảnh mới nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu của Chương trình

MTQG nông thôn mới với các tiêu chí nông thôn mới nâng cao và xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Theo đó, tại địa bàn xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu sẽ triển khai xây dựng gia đình 5 có, 3 sạch, trong đó 5 có gồm Có ngôi nhà an toàn; Có sinh kế bền vững; Có sức khỏe; Có kiến thức; Có nếp sống văn hóa.

Phong trào thi đua, cuộc vận động là động lực thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm. Việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm chính là thể hiện sinh động, cụ thể và góp phần và thành công của phong trào thi đua, cuộc vận động. Kết quả triển khai các nhiệm vụ công tác Hội chính là thước đo hiệu quả của phong trào thi đua.

5. Khâu đột phá

Rút kinh nghiệm từ việc xác định khâu đột phá từ nhiệm kỳ XII, trong nhiệm kỳ XIII, khâu đột phá được viết theo hướng cụ thể hơn, không bao trùm nhiệm vụ mà là những khâu/linh vực rất quan trọng, cần tác động mạnh để tạo ra những biến chuyển mới, mạnh mẽ, tạo ra thành công có tính nhảy vọt, Nhiệm kỳ XIII, khâu đột phá sẽ nhằm tập trung giải quyết khâu yếu của nhiệm kỳ trước về chất lượng hoạt động ở cơ sở, đặc biệt là chi, tổ Hội Phụ nữ, đưa hoạt động Hội ngày càng sát với hội viên, phụ nữ, là chủ thể và trung tâm của phát triển; đồng thời phù hợp với định hướng xây dựng xã hội số, chuyển đổi số của đất nước; ứng dụng và phát triển công nghệ mới, thích ứng với bối cảnh mới.

6. Các nhiệm vụ trọng tâm

Đại hội xác định 3 nhiệm vụ trọng tâm. Về số lượng là không thay đổi so với nhiệm kỳ trước nhưng cách thiết kế nhiệm vụ có sự điều chỉnh để mỗi nhiệm vụ sẽ đi theo một yếu tố then chốt đối với sự sống còn của tổ chức Hội. Cụ thể là:

6.1 Nhiệm vụ 1 tập trung vào đối tượng là hội viên, phụ nữ - nhân tố sống còn và liên quan đến chức năng đại diện của Hội. Các nội dung cụ thể của nhiệm vụ này gồm:

- ***Xây dựng người phụ nữ Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, hội nhập quốc tế:*** Vận động phụ nữ phát huy tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị truyền thống với giá trị thời đại; rèn luyện phẩm chất đạo đức “*tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang*” gắn với đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; khuyến khích phụ nữ chủ động học tập, nâng cao năng lực, trình độ mọi mặt. Hỗ trợ phụ nữ hội nhập quốc tế; kết nối, tư vấn, hỗ trợ giải quyết khó khăn và phát huy vai trò của một số nhóm phụ nữ đặc thù. Tổ chức thực hiện tốt chương trình “**Đồng hành cùng phụ nữ biên cương**”; dự án “**Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em**” trong Chương trình MTQG “**Phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, miền núi giai đoạn 2021-2030**”.

- ***Xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh; xây dựng môi trường an toàn cho phụ nữ, trẻ em.*** Triển khai cuộc vận động “**Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch**” với các tiêu chí cụ thể, phù hợp, gắn với

giữ gìn, phát huy hệ giá trị văn hóa, giá trị của quốc gia - dân tộc, góp phần xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh. Thực hiện tốt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030; các chương trình MTQG, các đề án, hoạt động hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình, tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ; vận động xã hội xây dựng cộng đồng an toàn cho phụ nữ, trẻ em. Thí điểm và nhân rộng các mô hình bảo vệ, hỗ trợ phụ nữ và trẻ em; đẩy mạnh thực hiện cơ chế phối hợp liên ngành trong giải quyết các vụ việc liên quan đến phụ nữ và trẻ em. Tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức và kỹ năng cho phụ nữ phòng chống thiên tai, dịch bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- **Hỗ trợ nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ.** Vận động, hỗ trợ phụ nữ tiếp cận kinh tế số, sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị, góp phần thực hiện chương trình quốc gia “*Mỗi xã một sản phẩm*”; hỗ trợ thành lập, nâng cao chất lượng hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác do phụ nữ quản lý; phát huy vai trò, thế mạnh của Hiệp hội, Câu lạc bộ nữ doanh nhân. Tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, Đề án/chương trình Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp; tập trung hỗ trợ phụ nữ phát huy nội lực, giúp nhau giảm nghèo bền vững; nâng cao chất lượng các hoạt động tín dụng, tiết kiệm, tài chính vi mô. Mở rộng liên kết đào tạo nghề, tư vấn, giới thiệu việc làm theo nhu cầu của thị trường lao động.

Thực hiện tốt nhiệm vụ 1 sẽ góp phần thực hiện 4 chỉ tiêu (chỉ tiêu số 1,2,3 và 4) và các nội hàm của phong trào thi đua (có tri thức, có đạo đức, có sức khỏe, có trách nhiệm với gia đình và cộng đồng). Trong nhiệm vụ 1 cũng nêu ra các giải pháp thực hiện Cuộc vận động Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch và giải pháp để thực hiện các tiêu chí cụ thể của cuộc vận động là không đói nghèo, không có trẻ suy dinh dưỡng, bỏ học, không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, không bạo lực gia đình và tiêu chí 3 sạch.

6.2 Nhiệm vụ 2 hướng đến nhân tố nền tảng, quy định thể chế, cơ chế, phương tiện... định hướng chính trị của tổ chức Hội, - đó là tham gia xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, góp phần bảo vệ nền tảng chính trị của Đảng. Để làm tốt chức năng này, nhiệm vụ 2 chú trọng giám sát, phản biện xã hội và vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới với các nội dung cụ thể:

- **Tuyên truyền, vận động hội viên, phụ nữ thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước,** nâng cao ý thức “thượng tôn pháp luật”, gương mẫu tuân thủ pháp luật; nâng cao chất lượng, đa dạng hóa các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật; chú trọng tổ chức các diễn đàn đối thoại chính sách, đối thoại với người đứng đầu cấp ủy, chính quyền.

- **Nâng cao chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội, đề xuất chính sách liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới.** Phát huy vai trò đại diện của tổ chức Hội trong các đoàn giám sát liên ngành, các cơ quan dân cử. Đẩy mạnh tính chủ động, thống nhất, phối hợp hành động để thực hiện tốt vai trò đại diện của tổ chức Hội trong chu trình xây dựng, thực thi, giám sát chính sách, pháp luật liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới.

Khuyến khích cán bộ, hội viên, phụ nữ phát hiện, phản ánh các vấn đề bất cập trong quá trình thực hiện các chương trình, dự án, chính sách. Nghiên cứu, dự báo các vấn đề phát sinh trong thực tiễn để kịp thời đề xuất, góp ý, phản biện xã hội.

- **Thực hành dân chủ cơ sở, thực hiện hiệu quả chức năng đại diện của tổ chức Hội.** Tổ chức các hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát huy quyền làm chủ, thực hiện phương châm “**dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng**”. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội để phát huy sức mạnh của nhân dân trong thực hiện các Chương trình, phong trào thi đua của địa phương, đất nước; đa dạng hóa các hình thức, kênh tiếp thu và phản ánh ý kiến nguyện vọng, kiến nghị của phụ nữ, của nhân dân.

- **Vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới.** Thực hiện tốt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030. Tập trung nghiên cứu và dự báo chiến lược về các vấn đề bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ. Tham mưu thực hiện công tác cán bộ nữ theo tinh thần Nghị quyết số 11 và Chỉ thị số 21 của Ban Bí thư khóa 12. Tiếp tục duy trì và nâng cao năng lực, tăng cường sự kết nối của mạng lưới lãnh đạo nữ.

Thực hiện tốt nhiệm vụ 2 là góp phần thực hiện 2 chỉ tiêu (chỉ tiêu số 7 và 8), cũng góp phần thực hiện nội hàm “có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng và xã hội, đất nước” của phong trào phụ nữ thông qua việc tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, tham gia xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, thực hành dân chủ cơ sở. Trong quá trình triển khai các hoạt động giám sát, phản biện xã hội liên quan đến xây dựng nông thôn mới, các phát hiện và đề xuất của Hội chính là để xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, đồng thời khẳng định vị thế của Hội trong chương trình xây dựng nông thôn mới nói chung và cuộc vận động Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch nói riêng.

6.3 Nhiệm vụ 3 tập trung cho xây dựng tổ chức Hội - nhân tố chủ chốt để thực hiện thành công chức năng, nhiệm vụ chính trị Hội, với trọng tâm là các nội dung sau:

- **Phát triển mạng lưới, thu hút hội viên, thành viên.** Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động Hội theo phương châm “**ở đâu có phụ nữ, ở đó có hoạt động Hội**”; đa dạng hoá các hình thức thu hút, tập hợp phụ nữ. củng cố các mô hình chi Hội, tổ phụ nữ theo địa bàn dân cư; mở rộng các mô hình phù hợp trong tập hợp phụ nữ. Cán bộ Hội chuyên trách các cấp thực hiện “**3 cùng**” với chi Hội: “**cùng nghe phụ nữ nói, cùng nói cho phụ nữ hiểu, cùng làm cho phụ nữ theo**”; hỗ trợ cơ sở khó khăn trong công tác tập hợp phụ nữ, phát triển hội viên. Tăng cường kết nối, phát huy thế mạnh của hội viên Hội Nữ trí thức Việt Nam, Hiệp hội Nữ doanh nhân Việt Nam.

- **Nâng cao chất lượng cán bộ, kiện toàn bộ máy tổ chức Hội các cấp.** Xây dựng đội ngũ cán bộ Hội, nhất là người đứng đầu có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực, tư duy đổi mới, có kỹ năng vận động phụ nữ và khả năng

thích ứng với thực tiễn, đáp ứng tiêu chuẩn cán bộ, yêu cầu công tác phụ nữ. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội các cấp. Hỗ trợ, động viên, tôn vinh chi hội trưởng, người đứng đầu các tổ, nhóm, mạng lưới phụ nữ. Kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách các cấp; tái cơ cấu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Hội.

- **Xây dựng văn hóa tổ chức, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành bộ máy cơ quan chuyên trách và hệ thống Hội.** Quán triệt, thấm nhuần và lan tỏa các giá trị cốt lõi của tổ chức Hội “*Đoàn kết, nhân văn, sáng tạo, khát vọng, phát triển*” đến từng cán bộ, hội viên, phụ nữ. Cơ quan chuyên trách Hội các cấp thực hiện nghiêm cải cách hành chính. Triệt để phân cấp, phân quyền, phản ứng nhanh, hiệu quả với các vấn đề của phụ nữ. Cải tiến mạnh mẽ công tác thi đua, khen thưởng.

- **Nâng cao vị thế, mở rộng ảnh hưởng của tổ chức Hội trong quan hệ đối ngoại.** Thực hiện tốt Nghị quyết “Hỗ trợ phụ nữ hội nhập quốc tế đến năm 2030”. Triển khai có hiệu quả các chương trình đoàn kết, hữu nghị và thỏa thuận hợp tác với tổ chức phụ nữ của các nước láng giềng, các nước trên thế giới; phối hợp bảo vệ quyền lợi và nhân phẩm của phụ nữ Việt Nam trong các quan hệ, giao dịch có yếu tố nước ngoài; kết nối, hỗ trợ thành lập và hỗ trợ hoạt động của các tổ chức phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài. Tăng cường quảng bá văn hóa, kết nối giao thương, khai thác nguồn lực tổ chức các hoạt động cho phụ nữ và bình đẳng giới.

Thực hiện tốt nhiệm vụ 3 là góp phần thực hiện 2 chỉ tiêu (chỉ tiêu số 5 và 6). Làm tốt việc thu hút hội viên, thành viên tham gia hoạt động Hội chính là cơ hội để qua các hoạt động Hội, phụ nữ hưởng ứng và thực hiện phong trào thi ở các nội hàm về có tri thức, sức khỏe, đạo đức, xây dựng gia đình và có trách nhiệm bản thân, gia đình và xã hội.

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ trên và cũng xác định đầu ra cụ thể cho các nỗ lực của Hội, Báo cáo chính trị nêu dự kiến đến cuối nhiệm kỳ, TW Hội sẽ đề xuất thành công ít nhất 05 chính sách, đề án và 02 chương trình, Cụ thể là:

05 chính sách, đề án: gồm (1) Chính sách chi trả bảo hiểm y tế cho tầm soát một số bệnh ung thư thường gặp ở phụ nữ; (2) Chương trình/đề án/chính sách đặc thù bảo vệ và hỗ trợ phụ nữ khuyết tật, cao tuổi, lao động nữ di cư; (3) Chính sách hoặc đề án hỗ trợ cha mẹ có con dưới 36 tháng tuổi gửi trẻ ở vùng có khu công nghiệp, khu chế xuất, đông lao động nữ di cư; (4) Đề án hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý và tạo việc làm cho lao động nữ giai đoạn 2022 - 2030; (5) Đề án chuyển đổi số trong hệ thống Hội LHPN Việt Nam giai đoạn 2025-2030 và 02 chương trình gồm (1) Chương trình hỗ trợ một triệu phụ nữ nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, tiếp cận Chính phủ điện tử và nền kinh tế số, và (2) Chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và kỹ năng lồng ghép giới cho 3.500 cán bộ nữ.

Trong nhiệm kỳ, các cấp Hội sẽ thí điểm, triển khai một số mô hình/hoạt động mới, cụ thể như sau:

- Văn phòng Dịch vụ một điểm đến hỗ trợ phụ nữ di cư trở về, Trung tâm một

cửa Hỗ trợ phụ nữ và trẻ em là nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới, đường dây nóng.

- Các hình thức thu hút, tập hợp phụ nữ trên không gian mạng.

- Phát hành Thẻ hội viên thông minh.

- Đề xuất cơ chế để các tổ chức chính trị - xã hội trong đó có tổ chức Hội thực hiện các dịch vụ, hoạt động có thu phù hợp với tôn chỉ, mục đích.

- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động Hội, xây dựng cơ chế đánh giá, kiểm tra, giám sát nội bộ của của cơ quan chuyên trách Hội.

- Giải thưởng Nguyễn Thị Định dành cho cán bộ Hội xuất sắc.

- Xây dựng Chiến lược nghiên cứu về phụ nữ và bình đẳng giới của Hội LHPN Việt Nam.

7. Các nhóm giải pháp

Để triển khai phong trào thi đua, cuộc vận động và 3 nhiệm vụ trọng tâm, bên cạnh các giải pháp cụ thể đã nêu trong 3 nhiệm vụ, còn có 4 nhóm giải pháp chung là những giải pháp tổng thể, cơ bản, mang tính xuyên suốt và cần được quán triệt, vận dụng trong quá trình triển khai tất cả 3 nhiệm vụ trọng tâm trong cả nhiệm kỳ.

- *Nhóm giải pháp về Đổi mới công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức*, gồm Xây dựng hình ảnh tổ chức (HĐ Hội, lãnh đạo, cán bộ); sử dụng bộ nhận diện trong mọi hoạt động; Kết nối, sử dụng người có ảnh hưởng để tận dụng mạng lưới của họ; Đa dạng hoá sản phẩm, phương thức truyền thông; Phối hợp cơ quan truyền thông ở các địa phương, phát triển các ứng dụng trên điện thoại; phát huy vai trò các cơ quan truyền thông của Hội.

- *Nhóm giải pháp về Đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành* gồm thực hiện chuyển đổi số; Phân cấp, phân quyền, tăng cường tính chủ động và Rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy định.

- *Nhóm giải pháp về Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn* gồm Nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu lý luận về công tác phụ nữ, bình đẳng giới; Nâng cao năng lực nghiên cứu của cán bộ Hội các cấp, lấy nghiên cứu là tiêu chí đánh giá thi đua và Phối hợp các tổ chức/cơ quan nghiên cứu.

- *Nhóm giải pháp về Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp và vận động nguồn lực* gồm Thực hiện các cơ chế phối hợp hiện có, Ký kết phối hợp theo cơ chế đặt hàng; Xây dựng các đề án, tham gia các chương trình MTQG; Đề xuất Hội thực hiện dịch vụ có thu phù hợp tôn chỉ, mục đích; Kết nối các doanh nghiệp, tổ chức; Vận động nhà hảo tâm trong các hoạt động an sinh xã hội và Mở rộng quan hệ đối tác với các tổ chức/cá nhân quốc tế.

Lưu ý, trong quá trình tổ chức triển khai và đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm phải gắn với đánh giá việc cụ thể hóa, vận dụng và triển khai hiệu quả các giải pháp cụ thể trong từng nhóm giải pháp. Một giải pháp có thể áp dụng thực hiện cho nhiều nhiệm vụ và một nhiệm vụ có thể áp dụng nhiều giải pháp./.

NHIỆM VỤ 1

**HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN,
XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VIỆT NAM AN NHÒ, HẠNH PHÚC,
TIẾN BỘ, VĂN MINH**

Chuyên đề 2

XÂY DỰNG NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, HỘI NHẬP QUỐC TẾ

A. MỤC TIÊU BÀI GIẢNG

- Cán bộ Hội các cấp nắm và hiểu đầy đủ nội dung cơ bản của nhiệm vụ Xây dựng người phụ nữ Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, hội nhập quốc tế, các giải pháp thực hiện chỉ tiêu số 1; nắm rõ những điểm mới của nhiệm vụ.

- Các cấp Hội liên hệ và xác định được các giải pháp nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ tại địa phương, đơn vị mình.

- Các tỉnh/thành Hội, đơn vị trực thuộc cụ thể hóa nội dung nhiệm vụ trong quá trình bổ sung, hoàn thiện chương trình hành động toàn khóa phù hợp với thực tiễn, có tính khả thi cao.

B. NỘI DUNG CHUYÊN ĐỀ

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ VIỆC THỰC HIỆN NỘI DUNG CHUYÊN ĐỀ THEO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU PNTQ LẦN THỨ XII

1. Kết quả nổi bật

- *Các chỉ tiêu liên quan đến công tác tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phụ nữ phát triển toàn diện đều vượt cao³:*

- *Công tác tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phụ nữ phát triển toàn diện tiếp tục được đổi mới*, trong đó coi trọng tuyên truyền giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống thông qua cuộc vận động phụ nữ rèn luyện phẩm chất đạo đức “Tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang” gắn với thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW, tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức, tác phong, lề lối làm việc của cán bộ, hội viên, phụ nữ⁴. Trong đó, điển hình như *Hội LHPN tỉnh Hà Tĩnh* với nhiều mô xây dựng mô hình rèn luyện phẩm chất người cán bộ “gần dân”, như mô hình “Đổi mới tác phong, lề lối làm việc”, “Nhật ký thăm hộ”... *Hội LHPN quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng* tổ chức cuộc thi tìm hiểu kiến thức về Cuộc đời và tư tưởng Hồ Chí Minh, kể chuyện Bác Hồ với phụ nữ Việt Nam thông qua mạng xã hội Facebook; xây dựng sổ tay “*Trích dẫn những nội dung Chỉ thị 05 và những mẫu chuyện nhỏ về cuộc đời và sự nghiệp của Bác Hồ*”; Trao 20 ảnh Bác, thiết kế và tặng 100 huy hiệu có hình Bác Hồ cho cán bộ, hội viên, phụ nữ.

Việc phát động phong trào “*Mỗi phụ nữ lựa chọn một hình thức văn hóa* -

³ *Chỉ tiêu 2:* Hàng năm, mỗi cơ sở Hội tổ chức ít nhất 02 hoạt động tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục truyền thống, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho phụ nữ. Kết quả: có **248.353** hoạt động được tổ chức, gấp 11,7 lần chỉ tiêu đề ra (21.206 hoạt động)

Chỉ tiêu 3: Hàng năm, mỗi cơ sở Hội phát hiện, xây dựng, biểu dương, tuyên truyền nhân rộng ít nhất 02 điển hình là cá nhân phụ nữ tiêu biểu, mô hình hoặc cách làm hay; đạt chỉ tiêu ít nhất 20.000 điển hình/năm trong toàn quốc. Kết quả: Có **109.036** điển hình (gấp hơn 5 lần chỉ tiêu).

⁴ Đến cuối nhiệm kỳ, trên 19.000 cá nhân, tập thể điển hình tiên tiến được tuyên truyền, biểu dương trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và rèn luyện phẩm chất đạo đức phụ nữ Việt Nam “Tự tin, Tự trọng, Trung hậu, Đảm đang”

văn nghệ, thể dục - thể thao quần chúng phù hợp để rèn luyện sức khỏe” đã đáp ứng nguyện vọng và thu hút ngày càng đông đảo phụ nữ tham gia, tạo thành nếp sống văn hóa lành mạnh trong cộng đồng⁵. Điển hình như CLB “Phụ nữ hát quan họ” (Bắc Ninh), CLB “Phụ nữ với văn hóa công chiêng” (Gia Lai), “Phụ nữ với văn hóa du lịch” (Ninh Bình, Đồng Tháp), CLB “Kèn đồng” (Thái Bình), mô hình “Không thách cưới” (Lâm Đồng) ... Tại Bắc Ninh, Đắk Lắk, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bến Tre phát triển, duy trì hiệu quả nhiều mô hình câu lạc bộ rèn luyện sức khỏe: CLB khiêu vũ thể thao, dưỡng sinh, yoga, cầu lông, bóng chuyền, aerobic, tập gym, bóng chuyền hơi nữ, thể dục dưỡng sinh, thể dục nhịp điệu, yoga, múa dân gian và nhạc truyền thống....

- Các hoạt động giáo dục truyền thống được tổ chức ở nhiều quy mô, gắn với các ngày lễ lớn của đất nước, của Hội đã tiếp lửa truyền thống, khơi dậy niềm tự hào dân tộc trong các tầng lớp phụ nữ. Đến cuối nhiệm kỳ, đã có trên **41 triệu** lượt cán bộ, hội viên, phụ nữ được tuyên truyền, phổ biến các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng. Đợt sinh hoạt chính trị “Giữ trọn niềm tin theo Đảng” (2020) đã thu hút trên **1,2 triệu** lượt cán bộ, hội viên, phụ nữ tham gia. Chương trình Áo dài di sản văn hóa Việt Nam do TW Hội khởi xướng được cấp Giấy chứng nhận bản quyền tác giả đã tạo hiệu ứng lan tỏa rộng rãi, góp phần vận động các giá trị áo dài sớm trở thành di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Điển hình: Hội LHPN TP Đà Nẵng tổ chức livestream lễ phát động “Tuần lễ Áo dài” trên fanpage Hội LHPN TP Đà Nẵng và nhóm Facebook “Phụ nữ Đà Nẵng - Lắng nghe và chia sẻ”. Nhiều tỉnh, thành⁶ tổ chức cuộc thi “áo dài qua ảnh”, đồng diễn áo dài, tọa đàm giữ gìn và phát triển áo dài di sản văn hóa Việt Nam

Trung ương và nhiều tỉnh, thành tổ chức các Hội thảo khoa học nghiên cứu, đánh giá sâu sắc các bài học có giá trị lịch sử từ cuộc đời hoạt động cách mạng của nhiều bậc tiền bối như Hội thảo “Đồng chí Nguyễn Thị Thập - cuộc đời và sự nghiệp”, Hội thảo khoa học “Huyền thoại mười nữ liệt sỹ dân quân pháo phòng không Lam Hạ”, giao lưu gặp mặt các nhân chứng lịch sử nhân dịp kỷ niệm 55 năm Đội quân tóc dài và 50 năm Phong trào ba đảm đang ... do Trung ương Hội tổ chức, cùng nhiều hội thảo do cấp tỉnh, thành Hội tổ chức về các tấm gương anh hùng liệt nữ của địa phương, như “Chung gánh nước non” (Kiên Giang), “Bài ca tám chữ vàng” (Phú Thọ), “Sáng mãi truyền thống 3 đảm đang” (Hà Nội).

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, tư vấn pháp luật được thực hiện thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm; chủ động, linh hoạt trong vận động, tuyên truyền tại các địa bàn phức tạp về trật tự xã hội. Các hình thức tư vấn trực tuyến, đường dây nóng, tư vấn cộng đồng, đối thoại chính sách, tuyên truyền pháp luật ngay trong quá trình tham vấn chính sách, các “Ngày hội Phụ nữ với pháp luật”,

⁵ Số cơ sở Hội duy trì ít nhất một hình thức văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao đã tăng lên cả về số lượng và chất lượng: từ **9.705 cơ sở Hội** (năm 2014) đã tăng lên **10.082 cơ sở Hội** (năm 2020) duy trì ít nhất một mô hình văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao với **619.115 mô hình** thu hút gần 3 triệu phụ nữ tham gia. Năm 2019, TW Hội đã tổ chức thành công Liên hoan Thể dục thể thao Phụ nữ toàn quốc thu hút gần 400 đại biểu tham gia (trong đó gần 300 vận động viên là cán bộ, hội viên, phụ nữ đến từ 40 tỉnh, thành, đơn vị).

⁶ Hà Tĩnh, Vĩnh Phúc, Ninh Bình, Vũng Tàu

chi, tổ phụ nữ/CLB phòng chống tội phạm và TNXH được duy trì, nhân rộng⁷... đã giúp phụ nữ, gia đình và cộng đồng nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, “sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật”.

- Hình thức tuyên truyền được đổi mới, đa dạng, tăng tính tương tác, bắt kịp xu hướng phát triển của truyền thông hiện đại. Công tác phối hợp với các bộ, ngành liên quan, các cơ quan thông tấn báo chí được quan tâm thúc đẩy, hoạt động tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng có nhiều khởi sắc. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, kịp thời cung cấp thông tin chính thống cho hội viên, phụ nữ trên các phương tiện trên mạng xã hội (zalo, facebook...). Các cơ quan báo chí, xuất bản, tuyên truyền của Hội đã tạo ra nhiều sản phẩm số, từng bước đáp ứng nhu cầu của tình hình hiện nay. Hội Liên hiệp Phụ nữ nhiều tỉnh/thành phố đã xây dựng và vận hành trang thông tin điện tử kết nối với Cổng thông tin điện tử của trung ương và địa phương, kết hợp tuyên truyền trực tiếp và tương tác qua mạng xã hội⁸. Các hoạt động tuyên truyền của Hội đã thu hút được sự tham gia của nam giới, các thành viên trong gia đình và xã hội. Nhiều sự kiện quy mô lớn có sự tham gia của người có tầm ảnh hưởng, đội ngũ trí thức, chuyên gia... đã nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền. Nhiều tỉnh, thành đã vận dụng sáng tạo và hiệu quả thông tin quý: biên soạn lại, dịch tiếng dân tộc; ngoài nội dung do Trung ương định hướng, chủ động bổ sung các tư liệu truyền thống, các nội dung tuyên truyền của địa phương tới cán bộ, hội viên, phụ nữ, như: Ban công tác phụ nữ Quân đội, Hà Tĩnh, Hải Dương, Quảng Bình, Bắc Giang, thành phố Hồ Chí Minh, Yên Bái.

- Nhiều hình thức phát hiện, bồi dưỡng, biểu dương, tôn vinh, nhân rộng mô hình tiêu biểu thông qua các giải thưởng cấp quốc gia và tỉnh/thành (Giải thưởng Phụ nữ Việt Nam, Giải thưởng Kovalevskaia, Giải thưởng Lê Chân...), các cuộc giao lưu, gặp mặt... đã truyền cảm hứng, khẳng định vai trò và sự đóng góp to lớn của phụ nữ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, cũng như khích lệ phụ nữ tiếp tục phấn đấu hoàn thiện phẩm chất người phụ nữ Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế.

- Hoạt động hỗ trợ phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài được tăng cường thông qua phối hợp với các cơ quan, đối tác trong và ngoài nước trong bảo vệ quyền lợi của chị em trong giao dịch có yếu tố nước ngoài như kết hôn quốc tế, xuất khẩu lao động, quan tâm giáo dục định hướng như một biện pháp bảo hộ tích cực, bảo hộ từ xa⁹. Một số tỉnh/thành Hội phối hợp với các đối tác Hàn Quốc đào tạo định hướng

⁷ “Tổ phụ nữ tự tin nói không với tin dụng đen” Tổ phụ nữ dân tộc với pháp luật”, “Tổ phụ nữ tự tin nói không với số đề (Hội LHPN xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng); Câu lạc bộ “Nữ phòng chống tội phạm” (Hội LHPN ấp Gò Cát, Xã Diên Hải, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu); Lào Cai: Mô hình “Tổ phụ nữ không có chồng con và người thân mắc các tệ nạn xã hội; Phòng chống bạc lực gia đình - xâm hại trẻ em”; CLB “Nói không với tảo hôn, không kết hôn cận huyết thống”.

⁸ Gần 2 nghìn trang fanpage facebook, hơn 11 nghìn nhóm zalo được thành lập phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, tuyên truyền của các cấp Hội.

⁹ Ví dụ với địa bàn Hàn Quốc có đông cô dâu Việt, TW Hội và Hội PN một số tỉnh, thành hợp tác với nhiều đối tác đào tạo định hướng trước khi xuất cảnh cho cô dâu (Trung tâm Chính sách nhân quyền Liên hợp quốc Hàn Quốc - KOCUN), các vụ việc liên quan đến môi giới hôn nhân Việt - Hàn bất hợp pháp, các trường hợp cô dâu bị ngược

trước khi xuất cảnh cho cô dâu, hỗ trợ tái hòa nhập bền vững cho phụ nữ hồi hương. Nhiều địa phương phối hợp các ngành tư vấn giới thiệu lao động nữ đi lao động ở nước ngoài (An Giang, Hà Tĩnh) ...

Phát huy vai trò của phụ nữ trong các hoạt động đối ngoại qua biên giới, đã có nhiều mô hình tuyên truyền về bảo vệ an ninh, biên giới biển đảo hiệu quả như mô hình CLB “*Tiếng kèng an ninh biên giới*”, “*Tiếng kèng vùng biên*”, “*Tổ phụ nữ không tham gia đánh bạc*”, “*Tổ hội viên, phụ nữ cam kết không tham gia buôn lậu*”; “*Biên giới bình yên, nội biên vững mạnh*” của Long An; mô hình CLB “*Phụ nữ không vi phạm quy chế biên giới*”, “*Phụ nữ tham gia phòng, chống vượt biên*” tại tỉnh Đắk Lắk; “*Tổ Phụ nữ tự quản đường biên cột mốc*” của Đồng Tháp; mô hình “*Tổ phụ nữ bảo vệ đường biên mốc giới*” của tỉnh Lào Cai; mô hình “*Điểm sáng biên giới*”, “*Phụ nữ tham gia bảo vệ đường biên, cột mốc*”, tổ chức tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm của các mô hình phụ nữ tham gia bảo vệ biên giới ở Bình Phước; mô hình “*Tổ phụ nữ tham gia giữ gìn an ninh biên giới*” tại An Giang (21 tổ với 324 thành viên)...

2. Vấn đề đặt ra

- Công tác nắm bắt tình hình, tư tưởng, đời sống, việc làm của hội viên, phụ nữ tại một số địa phương chưa kịp thời, sâu sát.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục, xây dựng người phụ nữ phát triển toàn diện chưa đáp ứng được yêu cầu của xã hội, nhu cầu của phụ nữ và chưa đến được hết các nhóm đối tượng phụ nữ.

- Cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số phát triển mạnh mẽ, sự phát triển của các phương thức truyền thông hiện đại... đáp ứng tốt hơn nhu cầu, khả năng tiếp cận thông tin của phụ nữ, nhưng cũng đặt ra thách thức lớn cho phụ nữ trong việc tiếp nhận, làm chủ thông tin cũng như đối với công tác tuyên truyền, vận động phụ nữ.

- Xu hướng dân chủ hóa mọi hoạt động của đời sống xã hội ngày càng mạnh mẽ, dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện ngày càng được mở rộng, vừa tạo điều kiện, vừa thúc đẩy phụ nữ nâng cao trình độ dân trí, nhận thức chính trị, trách nhiệm công dân, song cũng kèm theo nguy cơ phụ nữ dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng, lôi kéo. Còn tình trạng một số phụ nữ thiếu hiểu biết pháp luật, nhận thức chưa đầy đủ về bình đẳng giới, quyền của phụ nữ và giá trị của bản thân; suy thoái về đạo đức lối sống, xa rời trách nhiệm với gia đình và xã hội, sa vào tệ nạn xã hội, mê tín, dị đoan.

- Nhiều vấn đề xã hội ảnh hưởng tiêu cực đến phụ nữ cần tiếp tục quan tâm như bạo lực gia đình, ma túy, mại dâm đặc biệt là các vụ việc xâm hại, bạo lực với phụ nữ, trẻ em; sự gia tăng các loại tội phạm mới, tội phạm công nghệ cao đe dọa đến sự an toàn của phụ nữ và trẻ em đã và đang đặt ra vấn đề cần tiếp tục nâng cao kiến thức, kỹ năng sống cho phụ nữ.

3. Bài học kinh nghiệm

- Chú trọng đổi mới, sáng tạo trong xây dựng nội dung, hình thức tuyên truyền, giáo dục đặc biệt tăng cường khai thác thế mạnh, ưu điểm của mạng xã hội để cung cấp thông tin, kiến thức, kỹ năng hỗ trợ phụ nữ phát triển toàn diện phù hợp với từng nhóm đối tượng và đặc thù vùng miền.

- Sử dụng bộ nhận diện Hội trong các sự kiện, sản phẩm truyền thông góp phần gia tăng hiệu ứng truyền thông.

- Tăng cường công tác biểu dương, khen thưởng, phát hiện các điển hình tiên tiến, các mô hình hay và tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

II. NỘI DUNG CHÍNH CỦA CHUYÊN ĐỀ TRONG NHIỆM KỲ 2022 – 2027

1. Cơ sở chính trị, pháp lý liên quan đến việc thực hiện các chỉ tiêu và nội dung nhiệm vụ (có phụ lục đính kèm)

2. Chỉ tiêu

Chỉ tiêu 1: Hằng năm, mỗi cơ sở Hội duy trì thường xuyên ít nhất 01 loại hình hoạt động để vận động phụ nữ nâng cao kiến thức, trau dồi đạo đức, rèn luyện sức khỏe.

* Lưu ý: Thống nhất khái niệm/cách hiểu:

- “Duy trì thường xuyên” được hiểu là hoạt động triển khai thực hiện liên tục về mặt thời gian tính theo tháng (ít nhất tháng nào cũng hoạt động) để có hiệu quả bền vững, thiết thực thay vì chỉ chú trọng số lượng hoạt động.

- “01 loại hình hoạt động” được hiểu là 1 phương thức, 1 cách làm ở một địa bàn hoặc nhiều địa bàn. Ví dụ: cùng là Câu lạc bộ dân vũ được thực hiện ở 5 chi hội khác nhau thì được hiểu là 01 loại hình hoạt động và không được tính là 05 loại hình hoạt động.

Chỉ tiêu trong nhiệm vụ: Phần đầu ít nhất 80% phụ nữ khuyết tật được các cấp Hội hỗ trợ bằng các hình thức khác nhau.

3. Nội dung nhiệm vụ và các điểm mới của nhiệm vụ

3.1. Nội dung nhiệm vụ: Gồm 6 mảng nội dung

(1) Khơi dậy ý chí, khát vọng, tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, phát huy truyền thống tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam, kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị truyền thống với giá trị thời đại; vận động phụ nữ rèn luyện phẩm chất đạo đức “*Tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang*” gắn với đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Phát huy vai trò kết nối, trao truyền của phụ nữ trong giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp tục tôn vinh “Áo dài - Di sản văn hóa Việt Nam” trong đời sống xã hội. Tuyên truyền, vận động hội viên, phụ nữ tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động của đất nước, của Hội; nâng cao nhận thức chính trị, ý thức chấp hành pháp luật, trách nhiệm công dân; khắc phục biểu hiện an phận, thực dụng, suy thoái đạo đức, lối sống... của một bộ phận phụ nữ.

(2) Khuyến khích các tầng lớp phụ nữ chủ động học tập, nâng cao năng lực, trình độ mọi mặt, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Triển khai **Chương trình hỗ trợ một triệu phụ nữ nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, tiếp cận Chính phủ số**.

(3) Giáo dục thẩm mỹ¹⁰, kỹ năng sống, rèn luyện thể chất, nâng cao đời sống tinh thần, triển khai **các hoạt động dân vũ, thể dục, thể thao quần chúng trong hội viên, phụ nữ**, hướng đến mỗi phụ nữ lựa chọn một hình thức văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao phù hợp; vận động phụ nữ tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và hỗ trợ phụ nữ tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe phù hợp. Nghiên cứu, vận động, đề xuất **chính sách chi trả bảo hiểm y tế cho chi phí tầm soát một số bệnh ung thư thường gặp ở phụ nữ**.

(4) Phát huy tiềm năng, sức sáng tạo của phụ nữ, nhất là phụ nữ lãnh đạo, quản lý, nữ trí thức, nữ văn nghệ sĩ, nữ doanh nhân, phụ nữ tài năng trên các lĩnh vực... Kết nối, thúc đẩy hiện thực hóa các ý tưởng sáng tạo của phụ nữ; phát hiện, bồi dưỡng, tôn vinh tài năng nữ thông qua các Giải thưởng Kovalevskaja, Giải thưởng Phụ nữ Việt Nam.

(5) Ứng dụng kết quả đề tài độc lập cấp quốc gia “Cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm đề xuất giải pháp hỗ trợ và bảo vệ một số nhóm phụ nữ đặc thù” để xây dựng và đề xuất chương trình/đề án hỗ trợ phụ nữ cao tuổi, lao động nữ di cư. Phấn đấu ít nhất 80% phụ nữ khuyết tật được các cấp Hội hỗ trợ bằng các hình thức khác nhau. Tổ chức thực hiện tốt chương trình “Đồng hành cùng phụ nữ biên cương” giai đoạn 2021 - 2025; dự án “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em”, góp phần thực hiện hiệu quả Chương trình MTQG “Phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, miền núi giai đoạn 2021 - 2030”.

(6) Chủ động, tích cực hỗ trợ phụ nữ hội nhập quốc tế theo hướng phát huy thế mạnh của các nhóm phụ nữ và tổ chức Hội. Kết nối, vận động phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài cùng giữ gìn tiếng Việt, bản sắc văn hóa, nâng cao tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc, hướng về cội nguồn, quê hương, đất nước.

3.2. Những điểm mới của nhiệm vụ

- Quan điểm 2 trong 5 quan điểm phát triển xác định phát huy, kế thừa truyền thống, phẩm chất của phụ nữ là một trong những nhiệm vụ xuyên suốt: **“Tiếp tục phát huy và kế thừa truyền thống tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam, khơi dậy mạnh mẽ tiềm năng, sức sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường, tinh thần đoàn kết của phụ nữ... là nhiệm vụ xuyên suốt...”**.

- So với nhiệm kỳ XII trong nhiệm kỳ XIII các hoạt động nhằm xây dựng người phụ nữ được mở rộng hơn, với yêu cầu cao hơn không chỉ về phẩm chất đạo

¹⁰ Được hiểu là giáo dục để người học có nhận thức đúng đắn và tương đối đầy đủ về cái đẹp nói chung, cái đẹp trong nghệ thuật nói riêng, về các nền văn hóa, văn minh, các trường phái nghệ thuật, về những điều đối lập với cái đẹp (cái xấu, cái ác)...

đức, trí tuệ, thể chất mà còn phải đáp ứng với yêu cầu phát triển, hội nhập quốc tế; gắn với thực hiện mục tiêu xây dựng con người Việt Nam “*Khơi dậy ý chí, khát vọng, tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị truyền thống với giá trị thời đại*”.

- Thực hiện nhiệm vụ xây dựng người phụ nữ đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, hội nhập quốc tế liên quan mật thiết với thực hiện phong trào thi đua “*Xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới*”, **02** chương trình (trong đó 01 chương trình mới) và nghiên cứu, vận động đề xuất **02** chính sách:

+ Phát động phong trào thi đua “*Xây dựng người Phụ nữ Việt Nam thời đại mới*”¹¹.

+ **02** chương trình: Triển khai Chương trình hỗ trợ một triệu phụ nữ nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, tiếp cận Chính phủ số; tiếp tục thực hiện chương trình “*ĐỒNG HÀNH CÙNG PHỤ NỮ BIÊN CƯƠNG*” giai đoạn 2021 - 2025.

+ Đề xuất **02** chính sách: Nghiên cứu, vận động, đề xuất *chính sách chi trả bảo hiểm y tế cho chi phí tầm soát một số bệnh ung thư thường gặp ở phụ nữ*; đề xuất chương trình/đề án hỗ trợ phụ nữ khuyết tật, cao tuổi, lao động nữ di cư.

- Xác định nhiệm vụ, giải pháp phù hợp đối với từng nhóm đối tượng phụ nữ:

+ Phát huy tiềm năng, sức sáng tạo đối với nhóm: phụ nữ lãnh đạo, quản lý, nữ trí thức, nữ văn nghệ sĩ, nữ doanh nhân, phụ nữ tài năng trên các lĩnh vực.

+ Hỗ trợ đối với nhóm phụ nữ đặc thù (yếu thế): phụ nữ khuyết tật, cao tuổi, lao động nữ di cư.

+ Kết nối, vận động đối với phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài cùng giữ gìn tiếng Việt, bản sắc văn hóa, nâng cao tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc, hướng về cội nguồn, quê hương, đất nước.

4. Các giải pháp thực hiện nhiệm vụ

4.1. Tuyên truyền, giáo dục truyền thống, giáo dục phẩm chất, đạo đức

**** Cấp Trung ương***

- Kết hợp với các sự kiện, ngày lễ, hội, ngày truyền thống của địa phương, của đất nước, của Hội để tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống, lịch sử văn hóa, tôn vinh “*Áo dài - Di sản văn hóa Việt Nam*”.

+ Năm 2023: Kỷ niệm 50 năm ngày ký hiệp định Paris (1973-2023)

+ Năm 2025: Kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (1975-2025), 80 năm ngày Quốc khánh 2/9 (1945-2025); Kỷ niệm 115 năm ngày Quốc tế Phụ nữ (1910 –2025), 1985 năm khởi nghĩa Hai Bà Trưng; kỷ niệm 135 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2025); Kỷ niệm 60

¹¹ Sau 4 nhiệm kỳ thực hiện phong trào thi đua “*Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc*”, bước sang nhiệm kỳ 2022 - 2027, Hội LHPN Việt Nam phát động phong trào thi đua “*Xây dựng người Phụ nữ Việt Nam thời đại mới*” nhằm cụ thể hoá nội dung Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc XIII. Nội hàm của người phụ nữ Việt Nam thời đại mới bám sát tiêu chí của con người Việt Nam được xác định trong văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII và kế thừa các nội dung của phong trào thi đua của Hội.

năm phong trào Ba đảm đang (1965-2025), 65 năm phong trào Đồng Khởi (1960-2025); 95 năm ngày thành lập Hội LHPNVN(1930- 1925).

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cấp Hội tiếp tục vận động phụ nữ rèn luyện phẩm chất đạo đức “*Tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang*” và thực hiện phong trào thi đua “*Xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới*” gắn với đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh:

+ Tiếp tục chỉ đạo các cấp Hội thực hiện Kế hoạch số 1118/KH-ĐCT ngày 27/9/2021 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05 – CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị “*Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”. Trong đó:

* *Đối với cán bộ, hội viên, phụ nữ*: Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn nhận thức ngày càng sâu sắc hơn những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, nhất là chuyên đề học tập toàn khóa “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc*”. Tạo chuyển biến mạnh mẽ và sâu rộng về ý thức tự giác tu dưỡng, rèn luyện các phẩm chất đạo đức trong cán bộ, hội viên và các tầng lớp phụ nữ; đưa việc “*làm theo*” Bác mỗi ngày của cán bộ, hội viên, phụ nữ đi vào nề nếp; khuyến khích và phát huy tinh thần tự lực, tự cường, tự học hỏi vươn lên, chủ động tham gia giải quyết các vấn đề của phụ nữ tại địa phương, đơn vị, đặc biệt trong bối cảnh thiên tai, dịch bệnh.

* *Đối với cán bộ Hội các cấp*: Cải tiến lề lối làm việc hiệu quả, sáng tạo; xây dựng môi trường văn hóa công sở lành mạnh, văn minh. Phát huy vai trò nêu gương trong xây dựng ý chí, khát vọng phát triển của mỗi cán bộ, đảng viên là cán bộ Hội chuyên trách. Xây dựng mối quan hệ mật thiết với hội viên, phụ nữ, đề cao phương châm “*trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân và có trách nhiệm với dân*”; cán bộ Hội lên kế hoạch đề học tập Bác hàng năm, xác định nội dung thực hiện trách nhiệm nêu gương trong công tác và đời sống.

+ Sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chỉ thị số 05 - CT/TW theo chỉ đạo của Ban Bí thư, Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng;

+ Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 27-KH/ĐĐ của Đảng Đoàn Hội LHPN Việt Nam thực hiện Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hoá*”.

- Tổ chức các hoạt động kỷ niệm, hội thảo khoa học nhân dịp kỷ niệm năm chẵn ngày sinh của các nữ lãnh đạo, nữ anh hùng liệt sĩ:

+ 115 năm ngày sinh Cố Chủ tịch Hội Nguyễn Thị Thập (1908- 2023).

+ 115 năm ngày sinh Cố Chủ tịch Hội Lê Thị Xuyên (1909- 2024)

+ Kỷ niệm 90 năm ngày sinh Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Võ Thị Sáu (1933-2023).

+ 115 năm ngày sinh Anh hùng liệt sĩ Nguyễn Thị Minh Khai (1910- 2025).

+ Kỷ niệm 105 năm ngày sinh Cố Chủ tịch Hội Nguyễn Thị Định (có thể gắn với kỷ niệm 65 năm phong trào Đồng khởi, 60 năm phong trào Ba đảm đang) (1920- 2025).

+ 100 năm ngày sinh Anh hùng liệt sĩ Lê Thị Riêng, Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ Giải phóng miền Nam Việt Nam (1925 - 2025).

+ 105 năm ngày sinh của Anh hùng liệt sĩ Hoàng Ngân, Bí thư Trung ương Đoàn Phụ nữ Cứu quốc Việt Nam (1921 - 2026).

- Phối hợp với Bộ, ngành, tổ chức thực hiện các Chương trình, đề án của Chính phủ như: Chương trình “Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên không gian mạng giai đoạn 2022-2030”¹²; Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học, giai đoạn 2018-2025” (Quyết định số 1299/QĐ-TTg); Phối hợp với ngành Văn hoá rà soát các phong tục, tập quán, quan niệm đạo đức liên quan đến phụ nữ và trẻ em gái nhằm phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp và vận động xoá bỏ các tập tục lạc hậu, làm tăng bất bình đẳng giới.

- Tiếp tục thực hiện các CTPH đã ký kết theo giai đoạn với các cơ quan, tổ chức: CTPH “Vận động phụ nữ tham gia xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới, biển đảo” giai đoạn 2017-2022; CTPH hoạt động giữa Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2018- 2022; CTPH với Bộ tư lệnh bộ đội biên phòng triển khai các hoạt động thực hiện Chương trình Đồng hành cùng phụ nữ biên cương; CTPH giữa Ban Tuyên giáo TW Hội LHPN Việt Nam và Cục quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng (C10), Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng (C11) về Giáo dục cải tạo phạm nhân, trại viên, học sinh nữ và giúp đỡ họ tái hòa nhập cộng đồng, giai đoạn 2021- 2026.

- Đa dạng hóa các sản phẩm truyền thông theo nhóm đối tượng và chủ đề: Biên soạn, phát hành tài liệu sinh hoạt hội viên hàng năm; sử dụng bộ nhận diện Hội thống nhất trong các sự kiện truyền thông và hoạt động Hội.

- Truyền thông, quảng bá phong trào phụ nữ Việt Nam, tổ chức Hội, hình ảnh lãnh đạo, cán bộ Hội và những người phụ nữ có tầm ảnh hưởng, truyền cảm hứng trong xã hội; Kết nối với những người có uy tín, có ảnh hưởng tích cực trong cộng đồng trở thành đại sứ cho các hoạt động, sự kiện của Hội (nhà khoa học, văn nghệ sĩ, nhà báo, người có uy tín, có tầm ảnh hưởng...).

- Hàng năm chủ động xây dựng Kế hoạch tổ chức các sự kiện truyền thông lớn, phạm vi toàn quốc, khu vực đồng thời có kế hoạch vận động nguồn lực xã hội hóa để tổ chức thực hiện; kết hợp hài hòa với các hình thức tuyên truyền, vận

¹² Quyết định số 311/QĐ-TTg ngày 5/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên không gian mạng giai đoạn 2022-2030. Trong đó, giao Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam: Tổ chức lồng ghép các hoạt động tuyên truyền về giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trong các phong trào đang triển khai; Tuyên truyền, vận động xây dựng gia đình văn hóa, phát huy vai trò làm gương của ông bà, cha mẹ trong giáo dục chuẩn mực đạo đức, lối sống tốt đẹp của gia đình cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên không gian mạng.

động trực tiếp tại các địa bàn theo nhóm đối tượng và chủ đề.

- Hướng dẫn các tỉnh, thành phát hiện, theo dõi, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng các mô hình, điển hình phụ nữ. Nâng cao chất lượng các giải thưởng, vận động xã hội hóa nguồn lực, mở rộng tầm ảnh hưởng của các giải thưởng (Giải thưởng Phụ nữ Việt Nam, Giải thưởng Kovalevskaia; Giải thưởng Nguyễn Thị Định). Thí điểm kênh bình chọn các đề cử Giải thưởng Phụ nữ Việt Nam, Giải thưởng Nguyễn Thị Định.

- Chủ động phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng trung ương để đưa các vấn đề của phụ nữ và tổ chức Hội vào các chương trình/chuyên mục thường xuyên; khai thác nguồn lực xã hội hoá và nguồn lực các đề án để phối hợp tổ chức các chương trình truyền hình hoặc phát thanh dài kỳ nhằm nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi cho phụ nữ và người dân.

- Phát huy thế mạnh của từng cơ quan truyền thông của Hội, tạo sức mạnh tổng hợp trong công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục, đáp ứng xu thế phát triển và nhu cầu của phụ nữ, của tổ chức. Phát triển Báo Phụ nữ Việt Nam trở thành trung tâm truyền thông đa phương tiện về phụ nữ, gia đình và trẻ em (*xây dựng hệ thống lưu trữ số, xây dựng các phim tài liệu lịch sử về phụ nữ và phong trào phụ nữ; nâng cấp truyền thông trang thông tin phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài; thúc đẩy các hoạt động đào tạo kỹ năng sống, tư vấn pháp luật thông qua truyền thông đa phương tiện*); Xây dựng Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam trở thành một trong những đơn vị hàng đầu về bảo tàng giới với sứ mệnh nâng cao kiến thức và hiểu biết cho công chúng về lịch sử, truyền thống, di sản văn hóa của phụ nữ Việt Nam (*nghiên cứu, sản xuất sản phẩm văn hóa trên nền tảng công nghệ số và có tính tương tác, trải nghiệm cao để truyền thông và giáo dục những di sản văn hóa, lịch sử gắn với người phụ nữ Việt Nam¹³; Kết nối đưa các chuyên đề triển lãm gắn với phụ nữ Việt Nam và phong trào phụ nữ: Phụ nữ Việt Nam những khoảnh khắc, Giữ yên biên thùy, Hai chị em hai trận tuyến, Hoa đất Việt, Bác Hồ với Phụ nữ (lưu động các tỉnh/thành/phố trường học)*). Nhà xuất bản Phụ nữ Việt Nam triển khai dự án “*Trung tâm Tri thức số và Giáo dục giới dành cho phụ nữ, gia đình và trẻ em*” để đẩy mạnh xuất bản điện tử; hình thành và phát triển cơ sở dữ liệu tập trung được số hóa nhằm cung cấp tri thức đến các đối tượng bạn đọc khác nhau trong và ngoài nước.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác truyền thông, nâng cao nhận thức cho hội viên, phụ nữ; tăng cường thực hiện truyền thông trên cơ sở nền tảng công nghệ số: nghiên cứu xây dựng App, nâng cao chất lượng trang Fanpage, nhóm zalo, facebook.

*** Các cấp Hội địa phương**

- Xây dựng kế hoạch chỉ đạo các cấp Hội triển khai thực hiện Chỉ thị 05-

13 Suu tập 3D tài liệu, hiện vật Bảo tàng; Câu chuyện hiện vật trên nền tảng potcast (tệp âm thanh kỹ thuật số) ứng dụng công nghệ thuyết minh tự động trong một số triển lãm chuyên đề theo hướng đa phương tiện để khách tham quan dễ dàng tiếp cận với nội dung trưng bày, các câu chuyện kể (tạo mã QR code cho các câu chuyện hiện vật, hình ảnh trong triển lãm chuyên đề tại bảo tàng và triển lãm lưu động

CT/TW về việc tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh phù hợp với điều kiện, tình hình địa phương, đơn vị, trong đó hàng năm, mỗi cán bộ, đảng viên lựa chọn một số nội dung của Chuyên đề toàn khóa, xác định các phần việc để xây dựng kế hoạch học tập, làm theo Bác hàng năm.

- Quán triệt thực hiện tốt Quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên trong hệ thống Hội LHPN Việt Nam theo hướng dẫn số 09/HD- ĐCT ngày 6/5/2013 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam.

- Tuyên truyền, vận động hội viên, phụ nữ tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động của đất nước, cụ thể hóa tiêu chí phong trào thi đua “Xây dựng người phụ nữ thời đại mới của Hội” phù hợp địa phương, đối tượng phụ nữ¹⁴; nâng cao nhận thức chính trị, ý thức chấp hành pháp luật, trách nhiệm công dân; khắc phục biểu hiện an phận, thực dụng, suy thoái đạo đức, lối sống... của một bộ phận phụ nữ.

- Tuyên truyền, vận động phụ nữ dân tộc thiểu số, phụ nữ theo tôn giáo giữ gìn, các giá trị truyền thống tốt đẹp, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; xây dựng mô hình tổ/nhóm truyền thông dựa vào cộng đồng nhằm truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến, khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa lạc hậu và giảm tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tăng cường phát hiện, giới thiệu, tuyên truyền, nhân rộng các mô hình, điển hình phụ nữ trên các lĩnh vực. Đa dạng hóa các hình thức biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến. Các tỉnh/thành Hội xây dựng và duy trì các giải thưởng, các danh hiệu để tôn vinh phụ nữ, chú trọng phát hiện, tôn vinh, biểu dương phụ nữ dân tộc thiểu số, phụ nữ theo tôn giáo.

- Chủ động phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng địa phương để đưa các vấn đề của phụ nữ và tổ chức Hội vào các chương trình/chuyên mục thường xuyên. Duy trì chuyên mục phụ nữ trên Đài phát thanh truyền hình địa phương, phân đầu đảm bảo 100% Hội LHPN cấp huyện có Fanpage; Duy trì thường xuyên các hoạt động truyền thông qua hệ thống loa phát thanh đến các thôn/bản/buôn tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới.

4.2 Khuyến khích các tầng lớp phụ nữ chủ động học tập, nâng cao năng lực, trình độ mọi mặt, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Xây dựng và triển khai Chương trình hỗ trợ một triệu phụ nữ nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, tiếp cận Chính phủ số

*** Cấp Trung ương**

- Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo tham gia tuyên truyền Đề án “Xây

¹⁴ Ví dụ “Xây dựng người phụ nữ Thủ đô trung hậu- sáng tạo- đảm đang- thanh lịch”; Xây dựng người phụ nữ thành phố Hồ Chí Minh Đoàn kết- nhân văn- năng động- sáng tạo- khát vọng vươn lên gia đình hạnh phúc”; “Xây dựng người phụ nữ Thanh Hóa yêu nước, nhân ái, tự lực, tự cường khát vọng vươn lên”; “Xây dựng người phụ nữ Quảng Ninh năng động, sáng tạo, hào sảng, lãnh mạnh, văn minh, thân thiện”...

dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”¹⁵, lồng ghép các hoạt động tuyên truyền về xây dựng xã hội học tập trong phong trào thi đua.

- Phối hợp tổng kết CTPH “Đẩy mạnh hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập” giữa Hội LHPN Việt Nam với Hội Khuyến học Việt Nam giai đoạn 2017- 2020 và ký kết giai đoạn mới.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án chuyển đổi số Hội LHPN Việt Nam đến năm 2025, định hướng 2030.

- Hướng dẫn các cấp Hội tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên phụ nữ hưởng ứng *Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam*, hình thành thói quen đọc sách trong cộng đồng, nâng cao kiến thức, kỹ năng mọi mặt và góp phần xây dựng xã hội học tập; Phát triển Nhà xuất bản Phụ nữ Việt Nam trở thành nhà xuất bản hàng đầu ở Việt Nam xuất bản sách về phụ nữ, gia đình và trẻ em; đồng bộ và khép kín 3 khâu: xuất bản, in và phát hành; phát huy tốt vai trò của Trung tâm Trí thức số dành cho phụ nữ, gia đình và trẻ em; phong phú các sản phẩm truyền thông sách, chuyên đề, các tài liệu giáo dục¹⁶...;

- Tiếp tục chỉ đạo các cấp Hội đẩy mạnh phong trào học tập, tự nghiên cứu; khuyến khích phụ nữ nâng cao trình độ tiếng Anh để có thể tiếp cận nguồn tri thức, kinh nghiệm của khu vực và thế giới; nâng cao kỹ năng nghề nghiệp để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên thị trường lao động.

- Bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ Hội các cấp về ứng dụng CNTT, các mạng xã hội để thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cho cán bộ, hội viên, phụ nữ.

- Phát huy vai trò của Hội Nữ Trí thức Việt Nam trong đào tạo cho phụ nữ về khoa học, công nghệ; chia sẻ kết quả nghiên cứu khoa học; tôn vinh, tuyên truyền nhân rộng điển hình nữ trí thức tiêu biểu; giới thiệu nữ trí thức tham gia các giải thưởng của Hội, Bộ, ngành, đoàn thể.

*** Cấp địa phương**

- Hội LHPN các tỉnh/thành phố chủ động xây dựng đề án/ kế hoạch về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động Hội, trong đó chú trọng nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, hội viên, phụ nữ; Tổ chức tập huấn, nâng cao kỹ năng sử dụng phần mềm quản lý cán bộ, hội viên; phần mềm tổng hợp báo cáo thống kê tới Hội LHPN huyện, cơ sở; sử dụng hiệu quả mạng xã hội để thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, cung cấp thông tin, kiến thức cho cán bộ, hội viên, phụ nữ.

- Phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể địa phương tổ chức các hoạt động xóa mù chữ và xóa tái mù chữ cho phụ nữ dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

15 Quyết định 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030

16 Đẩy mạnh mở rộng Tủ sách “Phụ nữ từng thư (Giới và Phát triển)”; mở rộng các Tủ sách Giáo dục gia đình, “Tủ sách Kinh tế - Khởi nghiệp”, Tủ sách “Văn học trong và ngoài nước”, Tủ sách Thiếu nhi...); Nhà xuất bản hiện đại hóa, đồng bộ và khép kín 3 khâu: xuất bản, in và Phát hành.

- Vận động phụ nữ hưởng ứng phong trào thi đua về công tác khuyến học, khuyến tài gắn kết chặt chẽ và hiệu quả với các cuộc vận động, phong trào thi đua khác theo hướng phát huy tính chủ động, tinh thần làm chủ và tính trách nhiệm xã hội của phụ nữ.

- Hướng dẫn phụ nữ sử dụng công nghệ thông minh để tiếp cận những kiến thức bổ ích và phản ánh chân thực các vụ việc diễn ra trong cuộc sống nhằm lan tỏa những việc tốt, phê phán những hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức, văn hóa, bạo lực với phụ nữ và trẻ em...

4.3. Giáo dục thẩm mỹ, kỹ năng sống, rèn luyện thể chất, nâng cao đời sống tinh thần; vận động, hỗ trợ phụ nữ chăm sóc sức khỏe

4.3.1. Giáo dục thẩm mỹ, kỹ năng sống: Các cấp Hội lồng ghép giáo dục thẩm mỹ, kỹ năng sống cho từng nhóm đối tượng phụ nữ trong tổ chức các hoạt động đề án, chương trình¹⁷.

4.3.2. Rèn luyện thể chất, nâng cao đời sống tinh thần

*** Cấp Trung ương**

- Tiếp tục nghiên cứu xây dựng, định hướng, chỉ đạo các cấp Hội tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, TDTT với chủ trương “Mỗi cơ sở Hội duy trì một hình thức văn hóa văn nghệ, TDTT” phù hợp để rèn luyện sức khỏe, nâng cao đời sống tinh thần.

- Nghiên cứu xây dựng, sưu tầm các bài dân vũ mẫu đặc sắc trên nền nhạc là các ca khúc Việt Nam ca ngợi quê hương đất nước, gia đình, truyền thống tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam để hướng dẫn, phổ biến rộng rãi trong cán bộ, hội viên, phụ nữ cả nước.

- Chỉ đạo các cấp Hội tổ chức các hoạt động thiết thực nhân dịp ngày thể thao Việt Nam (27/3) hàng năm như: hội thi, hội diễn, giao lưu, các giải thể thao, các giải dân vũ cho phụ nữ...

- Phối hợp với ngành văn hóa, thể dục thể thao, vận động nguồn lực xã hội hóa tổ chức các giải giao lưu, liên hoan văn hóa văn nghệ, TDTT quần chúng (phạm vi toàn quốc, khu vực); tăng cường tôn vinh, biểu dương, khen thưởng nữ vận động viên thành tích cao.

*** Các cấp Hội địa phương**

- Đẩy mạnh phong trào TDTT trong các tầng lớp phụ nữ gắn với thực hiện cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư” thông qua việc phát động mỗi phụ nữ lựa chọn một hình thức văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao phù hợp.

- Khuyến khích, hướng dẫn, tạo điều kiện duy trì và nhân rộng các câu lạc

¹⁷ Đề án “Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ giai đoạn 2017 - 2027” (Đề án 938), Dự án 3 của đề án “Phát huy giá trị tốt đẹp các mối quan hệ trong gia đình và hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững đến năm 2020” (Đề án 279)

bộ/nhóm văn nghệ, dân vũ, thể dục, thể thao quần chúng kết hợp với tuyên truyền, chia sẻ thông tin kiến thức, kỹ năng chăm sóc sức khỏe.

- Phổ biến và hướng dẫn các bài tập dân vũ trên nền nhạc là các ca khúc Việt Nam ca ngợi quê hương đất nước, gia đình, truyền thống tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam.

- Tổ chức các hoạt động thiết thực như hội thi, hội diễn, giao lưu, các giải thể thao, các giải dân vũ cho phụ nữ... thúc đẩy phong trào văn hóa, văn nghệ dân vũ phát triển sâu rộng trong hệ thống Hội LHPN Việt Nam.

4.3.3. Vận động phụ nữ tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và hỗ trợ phụ nữ tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe phù hợp. Nghiên cứu, vận động, đề xuất chính sách chi trả bảo hiểm y tế cho chi phí tầm soát một số bệnh ung thư thường gặp ở phụ nữ

*** Cấp Trung ương**

- Hướng dẫn, chỉ đạo xây dựng kế hoạch triển khai bảo vệ, chăm sóc sức khỏe (đặc biệt là cho phụ nữ và trẻ em), phối hợp chặt chẽ với ngành Y tế và đơn vị BHXH trong quá trình triển khai.

- Tổ chức tham vấn chuyên môn, đề xuất và vận động đưa tầm soát các bệnh ung thư thường gặp ở phụ nữ (đặc biệt là ung thư cổ tử cung, ung thư vú) vào danh mục chi trả của bảo hiểm y tế trong quá trình góp ý, phản biện xã hội Luật BHYT sửa đổi; Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các cấp Hội trong việc tổ chức lồng ghép, triển khai các nội dung chăm sóc sức khỏe trong thực hiện các nhiệm vụ của Hội; Tuyên truyền, biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến, có thành tích xuất sắc.

- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ các cấp Hội, tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho hội viên, phụ nữ và người dân về quy định của pháp luật về BHYT, BHXH tự nguyện; kiến thức, kỹ năng chăm sóc, bảo vệ sức khỏe tại gia đình và cộng đồng; đồng thời, vận động hội viên, phụ nữ và người thân tích cực thực hiện.

- Hướng dẫn, chỉ đạo triển khai xây dựng, nhân rộng mô hình can thiệp, hỗ trợ phụ nữ thực hành chăm sóc, bảo vệ sức khỏe bản thân, gia đình và cộng đồng:

+ Xây dựng mô hình “Gia đình có sức khỏe”; Rút kinh nghiệm, chỉ đạo nhân rộng mô hình.

+ Tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các mô hình “Tổ/Nhóm phụ nữ tiết kiệm mua BHYT”, các điển hình tiên tiến trong thực hiện chính sách BHXH, BHYT.

*** Các cấp Hội địa phương:**

- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh/thành xây dựng kế hoạch, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh/thành bố trí nguồn lực thực hiện.

- Nghiên cứu các nội dung chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương để có công văn chỉ đạo, triển khai tại địa phương, phối hợp với các đơn vị y tế, BHXH của địa phương trong quá trình triển khai hoạt động.

- Lòng ghép triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe với thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án của Hội như Đề án 938 “Tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ giai đoạn 2017 - 2027”, Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và các nhiệm vụ công tác Hội khác.

- Kiểm tra, giám sát, hỗ trợ việc triển khai, thực hiện các hoạt động của các cấp Hội, báo. Hàng năm có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện gửi cấp Trung ương.

4.4. Phát huy tiềm năng, sức sáng tạo của phụ nữ, nhất là phụ nữ lãnh đạo, quản lý, nữ trí thức, nữ văn nghệ sĩ, nữ doanh nhân, phụ nữ tài năng trên các lĩnh vực...

*** Cấp Trung ương**

- Phối hợp với các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương tổ chức các diễn đàn, gặp mặt các đối tượng phụ nữ ít nhất một lần trong nhiệm kỳ, trong đó phối hợp với Hội Nữ trí thức Việt Nam, Hiệp hội Nữ doanh nhân Việt Nam tổ chức các hoạt động kết nối, vận động nữ trí thức, nữ doanh nhân tích cực tham gia các phong trào thi đua, cuộc vận động của Hội, các chương trình/hoạt động an sinh xã hội và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nâng cao năng lực của phụ nữ về khoa học, công nghệ; khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh...; tổ chức Triển lãm và hội nghị giới thiệu các sản phẩm khoa học và công nghệ của các nữ khoa học và doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; đăng cai tổ chức Hội nghị Mạng lưới các nhà khoa học nữ Châu Á – Thái Bình Dương (APNN) tại Việt Nam (dự kiến năm 2024).

- Truyền thông, quảng bá về các gương phụ nữ xuất sắc đạt giải thưởng Phụ nữ Việt Nam, giải thưởng Kovalevskaia để nâng cao vị thế, vai trò của phụ nữ trong xã hội trên các phương tiện truyền thông cấp trung ương và địa phương.

- Phát hiện, tôn vinh, tuyên truyền, nhân rộng các mô hình, điển hình phụ nữ phát triển toàn diện và xây dựng gia đình hạnh phúc. Nâng cao chất lượng và tầm ảnh hưởng Giải thưởng Phụ nữ Việt Nam, Giải thưởng Kovalevskaia.

- Lấy ý kiến đóng góp vào các dự thảo Luật, Nghị định, Thông tư có liên quan đến các đối tượng phụ nữ lãnh đạo, quản lý, nữ trí thức, nữ văn nghệ sĩ, nữ doanh nhân.

*** Các cấp Hội địa phương**

- Các tỉnh/thành Hội xây dựng và duy trì các giải thưởng, các danh hiệu để tôn vinh phụ nữ, chú trọng phát hiện, tôn vinh, biểu dương phụ nữ dân tộc thiểu số, phụ nữ theo tôn giáo. Hàng năm mỗi tỉnh/thành Hội tổ chức ít nhất một hoạt động biểu dương điển hình, tiên tiến để tuyên truyền, nhân rộng.

- Có kế hoạch bồi dưỡng, phát hiện và tôn vinh các cá nhân, tập thể nữ xuất sắc trên các lĩnh vực từ Trung ương đến địa phương.

4.5. Các nội dung liên quan đến nhóm phụ nữ đặc thù, phụ nữ dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới

4.5.1. Hỗ trợ nhóm phụ nữ đặc thù

*** Cấp Trung ương**

- Hoàn thiện, nghiệm thu đề tài độc lập cấp quốc gia “Cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm đề xuất giải pháp hỗ trợ và bảo vệ một số nhóm phụ nữ đặc thù”, đề đề xuất chương trình/ đề án hỗ trợ phụ nữ khuyết tật, cao tuổi, lao động nữ di cư.

- Nghiên cứu, chủ động tham gia đề xuất chính sách an sinh xã hội, tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, y tế, giao thông... cho người khuyết tật, phụ nữ khuyết tật vào Luật Người khuyết tật sửa đổi và các văn bản pháp luật khác đảm bảo lòng ghép giới, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của phụ nữ khuyết tật.

- Ban hành kế hoạch, hướng dẫn các cấp Hội thực hiện công tác trợ giúp phụ nữ khuyết tật tác hàng năm, nhiệm kỳ 5 năm.

- Tổ chức các hoạt động tập huấn, nâng cao năng lực, kỹ năng cho cán bộ Hội các cấp về công tác trợ giúp phụ nữ khuyết tật.

- Hướng dẫn, hỗ trợ, tạo điều kiện để phụ nữ khuyết tật tiếp cận, tham gia các phong trào, các cuộc vận động, đề án, chương trình các hoạt động của Hội và tiếp cận các dịch vụ xã hội đồng thời thúc đẩy phát huy nội lực của phụ nữ khuyết tật; phát triển mạng lưới quốc gia hỗ trợ phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật bị bạo lực trên cơ sở giới tại 63 tỉnh/thành.

- Tăng cường phát hiện, tuyên truyền, lan tỏa gương phụ nữ khuyết tật vượt khó, thành công, truyền cảm hứng cho cộng đồng.

- Xây dựng điểm, rút kinh nghiệm, nhân rộng các Mô hình Phụ nữ tự lực, mô hình sinh kế... giúp phụ nữ khuyết tật tự tin, vươn lên hòa nhập và phát triển.

*** Các cấp Hội địa phương**

- Chủ động xây dựng kế hoạch/chương trình hoạt động đề xuất tham mưu với UBND các cấp, các Sở, ngành liên quan bố trí ngân sách từ nguồn chi của địa phương, chương trình MTQG, các chương trình liên quan khác cho công tác trợ giúp phụ nữ khuyết tật.

- Các cấp Hội tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức cho cán bộ, hội viên, phụ nữ các chủ trương, chính sách pháp luật trong nước và quốc tế liên quan đến người khuyết tật góp phần nâng cao trách nhiệm của cộng đồng trong công tác trợ giúp phụ nữ khuyết tật.

- Đẩy mạnh vai trò giám sát thường xuyên, phát hiện và kiến nghị kịp thời, đề xuất sáng kiến giải pháp trong truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức về quyền của người khuyết tật.

- Tăng cường tuyên truyền, biểu dương, khen thưởng điển hình tiên tiến là người khuyết tật, có thành tích xuất sắc trên các phương tiện truyền thông của Hội.

- Tổ chức tập huấn, truyền thông, hỗ trợ sinh kế, hội thi khởi nghiệp, xây nhà vệ sinh, công trình tiếp cận, xây dựng nhân rộng các nhóm phụ nữ khuyết tật tự lực.

4.5.2. Thực hiện Chương trình đồng hành cùng phụ nữ biên cương

*** Cấp Trung ương**

- Phối hợp với Bộ Tư lệnh bộ đội biên phòng xây dựng kế hoạch, chỉ đạo triển khai và sơ kết, đánh giá thực hiện Chương trình (tổ chức sơ kết vào năm 2023, tổng kết vào năm 2025) làm cơ sở tiếp tục xây dựng Chương trình, hoạt động cho giai đoạn tiếp theo hỗ trợ phụ nữ, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn ở khu vực biên giới.

- Phối hợp với Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và Công thông tin nhân đạo quốc gia 1400 triển khai Chương trình nhấn tin ủng hộ xây dựng mô hình sinh kế cho phụ nữ tại vùng biên giới biên cương.

- Chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho Hội LHPN các tỉnh, thành và đơn vị trực thuộc vận động hỗ trợ, nhận đỡ đầu, kết nghĩa với địa phương có xã biên giới.

- Vận động hỗ trợ, kết nối các đơn vị, tổ chức, cá nhân hỗ trợ, đồng hành cùng với Hội triển khai thực hiện Chương trình; điều phối nguồn lực hỗ trợ Chương trình.

- Hướng dẫn Hội LHPN các tỉnh, thành tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục, vận động nâng cao nhận thức cho phụ nữ tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia, tham gia hoạt động Hội hướng dẫn triển khai mô hình hỗ trợ sinh kế bền vững phụ nữ nghèo vùng biên...

- Tổ chức các sự kiện truyền thông, vận động, giao lưu, chia sẻ kết quả, tác động và biểu dương các điển hình trong thực hiện Chương trình trên các phương tiện truyền thông đại chúng; truyền thông lan tỏa thông điệp của Chương trình qua việc nhân rộng phát hành áo nhận diện Chương trình.

*** Các cấp Hội địa phương**

- Hội LHPN các tỉnh/thành chủ động phối hợp với Ban chỉ huy bộ đội biên phòng các tỉnh, thành phố ký kết phối hợp triển khai thực hiện, vận động nguồn lực và lựa chọn các mô hình, hoạt động phù hợp để hỗ trợ triển khai hàng năm; Tổ chức truyền thông vận động đến cán bộ, hội viên, phụ nữ và người dân tại địa phương nhấn tin ủng hộ Chương trình.

- Đối với Hội LHPN các tỉnh, thành có xã biên giới: Trực tiếp tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục, vận động nâng cao nhận thức cho hội viên, phụ nữ và người dân tại các thôn, xã biên giới; lựa chọn các mô hình phù hợp đề xuất hỗ trợ triển khai và vận hành bền vững nhằm góp phần cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho phụ nữ tại địa bàn biên giới; Chủ động, linh hoạt, sáng tạo đổi mới nội dung, phương thức hoạt động tổ chức sinh hoạt chi hội để thu hút, tập hợp hội viên.

4.5.2. Thực hiện dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” giai đoạn 2021- 2025 góp phần thực hiện hiệu quả Chương trình MTQG “Phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, miền núi giai đoạn 2021 - 2030”.

*** Cấp Trung ương**

- Tham gia, phối hợp với các ban, bộ, ngành liên quan (Ủy ban Dân tộc, Bộ Y tế và các bộ, ngành liên quan) xây dựng các văn bản hướng dẫn triển khai Chương trình 1719, tạo cơ chế thực hiện các nhiệm vụ của Dự án 8.

- Vận động các tổ chức quốc tế đồng hành với Hội trong quá trình xây dựng đề xuất và tổ chức thực hiện Chương trình để huy động nguồn lực hỗ trợ thực hiện kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ theo kế hoạch.

- Xây dựng các chương trình truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức về giới, bình đẳng giới trên kênh truyền thông quốc gia (gồm cả tiếng phổ thông và tiếng dân tộc) và tổ chức các sự kiện truyền thông tại cấp trung ương.

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn truyền thông thực hiện bình đẳng giới tại vùng đồng bào DTTS và miền núi; tài liệu hướng dẫn tổ chức đối thoại chính sách ở cấp cơ sở; hướng dẫn triển khai các mô hình hỗ trợ thúc đẩy bình đẳng giới cho phụ nữ và trẻ em gái tại vùng đồng bào DTTS; Xây dựng khung giám sát và đánh giá thực hiện bình đẳng giới tại vùng đồng bào DTTS và miền núi.

- Tổ chức các hội nghị/hội thảo chia sẻ, vận động nhân rộng mô hình, hoạt động hiệu quả thúc đẩy bình đẳng giới, hỗ trợ phụ nữ và trẻ em nhằm tiếp tục vận động chính sách hỗ trợ phụ nữ, trẻ em vùng đồng bào DTTS.

- Tập huấn xây dựng đội ngũ giảng viên nguồn về lồng ghép giới cho Hội LHPN các tỉnh, thành; nâng cao năng lực, nhận thức về thực hiện bình đẳng giới cho đại biểu dân cử, nữ đại biểu hội đồng nhân dân các cấp.

- Giám sát và phản biện xã hội đối với các chính sách hỗ trợ phụ nữ tại vùng đồng bào DTTS và miền núi.

- Tổ chức Hội nghị sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm triển khai thực hiện các mô hình, hoạt động can thiệp từ Dự án 8 đồng thời, khuyến nghị chính sách hỗ trợ phụ nữ và trẻ em gái tại vùng đồng bào DTTS trong thời gian tiếp theo.

*** Các cấp Hội địa phương**

- Căn cứ hướng dẫn, kế hoạch định hướng hoạt động, phân bổ chỉ tiêu giai đoạn I của TW Hội và nguồn ngân sách được phân bổ hàng năm, Hội LHPN các tỉnh, thành xây dựng kế hoạch thực hiện và xác định chỉ tiêu cần đạt hàng năm phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế.

- Triển khai các mô hình hỗ trợ thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em tại vùng đồng bào DTTS và miền núi, vùng biên giới: mô hình Tổ truyền thông cộng đồng ứng dụng truyền thông trên nền tảng số; thí điểm Tổ TKVVTB gắn với phát triển sinh kế; Tổ TKVVTB kết nối với các dịch vụ tài chính chính thức; Địa chỉ an toàn tại cộng đồng; Câu lạc bộ Thủ lĩnh của sự thay đổi... và thí điểm ứng dụng công nghệ thông tin cho mô hình sinh kế do phụ nữ DTTS làm chủ (tổ/nhóm/hợp tác xã).

- Xây dựng và tổ chức các hoạt động truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương, qua hệ thống loa phát thanh xã/phương và kênh thông tin của các cấp Hội.

- Tổ chức các hoạt động tập huấn trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị các cấp tại địa phương, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng.

- Tổ chức hội thảo/diễn đàn chia sẻ, vận động chính sách tại địa phương quan tâm giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em DTTS; tổ chức các cuộc đối thoại chính sách ở cấp xã và cụm thôn bản đặc biệt khó khăn.

4.6. Chủ động, tích cực hỗ trợ phụ nữ hội nhập quốc tế theo hướng phát huy thế mạnh của các nhóm phụ nữ và tổ chức Hội. Kết nối, vận động phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài cùng giữ gìn tiếng Việt, bản sắc văn hóa, nâng cao tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc, hướng về cội nguồn, quê hương, đất nước

*** Cấp Trung ương**

- Hàng năm xây dựng Kế hoạch thực hiện và hướng dẫn các cấp Hội thực hiện Nghị quyết về Hỗ trợ phụ nữ hội nhập quốc tế giai đoạn 2023-2030, trong đó định hướng các cấp Hội phát huy thế mạnh của các nhóm phụ nữ Việt Nam ở trong nước, nước ngoài góp phần giữ gìn bản sắc văn hoá Việt Nam, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại.

- Nghiên cứu xây dựng đề án của Chính phủ về Hỗ trợ phụ nữ hội nhập quốc tế giai đoạn 2023-2030.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên trách đối ngoại (Bộ Ngoại giao, ban Đối ngoại, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam), các cơ quan ngoại giao, các tổ chức quốc tế, các nhóm phụ nữ quốc tế để tăng cường quảng bá văn hóa, hình ảnh đất nước, con người phụ nữ Việt Nam và tổ chức Hội.

- Có phương thức tiếp cận và hoạt động hỗ trợ phù hợp các nhóm phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài như: kết nối giao thương, vận động nữ doanh nhân, trí thức ủng hộ các nguồn lực tổ chức các hoạt động cho phụ nữ và bình đẳng giới; hỗ trợ, hướng dẫn, tư vấn, phối hợp với các cơ quan chức năng trong nước và đối tác quốc tế can thiệp bảo vệ quyền lợi của chị em trong trường hợp bị xâm phạm.

- Tập trung tuyên truyền đối ngoại trên các nền tảng số, nâng cao chất lượng trang tiếng Anh của Cổng thông tin điện tử Hội LHPN Việt Nam, Trang thông tin Phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài trên báo Phụ nữ Việt Nam, kênh truyền thông của Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam, Trung tâm Phụ nữ và Phát triển, các ấn phẩm bằng tiếng nước ngoài của Nhà xuất bản Phụ nữ Việt Nam. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ Hội, hội viên, phụ nữ về công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế:

- Xây dựng các tài liệu, sản phẩm truyền thông, bản tin hội nhập, tài liệu kinh nghiệm quốc tế, tổ chức tập huấn, nói chuyện chuyên đề và các hình thức thông tin tuyên truyền khác. Thực hiện chỉ tiêu của Nghị quyết hỗ trợ phụ nữ hội nhập đến năm 2030 là hàng năm, 100% Hội LHPN các cấp tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

*** Các cấp Hội địa phương**

- Tuyên truyền để phụ nữ cảnh giác, tham gia bảo vệ chủ quyền quốc gia, an

ninh biên giới, biển đảo, bao gồm cả chủ quyền, an ninh trên môi trường mạng, nhất là gắn với Chương trình đồng hành cùng phụ nữ biên cương.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình phụ nữ tích cực tham gia an toàn, trật tự ở địa phương, bảo vệ chủ quyền biên giới, biển đảo.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình đoàn kết, hữu nghị và thỏa thuận hợp tác với tổ chức phụ nữ của các nước láng giềng.

- Tuyên truyền, vận động phụ nữ rèn luyện phẩm chất, bản lĩnh, trí tuệ, nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn, có khả năng thích ứng, làm việc trong môi trường quốc tế.

- Vận động kiều bào hướng về quê hương hỗ trợ phụ nữ và trẻ em nghèo.

- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục định hướng cho phụ nữ di cư lao động và kết hôn quốc tế./.

Chuyên đề 3

XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VIỆT NAM ẤM NO, HẠNH PHÚC, TIẾN BỘ, VĂN MINH; XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG AN TOÀN CHO PHỤ NỮ, TRẺ EM

A. MỤC TIÊU BÀI GIẢNG

- Cán bộ Hội các cấp nắm và hiểu đầy đủ nội dung cơ bản của nhiệm vụ “Xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh; xây dựng môi trường an toàn cho phụ nữ, trẻ em”, các giải pháp thực hiện, 02 chỉ tiêu (3 và 4); nắm rõ những điểm mới của nhiệm vụ.

- Cán bộ Hội các cấp có thể liên hệ và xác định được các giải pháp nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ tại địa phương, đơn vị mình.

- Các tỉnh/thành Hội, đơn vị trực thuộc cụ thể hóa nội dung nhiệm vụ trong quá trình bổ sung, hoàn thiện chương trình hành động toàn khóa phù hợp với thực tiễn, có tính khả thi cao.

B. NỘI DUNG CHUYÊN ĐỀ

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NỘI DUNG CHUYÊN ĐỀ NHIỆM KỲ XII

1. Kết quả nổi bật

- Tăng cường đổi mới về phương thức chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác vận động hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình gắn với triển khai thực hiện các phong trào thi đua, cuộc vận động, chương trình, đề án trọng tâm của Hội với nhiều hình thức phong phú, sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương. Đặc biệt, việc triển khai Cuộc vận động “Xây dựng Gia đình 5 không, 3 sạch”, gắn với công tác xây dựng gia đình đã thực sự hiệu quả và đi vào cuộc sống, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức cũng như hành động của hội viên phụ nữ và cộng đồng, đời sống vật chất và tinh thần của các gia đình được cải thiện rõ nét, vai trò chủ thể của phụ nữ trong gia đình và xã hội ngày càng được nâng cao. Phụ nữ ngày càng thể hiện ý thức trách nhiệm công dân tự tin, chủ động tham gia các hoạt động xã hội.¹⁸

- Khởi xướng và vận động xã hội thực hiện chủ đề “An toàn cho phụ nữ và trẻ em”, góp phần xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh. Một số mô hình hiệu quả như “Tham vấn học đường”, “Làng quê an toàn”, “Tuyên phổ an toàn”, “Xe buýt an toàn”, “Địa chỉ tin cậy ở cộng đồng”... Chiến dịch truyền thông phòng, chống mua bán người, Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới đã thu hút đông đảo nam giới và cộng đồng tham gia.

¹⁸Tỷ lệ hộ đạt gia đình văn hóa tăng qua các năm, gần 11 triệu gia đình hội viên đạt gia đình 5 không, 3 sạch, trung bình hàng năm các cấp Hội giúp được trên 90.000 hộ thoát nghèo, góp phần tích cực cho các phong trào phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

- Chủ động quan tâm chăm lo sức khỏe và đời sống cho hội viên, phụ nữ trước ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh COVID-19 và thiên tai, Các chương trình “Triệu phần quà san sẻ yêu thương”, “Vì nụ cười phụ nữ”, “Kiên cường Việt Nam”, “Mẹ đỡ đầu”... góp phần huy động sức người, sức của cho cuộc chiến phòng, chống dịch bệnh và thiên tai. Riêng năm 2020 - 2021, Hội đã vận động được trên 480 tỷ đồng và 730 nghìn phần quà san sẻ yêu thương hỗ trợ hội viên, phụ nữ và trẻ em ổn định cuộc sống; đỡ đầu gần 500 trẻ mồ côi.

- Tăng cường rà soát, xây dựng và phát triển các mô hình hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc¹⁹, đáp ứng hiệu quả nhu cầu của gia đình và phụ nữ trong bối cảnh hiện nay. Nhiều mô hình đã thu hút được sự tham gia của nam giới, khuyến khích nam giới chia sẻ trách nhiệm với phụ nữ trong gia đình và hỗ trợ, tạo điều kiện cho phụ nữ trong các hoạt động nâng cao kiến thức, chăm sóc sức khỏe, vẻ đẹp, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc.

- Tích cực vận động nguồn lực thực hiện tốt các hoạt động xã hội, từ thiện, “đền ơn, đáp nghĩa”, hậu phương - quân đội, hướng về biên giới, hải đảo khó khăn²⁰.

- Chủ động nghiên cứu xây dựng các Đề án và tham gia có trách nhiệm trong các CTMTQG góp phần cải thiện các vấn đề liên quan tới PN, hướng tới xây dựng GD hạnh phúc, bền vững. Nổi bật: Đề án 938: “Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ giai đoạn 2017 - 2027”; Nội dung 05 “Vun đắp giá trị gia đình Việt Nam” thuộc nội dung thành phần số 09 Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025.

2. Những vấn đề đặt ra

- Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gia đình Việt Nam có nhiều cơ hội, điều kiện thuận lợi để phát triển. Nhiều gia đình đã tiếp cận được những dịch vụ xã hội cơ bản, chất lượng cuộc sống ngày càng nâng cao. Bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em và chăm sóc người cao tuổi trong gia đình được coi trọng và có nhiều tiến bộ. Bình đẳng giới, quyền trẻ em, vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội ngày càng được đề cao. Xã hội ý thức hơn về BLGD, việc lên tiếng của cộng đồng, của các cấp Hội, các tổ chức ... đã tạo sức ép dư luận khá mạnh mẽ, Luật phòng chống BLGD đang sửa đổi có nhiều điểm phù hợp hơn với thực tiễn và xu thế bình đẳng giới.

19. Hiện có 18.239 CLB gia đình hạnh phúc tại 63 tỉnh, thành; 18.602 mô hình CLB xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch với 492.678 thành viên; 3.263 CLB nấu cỗ với 1.5023 thành viên; 151 CLB đưa đón trẻ đi học/ 830 thành viên; 448 nhóm trẻ gia đình/2222 thành viên, 162 mô hình giúp việc gia đình/1263 thành viên; 35.285 mô hình Địa chỉ tin cậy tại cộng đồng.

²⁰Chương trình “Đồng hành cùng phụ nữ biên cương” đã vận động nguồn lực hỗ trợ đến 255 xã biên cương, gần 400 mô hình hỗ trợ phụ nữ nghèo phát triển kinh tế, gần 1.100 công trình dân sinh được xây dựng, tặng hơn 43.000 suất quà và học bổng cho học sinh, nữ sinh DTTS nghèo vượt khó học tập, 1.000 cuộc tập huấn, truyền thông, hỗ trợ 6.000 con giống và 19.000 cây giống, hỗ trợ khám chữa bệnh cho gần 12.000 lượt phụ nữ tại các xã biên cương; “90 hành động vì an toàn cho phụ nữ và trẻ em” trở thành điểm nhấn sáng tạo, có sức ảnh hưởng lớn, nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của hội viên, phụ nữ, sự ủng hộ mạnh mẽ của cộng đồng, khẳng định sáng kiến và vai trò kết nối của Hội trong các chương trình an sinh xã hội và bảo vệ chủ quyền biên giới và hải đảo. Vận động được 746 tỷ đồng xây dựng và sửa chữa mái ấm tình thương và trên 3.000 tỷ đồng cho các hoạt động xã hội, từ thiện.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho hội viên phụ nữ và cộng đồng về công tác gia đình xây dựng gia đình - xã hội ở một số nơi chưa được triển khai rộng khắp, thường xuyên; Cách thức tổ chức chưa hấp dẫn, thiết thực, chưa phù hợp với từng nhóm đối tượng, còn biểu hiện hình thức; Việc phát hiện, nắm bắt, lên tiếng các vấn đề xã hội bức xúc liên quan đến phụ nữ, trẻ em phát sinh trong thực tiễn còn chưa kịp thời và chưa phát huy được vai trò của tổ chức Hội.

- Các cấp Hội một số nơi chưa chủ động tham mưu, đề xuất với cấp uỷ, chính quyền gắn nhiệm vụ xây dựng gia đình đảm bảo an toàn cho phụ nữ và trẻ em với việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị. Việc thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội liên quan đến phụ nữ và trẻ em còn hạn chế.

- Việc triển khai các mô hình hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình và mô hình xây dựng môi trường an toàn cho phụ nữ, trẻ em chưa thực sự được chú trọng đầu tư đúng mức để phát huy hiệu quả, nâng cao chất lượng và đảm bảo tính bền vững cho các mô hình.

- Các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ, trẻ em xảy ra nhiều: bạo lực gia đình, xâm hại tình dục trẻ em ngày càng phức tạp, nghiêm trọng, gây bức xúc trong dư luận xã hội; tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, tình hình mua bán phụ nữ và trẻ em qua biên tại vùng đồng bào DTTS và miền núi vẫn tiếp tục diễn ra.... Quy mô, cấu trúc gia đình có những biến đổi rõ rệt, xu hướng hạt nhân hóa gia đình ngày một chiếm ưu thế đặt ra những thách thức trong việc chăm sóc, phụng dưỡng người cao tuổi; Tình trạng ly hôn, ly thân, chung sống không kết hôn, quan hệ tình dục và nạo phá thai trước hôn nhân gia tăng;

- Đời sống của người dân địa phương nói chung và hội viên, phụ nữ nói riêng còn nhiều khó khăn nên việc phát huy nội lực trong hội viên, phụ nữ, nhân dân tham gia xây dựng các hạng mục công trình xây dựng nông thôn mới còn hạn chế. Nhận thức của hội viên, phụ nữ chưa đồng đều, một bộ phận còn trông chờ sự hỗ trợ của nhà nước nên chưa phấn đấu vươn lên thoát nghèo, phát triển kinh tế, chưa tích cực tham gia các hoạt động xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

- Tình trạng mất an toàn thực phẩm vẫn là vấn đề lo ngại của phụ nữ và người dân: nhiều cơ sở vi phạm quy định về an toàn thực phẩm như trang thiết bị, điều kiện vệ sinh, ghi nhãn, quảng cáo thực phẩm....; công tác quản lý của các cơ quan chức năng vẫn có những khó khăn về điều kiện thiết bị, con người; nhận thức, ý thức tuân thủ pháp luật của một số người dân/cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh còn hạn chế nên vẫn còn tình trạng lạm dụng, sử dụng không đúng quy định thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, các chất cấm trong chế biến, bảo quản thực phẩm...; việc kết nối, tiêu thụ sản phẩm an toàn của một số cơ sở còn gặp khó khăn.

- Công tác giáo dục trước và sau hôn nhân, việc cung cấp kiến thức làm cha mẹ, các kỹ năng ứng xử, gắn kết của các thành viên trong gia đình chưa được coi trọng. Nhiều gia đình do quá tập trung làm kinh tế đã xem nhẹ việc chăm sóc, giáo dục và bảo vệ các thành viên trong gia đình, đặc biệt là trẻ em và người cao tuổi.

- Nguồn lực đầu tư cho các hoạt động còn hạn hẹp, phần lớn là phải lồng ghép

với các nội dung khác nên hiệu quả chưa cao. Sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, gia đình, nhà trường chưa thực sự chặt chẽ, chưa phát huy được hiệu quả.

II. NỘI DUNG CHÍNH CỦA CHUYÊN ĐỀ TRONG NHIỆM KỲ 2022 - 2027

1. Cơ sở chính trị, pháp lý liên quan đến việc thực hiện các chỉ tiêu và nội dung nhiệm vụ (theo phụ lục đính kèm)

- Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII nhấn mạnh “xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh; xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới”;

- Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 24/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới; Kế hoạch số 1103/KH-ĐCT ngày 25/8/2021 của Đoàn Chủ tịch TW Hội LHPN Việt Nam về việc hướng dẫn triển khai thực hiện;

- Luật Bình đẳng giới; Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Luật Trẻ em 2016, đặc biệt là quy định tại khoản 2 điều 33 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017 (về vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong kiểm tra, giám sát trong tố tụng hình sự);

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 2238/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030 (Chiến lược); số 45/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2022 phê duyệt Chương trình phòng, chống bạo lực gia đình trong tình hình mới đến năm 2025 và số 96/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2022 phê duyệt Chương trình giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình đến năm 2030;

- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Quyết định ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 938/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ giai đoạn 2017-2027”;

- Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (gọi tắt là Chương trình MTQG 1719), trong đó Hội LHPN Việt Nam được giao nhiệm vụ chủ trì triển khai thực hiện dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em”;

- Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 1/11/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người khuyết tật”; Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 5/8/2020 về Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030; Chương trình hành động số 15/CTHĐ-ĐCT ngày 24/5/2021 về

trợ giúp phụ nữ khuyết tật giai đoạn 2021-2030;

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Chỉ thị 33/CT-TTg ngày 20/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa; Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức phong trào “Tết trồng cây” và tăng cường công tác bảo vệ, phát triển rừng ngay từ đầu năm 2021; Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 01/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý khu bảo tồn biển Việt Nam; Quyết định 1316/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt đề án tăng cường quản lý chất thải nhựa ở Việt Nam;

- Chỉ thị 33/CT-TTg ngày 20/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa; Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức phong trào “Tết trồng cây” và tăng cường công tác bảo vệ, phát triển rừng ngay từ đầu năm 2021; Quyết định số 1658/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ năm 2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050;

- Chiến lược phát triển tổ chức Hội đến năm 2030, tầm nhìn 2035; Nghị quyết Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII và yêu cầu thực tiễn.

2. Chỉ tiêu

*** Chỉ tiêu 3: Đến cuối nhiệm kỳ, các cấp Hội hỗ trợ 80% phụ nữ, trẻ em gái là nạn nhân của bạo lực gia đình, nạn nhân mua bán người trở về được phát hiện tiếp cận ít nhất một dịch vụ trợ giúp xã hội.**

Thống nhất một số khái niệm/cách hiểu:

- *Nạn nhân bạo lực gia đình (người bị BLGD)*: là đối tượng của một trong những hành vi cố ý gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế, tình dục đối với thành viên khác trong gia đình²¹.

- *Nạn nhân mua bán người*: Căn cứ Điều 5 Nghị định 62/2012/NĐ-CP quy định về căn cứ để xác định nạn nhân bị mua bán, một người được xác định là nạn nhân khi họ là đối tượng của một trong những hành vi sau đây:

a) Mua bán người: Coi người như một loại hàng hóa để trao đổi bằng tiền hoặc lợi ích vật chất khác;

b) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để:

- Ép buộc bán dâm;

- Ép buộc làm đối tượng sản xuất băng, đĩa hình, sách, tranh, ảnh, lịch và những hình thức khác có nội dung tuyên truyền lối sống đồi trụy, khiêu dâm;

- Ép buộc biểu diễn cho người khác xem thân thể mình với mục đích kích động tình dục;

- Làm nô lệ tình dục;

²¹ Điều 3, Dự thảo Luật Phòng chống bạo lực gia đình

- Cường bức lao động;
- Lấy các bộ phận cơ thể một cách bất hợp pháp;
- Ép buộc đi ăn xin;
- Ép buộc làm vợ hoặc chồng;
- Ép buộc đẻ con trái ý muốn của họ;
- Ép buộc thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;
- Vì mục đích vô nhân đạo khác.

c) Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người để thực hiện các hành vi quy định tại các Điểm a, b Khoản này hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác.

- **Nạn nhân được phát hiện:** là phụ nữ, trẻ em gái là nạn nhân bị bạo lực gia đình (ít nhất một hành vi bạo lực gia đình), hoặc bị mua bán người trở về được phát hiện và/hoặc được cơ quan thẩm quyền xác nhận.

- **Dịch vụ trợ giúp xã hội:** là các dịch vụ được quy định trong Luật Phòng, chống mua bán người năm 2013 (từ Điều 30 đến Điều 38), và trong Dự thảo Luật phòng, chống bạo lực gia đình (Điều 13) gồm: Hỗ trợ về nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại; Hỗ trợ y tế; Hỗ trợ tâm lý; Trợ giúp pháp lý; Hỗ trợ học văn hóa, học nghề; Trợ cấp khó khăn ban đầu, hỗ trợ vay vốn

Hỗ trợ nạn nhân của bạo lực gia đình, nạn nhân mua bán người trở về: có thể hiểu khái quát là hoạt động trực tiếp giúp đỡ hoặc kết nối, chuyển gửi nạn nhân tiếp cận các dịch vụ trợ giúp xã hội. Hỗ trợ vừa phải dựa trên nhu cầu của đối tượng, vừa phải giúp đối tượng xác định và phát huy được năng lực của bản thân để tự giải quyết các vấn đề khó khăn. Cụ thể²²:

(1) Trực tiếp giúp đỡ: Tiếp đón, tư vấn ổn định tâm lý, cấp nơi tạm lánh, nhu yếu phẩm (đồ ăn, nước uống, quần áo...); tiếp nhận, xử lý thông tin và phối hợp với cơ quan chức năng khai thác thông tin vụ việc theo quy định của pháp luật

(2) Kết nối, chuyển gửi nạn nhân: Trao đổi, nắm bắt nhu cầu cụ thể của nạn nhân; liên hệ các tổ chức, cá nhân có liên quan để hỗ trợ chuyển tiếp nạn nhân tiếp cận các dịch vụ trợ giúp xã hội theo nhu cầu.

Số nạn nhân được hỗ trợ ít nhất 01 dịch vụ

Tỷ lệ được hỗ trợ = $\frac{\text{Số nạn nhân được hỗ trợ ít nhất 01 dịch vụ}}{\text{Số nạn nhân được phát hiện}} \times 100\%$

Số nạn nhân được phát hiện

*** Chỉ tiêu 4: Hàng năm, mỗi cơ sở Hội vận động, hỗ trợ thêm 05 hộ gia đình đạt tiêu chí “gia đình 5 không, 3 sạch” hoặc “gia đình 5 có, 3 sạch” (đôi với địa bàn xây dựng nông thôn mới nâng cao/kiểu mẫu), phấn đấu cả nước giúp được thêm 55.000 hộ gia đình đạt 8 tiêu chí; mỗi cơ sở Hội đăng ký và thực hiện 01 công**

²² Tham khảo Dự thảo Luật phòng chống BLDG (Điều 38 đến Điều 40).

trình/phần việc góp phần xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh.

Lưu ý: Trong chỉ tiêu này, cơ sở Hội được hiểu là Hội Phụ nữ xã/phường/thị trấn.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nội dung nhiệm vụ: có 8 mảng nội dung

(1) Triển khai cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” với các tiêu chí cụ thể, phù hợp, gắn với giữ gìn, phát huy hệ giá trị văn hóa, giá trị của quốc gia - dân tộc, góp phần xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh. Nghiên cứu thí điểm thực hiện tiêu chí “5 có” tại các địa bàn xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và đô thị văn minh.

(2) Tập trung thực hiện có chất lượng nội dung “vun đắp giá trị gia đình Việt Nam” đã được giao cho Hội chủ trì và phối hợp thực hiện các tiêu chí liên quan đến gia đình và bình đẳng giới trong Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2030; Đề xuất nội dung giáo dục làm cha mẹ trong các chương trình/đề án liên quan của Chính phủ; xây dựng và triển khai bộ tài liệu về giáo dục gia đình, về các giá trị của gia đình Việt Nam; quan tâm các hoạt động giáo dục định hướng cho trẻ em gái; Tham gia thực hiện có trách nhiệm Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030 của Chính phủ; “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em tại vùng đồng bào DTTS và miền núi” trong Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS & MN, trong đó chú trọng các hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến, khuôn mẫu giới trong gia đình và xây dựng, củng cố và nâng cao chất lượng mô hình hỗ trợ xây dựng môi trường an toàn cho phụ nữ & trẻ em vùng đồng bào DTTS (Địa chỉ tin cậy tại cộng đồng, CLB thủ lĩnh sự thay đổi)

(3) Triển khai chương trình “Mẹ đỡ đầu” đối với trẻ em mồ côi và có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; ***đề xuất chính sách/đề án hỗ trợ phụ nữ là lao động di cư có con dưới 36 tháng tuổi gửi trẻ.***

(4) Tiếp tục thực hiện hiệu quả đề án “Tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ” (Đề án 938); tập trung nâng cao kiến thức, kỹ năng cho phụ nữ về giáo dục đời sống gia đình, giáo dục làm cha mẹ, giáo dục sức khỏe sinh sản, giáo dục tiền hôn nhân; phòng chống bạo lực gia đình, bạo hành trẻ em; vận động xã hội xây dựng cộng đồng an toàn; nhân rộng các mô hình cộng đồng an toàn, làng quê an toàn, phương tiện an toàn cho phụ nữ, trẻ em, Nhóm cha mẹ dựa vào cộng đồng.

(5) CTPH giữa Chính phủ với Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về tuyên truyền, vận động sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm chất lượng, an toàn vì sức khỏe cộng đồng, phát triển bền vững giai đoạn 2021 - 2025, trọng tâm là sản xuất an toàn, chế biến an toàn, tiêu dùng an toàn. Thực hiện Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

(6) Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ thông qua mở rộng các hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý; chủ động kết nối với các trung tâm trợ giúp pháp lý, đường dây nóng, các văn phòng luật sư, mô hình hỗ trợ phụ nữ, trẻ em, chi hội Bảo vệ quyền trẻ em tại địa phương... Thí điểm thực hiện và nhân rộng các mô hình bảo vệ, hỗ trợ phụ nữ và trẻ em, như: Văn phòng Dịch vụ một điểm đến hỗ trợ phụ nữ di cư trở về, Trung tâm một cửa Hỗ trợ phụ nữ và trẻ em là nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới, đường dây nóng, Trung tâm tư vấn pháp luật cho phụ nữ, tổ Tư vấn cộng đồng...

(7) Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giải quyết đơn thư, tập trung năng lực chuyên môn, ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ và cơ chế kết nối trong hệ thống Hội để kịp thời nắm bắt và giải quyết các vấn đề bức xúc của phụ nữ; kiến nghị, xử lý nghiêm các hành vi bạo lực, mua bán, xâm hại phụ nữ, trẻ em; đẩy mạnh thực hiện cơ chế phối hợp liên ngành, đặc biệt là CTPH giữa Hội với các cơ quan tố tụng trong phát hiện, lên tiếng, bảo vệ, kiến nghị, giải quyết các vụ việc liên quan đến phụ nữ và trẻ em.

(8) Tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức và kỹ năng cho phụ nữ phòng chống thiên tai, dịch bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát huy vai trò đại diện của tổ chức Hội trong các ban chỉ đạo/ban chỉ huy phòng, chống thiên tai các cấp, trọng tâm là “hậu cần tại chỗ” trong phương châm “4 tại chỗ”. Đẩy mạnh vai trò của tổ chức Hội trong tuyên truyền, vận động phụ nữ tham gia bảo vệ môi trường, tổ chức Tết trồng cây hằng năm với chủ đề “Phụ nữ vun trồng tương lai” nhằm hưởng ứng Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025” của Chính phủ, phân loại rác thải tại nguồn và chống rác thải nhựa.

2. Các điểm mới của nhiệm vụ so với nhiệm kỳ trước

- Triển khai cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” nhiệm kỳ này ngoài các tiêu chí cụ thể, phù hợp, với ***yêu cầu cao hơn, phải gắn với giữ gìn, phát huy hệ giá trị văn hóa, giá trị của quốc gia - dân tộc, góp phần xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh.*** Thí điểm chỉ đạo Xây dựng gia đình 5 có 3 sạch ở địa bàn xây dựng NTM nâng cao và kiểu mẫu.

- ***Mục tiêu đảm bảo bình đẳng giới được đưa vào 02 chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2030²³***; Nội dung ***Vun đắp giá trị gia đình Việt Nam và đảm bảo Bình đẳng giới*** là 2 nội dung mới lần đầu tiên được đưa vào Chương trình MT QG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025.

- ***Chương trình “Mẹ đỡ đầu”²⁴*** là một nhiệm vụ trọng tâm trong công tác trẻ em của Hội, phát động trên địa bàn cả nước: hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mồ côi do tác động của dịch bệnh Covid-19.

²³ 02 chương trình: Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS & MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1 từ 2021 – 2025 và Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025

²⁴ Kế hoạch số 1132 ngày 17/10/2021 và Hướng dẫn số 62/HD-ĐCT ngày 09/12/2021 về triển khai Chương trình Mẹ đỡ đầu hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em mồ côi do tác động của dịch covid -19.

- **Đề xuất 01 chính sách/đề án** hỗ trợ phụ nữ là lao động di cư có con dưới 36 tháng tuổi gửi trẻ.

3. Các giải pháp thực hiện nhiệm vụ

3.1 Yêu cầu chung

- Tập trung thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết Đại hội PNTQ lần thứ XIII.

- Giải pháp của Hội đảm bảo độ tương đồng cao nhất với phong trào thi đua/cuộc vận động lớn, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển phát triển kinh tế - xã hội do cấp ủy, chính quyền chỉ đạo thực hiện, phù hợp chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Hội, không dàn trải.

- Giải pháp phải cụ thể, đảm bảo đặc thù riêng có, phù hợp nhu cầu của cán bộ, hội viên... cần được xác định rõ trong kế hoạch toàn khóa và kế hoạch hàng năm của mỗi cấp Hội.

- Đảm bảo nguồn lực (nhân lực, tài chính, kỹ thuật - chú ý nguồn nội lực, sự hưởng ứng đồng bộ của các cấp Hội, cán bộ, hội viên phụ nữ và sự quan tâm đầu tư của cấp ủy, chính quyền) trong tổ chức thực hiện.

3.2. Giải pháp của Trung ương

- **Chủ động nghiên cứu xây dựng, định hướng, chỉ đạo** các cấp Hội tổ chức các hoạt động hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình gắn với triển khai thực hiện các phong trào thi đua, cuộc vận động, chương trình, đề án, trọng tâm của Hội.

- **Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức** cho cán bộ, hội viên, phụ nữ về công tác xây dựng gia đình; vai trò, vị trí của gia đình, vun đắp giá trị gia đình trong tình hình mới của các cấp Hội. Định hướng và tổ chức các hoạt động, sự kiện truyền thông quy mô lớn nhằm tạo sự lan tỏa, hiệu ứng xã hội, tôn vinh giá trị gia đình Việt Nam trong tình hình mới.

+ Tổ chức sự kiện truyền thông có quy mô lớn vào dịp kỷ niệm Ngày gia đình Việt Nam; tháng hành động quốc gia phòng chống bạo lực gia đình nhằm lan tỏa, tôn vinh giá trị gia đình Việt Nam (*gồm chuỗi hoạt động với chủ đề Ngày hội Gia đình Hạnh phúc/Yêu thương/Khỏe mạnh/An toàn; ...* gắn với nội dung hoạt động theo chủ đề năm Đề án 938; Chương trình Mẹ đỡ đầu; Chương trình trợ giúp Phụ nữ khuyết tật, An toàn thực phẩm,...), **Tổ chức các hoạt động hưởng ứng sự kiện “Tháng hành động vì môi trường”, Ngày môi trường thế giới (5/6) và Chiến dịch “Làm cho thế giới sạch hơn” (tuần 3 tháng 9); Tháng hành động thúc đẩy bình đẳng giới và PCBL trên cơ sở giới (25/11), Ngày Pháp luật...**

+ **Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ Hội các cấp, báo cáo viên, tuyên truyền viên** về: Công tác xây dựng gia đình; Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”/“Gia đình 5 có 3 sạch” và xây dựng nông thôn mới; Vun đắp giá trị gia đình Việt Nam trong tình hình mới; Phòng, chống BLDG; Chăm sóc sức khỏe gia đình; Cách thức triển khai thực hiện Chương trình Mẹ đỡ đầu; Kiến thức, kỹ năng cho người nuôi dưỡng, chăm sóc thay thế trẻ mồ côi; kiến thức, kỹ năng tham gia giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ, trẻ em; BHYT hộ

gia đình; An toàn thực phẩm; Kiến thức, kỹ năng trợ giúp phụ nữ khuyết tật; an toàn giao thông ...; Tập huấn và cấp giấy chứng nhận giáo dục trước hôn nhân cho nam nữ thanh niên trước khi kết hôn.

- **Đổi mới, đa dạng hóa phương thức, các loại hình, sản phẩm truyền thông;** chú trọng việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác tuyên truyền (*sử dụng các loại hình truyền thông mới, truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội, trên nền tảng công nghệ số/ sử dụng hiệu quả internet,..*); Xây dựng và triển khai bộ tài liệu về Giáo dục gia đình, các giá trị của gia đình Việt Nam; Cuộc vận động xây dựng gia đình 5 không 3 sạch/5 có 3 sạch; Giáo dục làm cha mẹ; Kỷ luật tích cực...; Sản phẩm truyền thông, bài giảng về giáo dục trước hôn nhân, phòng chống bạo lực gia đình, vun đắp giá trị gia đình (*bài giảng điện tử, clip, tờ rơi, chuyên mục trên Báo Phụ nữ Việt Nam/Cổng thông tin điện tử của Hội LHPN Việt Nam... chú trọng ứng dụng công nghệ số*); thí điểm tài liệu/ sản phẩm truyền thông bằng tiếng dân tộc cho đồng bào DTTS ở một số vùng miền, địa phương.

- **Thí điểm, nhân rộng các mô hình hoạt động hiệu quả tập trung hỗ trợ phụ nữ xây dựng Gia đình 5 không 3 sạch hoặc 5 có 3 sạch** (đảm bảo đa dạng, vận dụng sáng tạo, phát huy các sáng kiến của cộng đồng, huy động nguồn lực từ các dự án/chương trình, phù hợp với nhu cầu thực tiễn nhưng không dàn trải và bảo đảm bền vững. Dịch vụ gia đình (*giảm gánh nặng việc nhà không được trả công của phụ nữ*); “Phụ nữ nói không với thực phẩm không an toàn”; “Gia đình có sức khỏe”; “Phụ nữ khuyết tật tự lực”; Mô hình cải thiện vệ sinh: rửa tay với xà phòng, quản lý kinh nguyệt cho phụ nữ, trẻ em gái. Duy trì, nhân rộng các mô hình hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình hạnh phúc, gia đình có sức khỏe; Gia đình Có ngôi nhà an toàn (*mô hình giáo dục trước hôn nhân giáo dục cha mẹ; mô hình dịch vụ gia đình; Nam giới tiên phong trong phòng, chống BLGD; hỗ trợ phụ nữ khuyết tật xây dựng gia đình có sinh kế bền vững...*). Xây dựng, vận hành hiệu quả hệ thống dịch vụ hỗ trợ trẻ em là nạn nhân bị xâm hại, duy trì và nhân rộng các mô hình phòng ngừa có hiệu quả về xâm hại phụ nữ, trẻ em gái, phòng chống BLGD (đặc biệt là mô hình Ngôi nhà Bình yên), Địa chỉ tin cậy tại cộng đồng, CLB thủ lĩnh sự thay đổi²⁵ tại vùng đồng bào DTTS và miền núi; Thí điểm xây dựng Trung tâm một cửa – hỗ trợ nạn nhân là phụ nữ và trẻ em bị xâm hại...

- **Chủ động nghiên cứu, đề xuất, xây dựng các chương trình, đề án, dự án, đề tài khoa học** về xây dựng gia đình, vun đắp giá trị gia đình, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc. (1) Hỗ trợ phụ nữ là lao động di cư có con dưới 36 tháng tuổi gửi trẻ tại khu công nghiệp, khu chế xuất (nhóm dưới 7 trẻ); (2) Vận động, đề xuất chính sách chi trả bảo hiểm y tế cho chi phí tầm soát một số bệnh ung thư thường gặp ở phụ nữ (đặc biệt là ung thư cổ tử cung, ung thư vú) vào Luật Bảo hiểm y tế sửa đổi. (3) Nghiên cứu, đề xuất bộ chỉ báo và cơ chế giám sát việc thực hiện bình đẳng giới trong xây dựng nông thôn mới (4) Đề xuất nội dung giáo dục làm cha mẹ trong các chương trình/đề án liên quan của Chính phủ (*Dự kiến*

²⁵ Những mô hình này đã được phê duyệt trong Dự án 8, có cơ chế về nguồn lực thực hiện.

phối hợp và đề xuất trong Chương trình quốc gia về giáo dục gia đình do Bộ Giáo dục & Đào tạo chủ trì...) (5) Nghiên cứu những rào cản tiếp cận dịch vụ xã hội hỗ trợ nạn nhân bị BLGD và đề xuất giải pháp (6) Tham gia nghiên cứu, xây dựng Dự án sửa đổi, bổ sung Luật Người khuyết tật; Luật Bảo hiểm Y tế.

- **Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp và vận động nguồn lực** để tổ chức các chương trình, sự kiện truyền thông lớn và sức mạnh tổng hợp, đồng bộ trong công tác tuyên truyền, hỗ trợ phụ nữ vun đắp giá trị gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững. Chú ý vận động, hợp tác tập trung vào nhiệm vụ hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình, không dàn trải, gắn lợi ích hài hòa của tổ chức tài trợ/doanh nghiệp với các thông điệp và sứ mệnh của Hội, lợi ích của tổ chức Hội.

3.3. Giải pháp của cấp Hội địa phương

- **Lựa chọn, xác định nội dung tuyên truyền phù hợp với các nhóm đối tượng, vùng miền.** Tập trung các nội dung: *Giáo dục gia đình, giáo dục trước khi kết hôn, giáo dục kiến thức, kỹ năng làm cha mẹ; kiến thức, kỹ năng xây dựng gia đình hạnh phúc; kiến thức, kỹ năng xây dựng gia đình có sức khỏe, có sinh kế bền vững; thông tin, kiến thức về tác hại của tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống; thu gom, phân loại, xử lý rác thải tại nguồn; phát huy giá trị tốt đẹp và vai trò của gia đình trong nuôi dưỡng, định hướng giá trị, giáo dục thế hệ trẻ...* Tùy tình hình thực tế, mỗi địa phương lựa chọn một vài vấn đề nổi cộm của gia đình để tập trung tuyên truyền. Vận động hội viên, phụ nữ thực hiện “*Mỗi phụ nữ một cây xanh*”, “*Mỗi cơ sở Hội một công trình cây xanh*” hưởng ứng chủ đề “*Phụ nữ vun trồng tương lai - vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người*”...

- **Xây dựng, biên soạn, nhân bản tài liệu tập huấn/truyền thông trên cơ sở tài liệu mẫu của TW Hội** cho cán bộ Hội các cấp, tuyên truyền viên; chú trọng đổi mới tài liệu đa dạng phù hợp với đối tượng, vùng miền, văn hóa dân tộc, tôn giáo... Đổi mới, đa dạng hóa phương thức, các loại hình, sản phẩm truyền thông; chú trọng việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác tuyên truyền (*sử dụng các loại hình truyền thông mới, truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội, trên nền tảng công nghệ số/ sử dụng hiệu quả internet...*).

- **Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ Hội các cấp, báo cáo viên, tuyên truyền viên về:** *Công tác xây dựng gia đình; Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”/“Gia đình 5 có 3 sạch” và xây dựng nông thôn mới; Vun đắp giá trị gia đình VN trong tình hình mới; Phòng, chống BLGD; giáo dục trước khi kết hôn; Chăm sóc sức khỏe gia đình; Cách thức triển khai thực hiện Chương trình Mẹ đỡ đầu; Kiến thức, kỹ năng cho người nuôi dưỡng, chăm sóc thay thế trẻ mồ côi; kiến thức, kỹ năng tham gia giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ, trẻ em; BHYT hộ gia đình; An toàn thực phẩm; Kiến thức, kỹ năng trợ giúp phụ nữ khuyết tật, xây dựng môi trường an toàn cho phụ nữ và trẻ em...về bảo vệ môi trường, tập trung nội dung về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, triển khai phong trào “Chống rác thải nhựa”.*

- **Nghiên cứu, xây dựng thí điểm mô hình phù hợp với điều kiện thực tế**

của địa phương và phối hợp triển khai mô hình thí điểm do TW Hội xây dựng (nếu có). Theo dõi, đánh giá hiệu quả các mô hình thí điểm để triển khai nhân rộng. Cũng cố, nhân rộng các mô hình hiệu quả, hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc trên địa bàn (mô hình giáo dục trước hôn nhân, mô hình an toàn cho phụ nữ và trẻ em, mô hình giáo dục cha mẹ, xây dựng gia đình hạnh phúc,...). Các mô hình bảo vệ môi trường, giảm thiểu chất thải nhựa, các mô hình Gia đình Có phân loại rác tại nguồn, “Phụ nữ sống xanh”, phụ nữ đi chợ không túi ni-lông, gây quỹ từ thu gom chất thải nhựa, phân loại rác tại nguồn, ủ phân hữu cơ... Tích cực giới thiệu, kết nối các mô hình sản xuất các sản phẩm, bao, gói, túi... thân thiện với môi trường và các doanh nghiệp kinh doanh, trong hệ thống các hiệp hội, câu lạc bộ doanh nghiệp nữ... để tăng cường sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường từ khâu sản xuất tới tiêu dùng.

- **Hàng năm, lấy Ngày Gia đình Việt Nam (28/6); tháng hành động quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình; tháng hành động thúc đẩy bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới (25/11), ngày Pháp luật; tháng hành động vì môi trường, ngày Môi trường thế giới (5/6) và chiến dịch “Làm cho thế giới sạch hơn” là trọng tâm cao điểm** đồng loạt tổ chức hoạt động tuyên truyền, giáo dục về xây dựng gia đình hạnh phúc; bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu; tuyên truyền giáo dục pháp luật, các sự kiện biểu dương, tôn vinh, diễn đàn, hội thi... góp phần lan tỏa, hiệu ứng xã hội mạnh mẽ, vun đắp giá trị tốt đẹp gia đình Việt Nam trong tình hình mới, bảo vệ môi trường và trật tự an toàn xã hội.

- **Các CTPH** với các sở, ngành, đơn vị liên quan, **tham gia các Ban chỉ đạo liên ngành ở địa phương** tổ chức các hoạt động nhằm tạo nguồn lực, sức mạnh tổng hợp, đồng bộ trong công tác tuyên truyền, hỗ trợ phụ nữ vun đắp giá trị gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững.

- Tham gia giám sát, phản biện, đề xuất các chính sách và kiến nghị hoàn thiện hệ thống chính sách về gia đình, bình đẳng giới, trẻ em, phụ nữ trong đó quan tâm đến đối tượng phụ nữ yếu thế. Đặc biệt tăng cường giám sát phát hiện vụ việc xâm hại trẻ em.

- **Chủ động và đáp ứng nhanh nhất, thể hiện rõ vai trò của tổ chức Hội các cấp** trong ứng phó biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, thảm họa môi trường, dịch bệnh quy mô lớn, diện rộng, chuẩn bị sẵn kế hoạch ứng phó của tổ chức trong các kịch bản cụ thể. Quan tâm hỗ trợ, động viên đối với cán bộ, hội viên nông cốt, phụ nữ yếu thế dễ bị tổn thương trong các tình huống./.

Chuyên đề 4

HỖ TRỢ NÂNG CAO QUYỀN NĂNG KINH TẾ CỦA PHỤ NỮ

A. MỤC TIÊU BÀI GIẢNG

1. Cán bộ Hội các cấp nắm và hiểu đầy đủ nội dung cơ bản của tiêu nhiệm vụ “*Hỗ trợ nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ*” trong nhiệm vụ 1.

2. Liên hệ và xác định được các giải pháp nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ tại địa phương, đặc biệt là xác định các giải pháp trọng tâm phù hợp với đặc điểm tình hình và nhu cầu của hội viên phụ nữ trên địa bàn.

3. Các tỉnh/thành Hội, đơn vị trực thuộc cụ thể hóa nội dung nhiệm vụ trong quá trình bổ sung, hoàn thiện chương trình hành động toàn khóa phù hợp với thực tiễn, có tính khả thi cao.

B. NỘI DUNG CHUYÊN ĐỀ

Nhiệm vụ tập trung hỗ trợ phụ nữ thực hiện tốt một trong 3 vai trò giới - vai trò sản xuất - nhằm phát huy tiềm năng của phụ nữ đóng góp cho các mục tiêu phát triển kinh tế của đất nước, đồng thời qua đó nâng cao quyền năng kinh tế, giúp họ tự tin khẳng định vai trò, vị thế của mình đối với gia đình, xã hội.

Thực hiện tốt nhiệm vụ này sẽ góp phần thực hiện thành công mục tiêu nhiệm vụ 1 “*Hỗ trợ phụ nữ phát triển toàn diện, xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh*” và góp phần thực hiện các nhiệm vụ 2, 3 đề ra trong Nghị quyết Đại hội bao gồm công tác giám sát, phản biện, đề xuất cơ chế, chính sách và xây dựng tổ chức Hội vững mạnh, tham gia xây dựng đảng, xây dựng chính quyền, hội nhập quốc tế; góp phần thực hiện phong trào thi đua “*Xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới*” và Cuộc vận động “*Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch*”.

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ NHIỆM KỲ 2017 - 2022

1. Các kết quả nổi bật

Công tác vận động, hỗ trợ phụ nữ sáng tạo khởi nghiệp, phát triển kinh tế có những điểm khởi sắc, chuyển đổi mạnh mẽ. Có thể kể đến 05 kết quả nổi bật sau:

(1) Hoạt động hỗ trợ hội viên, phụ nữ giảm nghèo được đẩy mạnh ở các cấp. Thông qua các mô hình sinh kế tạo việc làm tại chỗ, hoạt động giúp phụ nữ nghèo có địa chỉ, giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, hỗ trợ vốn tín dụng cho phụ nữ nghèo được thực hiện có hiệu quả, gắn kết với Chương trình MTQG về giảm nghèo, nông thôn mới, chương trình quốc gia “*Mỗi xã một sản phẩm*” (OCOP), cuộc vận động “*Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch*”, Chương trình Đồng hành cùng phụ nữ biên cương. Trong nhiệm kỳ, các cấp Hội đã giúp hơn 2 triệu hộ nghèo, trong đó có gần 270 nghìn hộ thoát nghèo theo tiêu chí đa chiều. Việc thực hiện thành công các mô hình giảm nghèo trên cơ sở xây dựng cơ chế quản lý xoay vòng vốn phù hợp với thực tế của từng mô hình được các ban, ngành đánh giá cao và là cơ sở để tiếp tục xây dựng/phát triển mô hình giảm nghèo của

Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

(2) Đề án “*Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025*” (Đề án 939) được triển khai đã góp phần nâng cao nhận thức, thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp đến các tầng lớp phụ nữ, quan tâm đến các thành phần yếu thế như phụ nữ khuyết tật, phụ nữ hoàn lương, phụ nữ chịu ảnh hưởng của HIV, phụ nữ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa, đảm bảo thực hiện mục tiêu không để ai bị bỏ lại phía sau. Hoạt động hỗ trợ của Hội phù hợp nhu cầu của từng đối tượng; cách thức tổ chức linh hoạt, bắt kịp với yêu cầu, xu hướng phát triển xã hội (trực tuyến, trực tiếp kết hợp).

Hoạt động hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp được đẩy mạnh với nhiều hình thức sáng tạo. Chủ đề Ngày Phụ nữ khởi nghiệp hằng năm đã bám sát chỉ đạo của Chính phủ, sự chuyển động của nền kinh tế; đã có 63/63 tỉnh, 31/63 tỉnh có huyện tổ chức Ngày phụ nữ khởi nghiệp thu hút trên 24.640 phụ nữ có ý tưởng, dự án dự thi. Trong nhiệm kỳ, các cấp Hội đã huy động được 240 tỷ đồng từ ngân sách trung ương, địa phương và 206 tỷ đồng xã hội hóa cho hoạt động khởi nghiệp; vận động, hỗ trợ gần 73 nghìn phụ nữ khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh thông qua các hình thức tập huấn nâng cao năng lực, kết nối tiếp cận tín dụng, kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm, kết nối xúc tiến thương mại, đầu tư... (vượt 365% so với chỉ tiêu đề ra là 20.000 phụ nữ); tư vấn, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp cho 45.670 doanh nghiệp nữ mới thành lập (đạt 46% chỉ tiêu kế hoạch của cả đề án - 100.000).

Hoạt động hỗ trợ phát triển doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ được đổi mới theo hướng hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ dựa trên nhu cầu phát triển và thích ứng với bối cảnh tình hình. Tổ chức nhiều chương trình đa dạng hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh do nữ làm chủ nâng cao năng lực; hỗ trợ tiếp cận tín dụng, thị trường, thông tin, công nghệ, tác động chính sách. Bên cạnh các nội dung tập huấn nâng cao năng lực kinh doanh mang tính truyền thống, các cấp Hội đã phát huy tính chủ động sáng tạo, tổ chức nhiều hoạt động liên kết, hợp tác, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh như quản trị kinh doanh, đặc biệt là năng lực ứng phó khủng hoảng do COVID -19 như ứng dụng thương mại điện tử, kết nối tiêu thụ sản phẩm, tổ chức hội thi và quảng bá sản phẩm của phụ nữ khởi nghiệp; đẩy mạnh kết nối liên tỉnh và nội tỉnh, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là nông sản trong giai đoạn ảnh hưởng của dịch COVID-19; kết nối tiêu thụ sản phẩm thông qua phối hợp với Bưu điện Việt Nam, sàn thương mại điện tử Postmart, Tiki, Shopee....

Chú trọng hơn việc kết nối với mạng lưới các Hội/câu lạc bộ nữ doanh nhân, đẩy mạnh thông qua tăng cường hợp tác, phát huy thế mạnh của từng tổ chức Hội phụ nữ và Hội nữ doanh nhân; thúc đẩy phát triển mạng lưới Hội, hiệp hội, câu lạc bộ doanh nghiệp nữ. Đến nay, cả nước có 31 Hội/Hiệp hội doanh nhân nữ ở cấp quốc gia và tỉnh/thành được chính thức thành lập với gần 10.000 hội viên; 896 Câu lạc bộ nữ doanh nhân, trong đó 42 CLB nữ doanh nhân cấp tỉnh.

(3) Trong bối cảnh sắp xếp lại các trung tâm đào tạo nghề của Hội (giảm từ 37 xuống 9 trung tâm), các cấp Hội đã kịp thời điều chỉnh phương thức đào tạo, tăng cường phối hợp, liên kết, giới thiệu đào tạo, tổ chức các tổ/nhóm phụ nữ giúp

nhau học nghề sát với nhu cầu thị trường, góp phần thực hiện chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra và tăng tỷ lệ lao động nữ được đào tạo nghề.

Các cấp Hội và cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Hội đã đào tạo nghề, phối hợp, giới thiệu đào tạo nghề cho trên 206.765 lao động nữ (đạt 275% so với kế hoạch nhiệm kỳ là 75.000). Chủ yếu đào tạo trình độ sơ cấp nghề và dưới 3 tháng với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực nông nghiệp sản xuất sạch, an toàn (kỹ thuật trồng rau an toàn, kỹ thuật chăn nuôi gia súc gia cầm...) hoặc tiểu thủ công nghiệp (đan lục bình, mây tre đan, thêu dệt thổ cẩm...). Hoạt động dạy nghề của các cấp Hội gắn với tạo việc làm sau học nghề thông qua hỗ trợ thành lập các mô hình kinh tế tập thể: hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ/nhóm phụ nữ liên kết sản xuất kinh doanh và hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp... từ đó góp phần tạo việc làm bền vững và thu nhập ổn định cho phụ nữ, thu hút phụ nữ tích cực tham gia học nghề. Số lao động nữ được đào tạo nghề là 206.765 vượt nhiều so với chỉ tiêu Nghị quyết (chỉ tiêu là 75.000).

(4) Hội Liên hiệp Phụ nữ tiếp tục là đoàn thể dẫn đầu với 6 điểm “nhất”²⁶ trong hoạt động ủy thác với Ngân hàng Chính sách xã hội, là kênh dẫn vốn hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách của Nhà nước. Hoạt động tài chính vi mô của các cấp Hội ngày càng chuyên nghiệp. Các chương trình tài chính vi mô của các cấp Hội tiếp tục phát triển không chỉ về số lượng mà tăng về chất lượng, hiệu quả, không chỉ góp phần cải thiện điều kiện sống của phụ nữ, đặc biệt tại các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa mà còn hướng tới đáp ứng các quy định của pháp luật chuyên ngành²⁷. Điểm nổi bật của nhiệm kỳ qua là đã có 30 chương trình dự án tài chính vi mô của các tỉnh/thành đăng ký theo Quyết định 20/2017/QĐ-TTg quy định về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.

Tổ chức Tài chính vi mô TNHH MTV Tình thương (TYM) tập trung ứng dụng công nghệ thông tin, đa dạng hóa sản phẩm tài chính và phi tài chính, đáp ứng nhu cầu của nhiều nhóm phụ nữ khác nhau, trong đó có nhóm phụ nữ khởi nghiệp với hơn 2 nghìn tỷ đồng cho 173 nghìn phụ nữ vay. Trung ương Hội tiếp tục thí điểm hoạt động Quỹ Bảo hiểm vi mô góp phần đa dạng hóa sản phẩm tài chính vi mô, đồng thời tạo thêm kênh an sinh xã hội cho phụ nữ nghèo.

Kế hoạch triển khai Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được ban hành và triển khai trong toàn hệ thống Hội hướng tới nâng cao hiểu biết, năng lực tài chính và khả năng của phụ nữ trong tiếp cận và sử dụng an toàn, thuận tiện các sản phẩm, dịch vụ tài chính phù hợp nhu cầu. Bước đầu các cấp Hội đã triển khai một số hoạt động xây dựng tài liệu, tổ chức nhiều hoạt động truyền thông, tập huấn, nâng cao hiểu biết, năng lực tài chính cho phụ nữ. Mở rộng phối hợp với nhiều đơn vị cung ứng dịch vụ tài chính (Ngân hàng Chính sách Xã hội và 3 ngân hàng thương mại khác) giúp tăng cơ hội

²⁶ 6 nhất: Dự nợ cao nhất; tỷ lệ nợ quá hạn thấp nhất; số tổ tiết kiệm và vay vốn nhiều nhất; tỷ lệ thành viên tham gia tiết kiệm cao nhất; số lượng thành viên nhiều nhất; tổ vay vốn và tiết kiệm có chất lượng tốt nhất.

²⁷ Tính đến tháng 12/2021, toàn hệ thống Hội có 52/63 tỉnh thành có chương trình TCVM đang được thực hiện, trong đó có 1 tổ chức tài chính vi mô được cấp phép (cấp TW), 170 chương trình/dự án tài chính vi mô do Hội LHPN các cấp trực tiếp quản lý. Tổng dự nợ vốn đạt gần 2.000 tỷ đồng, dự tiết kiệm đạt gần 400 tỷ đồng, với tổng số gần 300 nghìn khách hàng

cho phụ nữ thuận tiện trong tiếp cận và sử dụng dịch vụ tài chính phù hợp với nhu cầu (bảo hiểm vi mô, tín dụng cho khởi nghiệp, tín dụng cho phát triển kinh doanh...).

Hoạt động tín dụng, tiết kiệm tại chi Hội, tổ Phụ nữ tiếp tục được duy trì, đáp ứng nhu cầu thiết thân của hội viên, phụ nữ. Tính đến 31/12/2021, số dư tiết kiệm tại 63/63 tỉnh/thành Hội đạt 11,4 ngàn tỷ đồng (*tăng 5,3 ngàn tỷ so với nhiệm kỳ 2012-2017*) với trên 10,7 triệu hội viên tham gia thông qua 267.277 tổ, nhóm tiết kiệm, tỷ lệ số dư tiết kiệm theo 4 loại hình: (1) Tại các Quỹ, Chương trình/dự án tín dụng của Hội và NHCSXH chiếm tỷ lệ 60,3%; (2) Tại các tổ nhóm xoay vòng: 12,8%; (3) Tại các tổ phụ nữ tiết kiệm: 10,4%; (4) Tiết kiệm tại chi Hội phụ nữ (*do cán bộ chi/tổ trực tiếp quản lý*): 16,5%. Một số tỉnh/thành Hội đã bước đầu ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động tiết kiệm.

(5) Các cấp Hội đã đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ phụ nữ tham gia và phát triển mô hình kinh tế tập thể, HTX dưới nhiều hình thức. Tuyên truyền, vận động hội viên, phụ nữ, người dân tham gia mô hình kinh tế tập thể; 90% cán bộ Hội LHPN các cấp và hơn 80% hội viên phụ nữ đã được tuyên truyền về chính sách, chủ trương phát triển kinh tế tập thể; Nghị quyết 13-NQ/TW về phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, Luật Hợp tác xã và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, UBND các tỉnh/thành phố... Xây dựng các mô hình HTX phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động ở địa phương/vùng miền theo hướng khôi phục và phát huy các nghề truyền thống, phát huy tài nguyên bản địa góp phần tạo dựng thương hiệu của các sản phẩm của địa phương; sản xuất sản phẩm bảo vệ sức khỏe cho người sử dụng, thân thiện với môi trường; xây dựng mô hình HTX gắn với tạo việc làm cho lao động nữ. Đến cuối nhiệm kỳ, các cấp Hội đã hỗ trợ thành lập mới gần 800 HTX do phụ nữ tham gia quản lý với trên 14.000 thành viên và 11 nghìn tổ hợp tác với trên 30.000 thành viên, trong đó có trên 70% là các HTX nông nghiệp sản xuất, tiêu thụ sản phẩm an toàn; thu nhập bình quân của thành viên đạt trung bình trên 5 triệu đồng/người/tháng²⁸, thành lập gần 400 mô hình sinh kế hỗ trợ phụ nữ vùng biên giới, biên cương phát triển kinh tế bền vững thuộc Chương trình ĐHCPCNBC.

2. Những vấn đề đặt ra

- Tại một số địa phương, công tác phối hợp các ngành liên quan trong việc triển khai thực hiện Đề án 939 chưa cao. Việc thực hiện Đề án tại các sở, ngành vẫn còn lỏng lẻo ghép vào hoạt động nhiệm vụ chuyên môn hoặc trong các Đề án, Chương trình đang có của từng đơn vị nên việc tổ chức các hoạt động hỗ trợ khởi

²⁸ Một số mô hình tiêu biểu, nổi bật “HTX du lịch cộng đồng, du lịch Homestay tỉnh Lào Cai (HTX Tả Phìn Xanh Sapa), HTX thủy sản và du lịch sinh thái Quỳnh Nhai ở Sơn La đã kết hợp du lịch với mô hình sản xuất sản phẩm truyền thống như thuốc tắm truyền thống, thổ cẩm... mang lại lợi ích KT-XH và bảo tồn phát huy giá trị văn hóa độc đáo của làng nghề truyền thống, tạo việc làm cho lao động nữ tại địa phương; HTX thủ công mỹ nghệ Tân Thọ (Thanh Hóa) với nhiều sản phẩm thủ công mỹ nghệ tinh xảo, xuất khẩu đi nhiều nước trên thế giới, tạo việc làm trên 700 lao động (90% là lao động nữ), HTX Thủ công mỹ nghệ Quyết Thắng, HTX sản xuất tiêu thụ công nghiệp Hòa Lộc (Vĩnh Long), tạo việc làm cho khoảng 300 đến 600 lao động (90% là lao động nữ) với mức thu nhập từ 2 đến 6 triệu đồng/tháng; HTX Phát triển nông thôn Út Hồng - Việt Nam (Thái Nguyên) tạo việc làm cho 30 lao động thường xuyên tại xưởng may.

nghiệp, khởi sự kinh doanh cho phụ nữ còn hạn chế, thiếu cơ bản các cấu phần của hệ sinh thái khởi nghiệp, các cấu phần hoạt động rời rạc (đặc biệt thiếu về cố vấn khởi nghiệp và nhà đầu tư...).

- Hoạt động hỗ trợ phát triển doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ chưa có chiến lược dài hạn, chưa bắt kịp nhu cầu phát triển của doanh nghiệp. Nguồn lực hỗ trợ (nhân lực và kinh phí tổ chức các hoạt động) còn hạn chế. Số lượng doanh nghiệp nữ được thành lập sau khởi nghiệp còn rất thấp (3%).

- Các chương trình tài chính vi mô do Hội trực tiếp quản lý điều hành ở một số địa phương chưa hoạt động chuyên nghiệp, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin hạn chế; chưa đa dạng các sản phẩm tín dụng, chưa đổi mới phương pháp cung cấp dịch vụ tín dụng cho phụ nữ.

- Công tác tuyên truyền vận động phụ nữ tham gia học nghề ở cơ sở gặp không ít khó khăn do cán bộ Hội cơ sở (chi/tổ Hội) thường xuyên thay đổi. Số lượng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc Hội hiện nay còn rất ít (9 đơn vị) và sắp tới còn tiếp tục giảm do thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo nghề tại các cơ sở này hiện chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra; nguồn nhân lực phục vụ công tác đào tạo nghề còn hạn chế.

- Nhận thức về vai trò, cách thức hỗ trợ phát triển HTX của một số cán bộ Hội chưa sâu sắc; công tác tuyên truyền chưa có nhiều đổi mới, hướng dẫn, tư vấn bị lúng túng; một số HTX được Hội hỗ trợ nhưng phát triển chưa thực chất.

- Chưa có cơ sở dữ liệu thông tin về hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, khởi nghiệp, giảm nghèo được hệ thống hóa, tổng hợp theo dõi từ cấp trung ương đến các tỉnh/thành để số liệu, thông tin được cập nhật, xuyên suốt, kịp thời, mang đến hiệu quả hỗ trợ cao hơn và phù hợp thời đại công nghệ số.

- Sự phát triển nhanh chóng của kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ, đặc biệt cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số đã đem lại các tiến bộ về năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh và sự thay đổi nhu cầu sử dụng lao động. Tuy nhiên, cách mạng công nghiệp lần thứ Tư cũng mang lại những tác động khó lường đến tính chất của việc làm truyền thống, gây ra nguy cơ phá vỡ thị trường lao động, lao động bị dư thừa do máy móc thay thế con người và gia tăng áp lực do sự chuyển dịch của nguồn lực lao động. Những ảnh hưởng hiện hữu của biến đổi khí hậu gây suy thoái đa dạng sinh học, suy thoái tài nguyên nước, suy thoái tầng ôzôn, suy thoái đất và hoang mạc hóa, ô nhiễm các chất hữu cơ độc hại khó phân hủy, dịch bệnh, nhất là đại dịch COVID-19 ... ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống con người đặc, biệt đối với sản xuất dựa vào nông nghiệp, nơi lực lượng lao động chính là phụ nữ. Việt Nam đang trong quá trình hội nhập sâu rộng vào thị trường thế giới với nhiều cơ hội và thách thức đan xen. Với việc tham gia vào các tổ chức khu vực và thế giới như Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)..., đòi hỏi phải có chiến lược nâng cao chất lượng hàng hóa và an toàn vệ sinh thực phẩm theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP...

Các hạn chế trên do một số nguyên nhân:

- Năng lực cán bộ Hội trong mảng lĩnh vực này ở một số nơi chưa cao, chưa gắn chặt, lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế ở địa phương, đặc biệt trong bối cảnh các chương trình MTQG đã ban hành cho giai đoạn mới.

- Nhiều nơi chưa làm tốt công tác kết nối, vận động các nguồn lực xã hội hóa, doanh nghiệp. Nguồn lực của Hội nhằm thực hiện các hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, nhất là những đối tượng phụ nữ yếu thế còn hạn chế, chưa đảm bảo yêu cầu đặt ra của các cấp Hội...

- Công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương một số nơi còn hạn chế, chưa chủ động.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU VÀ NỘI DUNG NHIỆM VỤ

1. Các văn bản của Đảng, Nhà nước

- Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc XIII.

- Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 – 2030.

- Luật Hợp tác xã năm 2012; Luật Bảo vệ môi trường 2014; Luật doanh nghiệp nhỏ và vừa 2018 và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Quyết định số 939/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”;

- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (trong đó có Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em do Hội chủ trì).

- Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/1/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 1/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050.

- Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 4/6/2019 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030.

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 của Thủ tướng chính phủ về

việc phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".

- Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/1/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư ngày 22/11/2014 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng Chính sách xã hội; Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội.

- Chỉ thị 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030.

- Nghị định 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường.

- Các chương trình, nghị quyết liên tịch, phối hợp với các cơ quan, đơn vị của Hội LHPNVN: Ngân hàng chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Liên Minh hợp tác xã Việt Nam, các tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính...

- Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 về Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 270/QĐ-TCGDNN ngày 18/6/2021 về việc xây dựng và phát triển không gian truyền thông giáo dục nghề nghiệp, hình thành hệ sinh thái truyền thông giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 về việc Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định 217, 218 của Bộ Chính trị về quy chế giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của MTTQ, các đoàn thể CTXH.

2. Các văn bản của Hội LHPN Việt Nam

- Văn bản thỏa thuận số 11789/VBTT ngày 28/12/2021 giữa NHCSXH và các Hội đoàn thể về việc thực hiện ủy thác cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Kế hoạch số 961/KH-ĐCT ngày 08/12/2020 của Đoàn Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam về Tổ chức thực hiện Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Công văn số 5738/ĐCT-KT ngày 28/5/2021 của Đoàn Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam về việc tiếp tục chỉ đạo thực hiện hoạt động tiết kiệm - tín dụng tại các cấp Hội.

- Kế hoạch số 117/KH-ĐCT ngày 22/9/2021 của Đoàn Chủ tịch TW Hội

LHPN Việt Nam thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 và thực hiện Kết luận 06-KL/TW về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 40-CT/TW.

- Kế hoạch số 967/KH-HLHPN-BTLBP ngày 28/12/2020 giữa TW Hội LHPNVN và Bộ Tư lệnh BDBP về tổ chức Chương trình Đồng hành cùng phụ nữ biên cương giai đoạn 2021 - 2025.

(Có phụ lục kèm theo)

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NHIỆM KỲ 2022 - 2027

1. Một số khái niệm

- *Quyền năng kinh tế của phụ nữ và nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ:*

Tuyên bố và cương lĩnh hành động Bắc Kinh năm 1995 đã đưa ra thuật ngữ về nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ cho rằng: *“Nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ là đảm bảo phụ nữ tiếp cận bình đẳng với các nguồn lực kinh tế bao gồm đất đai, tín dụng, khoa học và công nghệ, đào tạo nghề, thông tin, liên lạc và thị trường, đây là công cụ để thúc đẩy sự tiến bộ và nâng cao quyền năng của phụ nữ và trẻ em gái, nó bao gồm cả việc thông qua nâng cao năng lực của họ để họ được thụ hưởng các lợi ích của việc tiếp cận bình đẳng với các nguồn lực, kể cả nguồn lực quốc tế”*.

Theo Tổ chức Oxfam, *“Quyền năng kinh tế của phụ nữ - Women economic empowerment”* có được khi phụ nữ được quyền định đoạt và hưởng lợi từ các nguồn lực, tài sản, thu nhập và thời gian của họ và khi họ có khả năng quản lý rủi ro và cải thiện tình trạng kinh tế và điều kiện sống của mình. *Có thể tóm lược: Quyền năng kinh tế của phụ nữ là năng lực của phụ nữ trong kiểm soát, định đoạt, chi phối các nguồn lực sản xuất; tiếp thu, sử dụng các kiến thức, kỹ năng trong phát triển sản xuất; phân tích, quản lý, ứng dụng thông tin trong phát triển sản xuất, kinh doanh; tham gia, ra quyết định và được thụ hưởng thành quả của quá trình sản xuất, kinh doanh”*²⁹.

Cũng theo tổ chức Oxfam, *“Nâng cao quyền năng của phụ nữ là một quá trình mà ở đó cuộc sống của người phụ nữ được chuyển từ trạng thái hạn chế về quyền lực do các định kiến giới sang trạng thái mà ở đó họ có quyền bình đẳng với nam giới”*. Nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ sẽ đóng góp vào việc nâng cao quyền năng, vai trò, vị thế của phụ nữ nói chung bởi nó nhân mạnh khả năng phụ nữ được tiếp cận và kiểm soát nguồn lực sản xuất và được công nhận là chủ thể tham gia đầy đủ vào nền kinh tế.

- *Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ:* Theo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa: Doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ là doanh nghiệp nhỏ và vừa có một hoặc nhiều phụ nữ sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên, trong đó có ít nhất một người quản lý điều hành doanh nghiệp đó.

²⁹ Oxfam (2017), Oxfam’s Conceptual Framework on Women’s Economic Empowerment (Khung khái niệm về Nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ).

- *Khởi nghiệp*: Phụ nữ khởi sự kinh doanh và khởi nghiệp: Là cá nhân/nhóm phụ nữ/tổ chức do phụ nữ làm chủ bắt đầu một công việc sản xuất, kinh doanh mới hay thành lập một doanh nghiệp mới tạo việc làm cho bản thân cá nhân/nhóm phụ nữ/tổ chức/người lao động, góp phần phát triển kinh tế và xã hội.

- *Tổ hợp tác*: Theo Nghị định 77/2019/NĐ-CP quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động và chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác: Tổ hợp tác là tổ chức không có tư cách pháp nhân, được hình thành trên cơ sở hợp đồng hợp tác, gồm từ 02 cá nhân, pháp nhân trở lên tự nguyện thành lập, cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện những công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm.

- *Hợp tác xã*: Một số khái niệm liên quan đến HTX và HTX do phụ nữ quản lý:

+ Theo Luật Hợp tác xã hiện hành (năm 2012), HTX là: “*tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 07 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng yêu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý hợp tác xã*”.

+ HTX do phụ nữ tham gia quản lý: Là HTX được thành lập theo Luật HTX năm 2012 (Tại Khoản 1, khoản 2 điều 3 Luật Hợp tác xã năm 2012 quy định: Hợp tác xã do ít nhất 7 thành viên tự nguyện thành lập); và có ít nhất 01 thành viên giữ vị trí quản lý/điều hành (Hội đồng quản trị; Ban Giám đốc, Ban kiểm soát là nữ).

+ HTX đông thành viên nữ: Là HTX được thành lập theo Luật HTX năm 2012 và có trên 50% thành viên là nữ.

+ HTX tạo việc làm cho lao động nữ: Là HTX được thành lập theo Luật HTX năm 2012 và số lượng lao động nữ của HTX chiếm từ 50% trở lên.

- *Tài chính toàn diện*: Theo Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia:

Tài chính toàn diện là việc mọi người dân và doanh nghiệp được tiếp cận và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính một cách thuận tiện, phù hợp nhu cầu, với chi phí hợp lý, được cung cấp một cách có trách nhiệm và bền vững, trong đó chú trọng đến nhóm người nghèo, người thu nhập thấp, người yếu thế, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp siêu nhỏ.

2. Chỉ tiêu nhiệm vụ

Chỉ tiêu (2): Hằng năm giúp 33.500 hộ có phụ nữ thoát nghèo, thoát cận nghèo; hỗ trợ nâng cao năng lực cho 17.000 phụ nữ là chủ doanh nghiệp, quản lý hợp tác xã, chủ hộ kinh doanh. Đến cuối nhiệm kỳ, vận động, hỗ trợ thành lập mới 350 hợp tác xã có phụ nữ tham gia quản lý.

Hiện nay các tỉnh/thành đã gửi đăng ký, căn cứ Nghị quyết đại hội toàn quốc, Đoàn Chủ tịch TW Hội đã cân đối chung toàn quốc để giao chỉ tiêu từng năm cho từng tỉnh cho phù hợp (*có dự kiến giao chỉ tiêu kèm theo*).

3. Các nội dung nhiệm vụ và giải pháp

3.1. Hỗ trợ phụ nữ tham gia kinh tế tập thể, HTX, tổ hợp tác

a) Nội dung nhiệm vụ

- Vận động, hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế tập thể, tiếp cận kinh tế số và chủ động tham gia các nhiệm vụ phát triển kinh tế của địa phương, đất nước; hỗ trợ phụ nữ sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị, nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm, góp phần thực hiện chương trình quốc gia “*Mỗi xã một sản phẩm*”.

- Chú trọng hỗ trợ thành lập, nâng cao chất lượng hoạt động của hợp tác xã, tổ hợp tác do phụ nữ quản lý; tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực cho phụ nữ là chủ doanh nghiệp, quản lý hợp tác xã, chủ hộ kinh doanh; hỗ trợ phụ nữ kết nối, tiêu thụ sản phẩm qua các kênh phân phối phù hợp nhu cầu của thị trường. Đề xuất và thực hiện đề án “Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý và tạo việc làm cho lao động nữ giai đoạn 2022 - 2030”.

b) Điểm mới

- HTX phát triển phải theo chiều sâu, gắn với tạo việc làm cho người lao động, gắn với chuyển đổi số; ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến sâu; gắn kết chặt chẽ doanh nghiệp và HTX trong các khâu của chuỗi giá trị.

- Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin cho các tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ quảng bá, phát triển các sản phẩm bản địa, cải thiện sản xuất, quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc, kết nối thị trường... tại vùng DTTS và miền núi (thực hiện Dự án 8- Chương trình MTQG 1719).

c) Giải pháp

Cấp Trung ương

- Đề xuất và thực hiện đề án “Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý và tạo việc làm cho lao động nữ giai đoạn 2022 - 2030”.

- Tổ chức các hoạt động hỗ trợ HTX/tổ hợp tác thực hiện chuyển đổi số, tham gia thương mại điện tử, tham gia nền kinh tế số.

- Đổi mới hoạt động truyền thông, trọng tâm là đa dạng hóa các sản phẩm và phương thức truyền thông về Luật HTX năm 2012, các chủ trương, định hướng của Đảng và Chính phủ hỗ trợ HTX theo nhóm đối tượng, các mô hình HTX hiệu quả.

- Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị đào tạo của Liên minh HTX, Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức tập huấn, tuyên truyền cho cán bộ Hội các cấp, hội viên, phụ nữ; tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực phát triển kinh tế tập thể cho cán bộ Hội các cấp và thành viên các mô hình kinh tế tập thể.

- Hướng dẫn các cấp Hội xây dựng kế hoạch/chương trình/đề án hỗ trợ HTX do phụ nữ quản lý và tạo việc làm cho lao động nữ phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Tăng cường liên kết với các doanh nghiệp có uy tín/tổ chức trong và ngoài nước, các doanh nghiệp xã hội để hỗ trợ, đổi mới các mô hình kinh tế tập thể trong

phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm.

- Tăng cường liên kết với các Ngân hàng để hỗ trợ HTX tiếp cận với các nguồn vốn vay có ưu đãi.

- Xây dựng Sổ tay và hướng dẫn thực hiện thành lập, vận hành Nhóm TKVVTB, tích hợp với các giải pháp phát triển sinh kế, và áp dụng phương pháp học tập và hành động giới vùng DTTS và miền núi.

Cấp địa phương:

- Cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo, chương trình/kế hoạch/đề án phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Vận dụng sáng tạo, lồng ghép các nguồn lực trong triển khai thực hiện, phối hợp với các ban/ngành tại địa phương về hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế tập thể.

- Khai thác các Quỹ hỗ trợ phát triển HTX, vận động nguồn lực xã hội hóa hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng bộ nhận diện, chỉ dẫn địa lý, định danh HTX, hỗ trợ xúc tiến thương mại cho các HTX thí điểm.

- Tuyên truyền, hướng dẫn thành lập mới và phát triển mô hình TKVVTB đã có thành các mô hình TKVVTB tích hợp thêm các giải pháp đổi mới và lồng ghép giới.

3.2. Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

a) Nội dung nhiệm vụ

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025” (Đề án 939), mở rộng kết nối, khuyến khích ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ.

- Liên kết với các cơ quan, tổ chức, các doanh nghiệp, ngân hàng, tổ chức đại diện cộng đồng doanh nghiệp để thúc đẩy hoạt động hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp, trong đó, tập trung ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, hỗ trợ tham gia thương mại điện tử, tham gia chuỗi giá trị. Phát huy vai trò, thế mạnh và tăng cường phối hợp giữa hiệp hội, hội, câu lạc bộ nữ doanh nhân với tổ chức Hội các cấp trong hoạt động phát triển kinh tế. Hỗ trợ xây dựng, thành lập và phát triển các câu lạc bộ, hội nữ doanh nhân.

b) Điểm mới

Tăng cường các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ chuyển đổi số, ứng dụng thương mại điện tử trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, bắt kịp với nhu cầu và xu thế của hội nhập kinh tế quốc tế; nâng cao năng lực chuyển đổi số cho phụ nữ; đề xuất các giải pháp hỗ trợ phụ nữ tham gia vào kinh tế số.

c) Giải pháp

** Cấp Trung ương*

- Tiếp tục tuyên truyền, khơi dậy tiềm năng sức sáng tạo của phụ nữ trong phát triển kinh tế, khởi nghiệp, phát huy giá trị sản phẩm bản địa vùng dân tộc miền núi, góp phần nâng cao nhận thức của xã hội về vai trò của phụ nữ trong phát

triển kinh tế bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, sáng tạo. Nội dung tập trung tuyên truyền về tác động, hiệu quả của ứng dụng khoa học công nghệ, các mô hình kinh doanh ứng dụng khoa học công nghệ thành công và khởi nghiệp cho nhóm đối tượng phụ nữ yếu thế, phụ nữ dân tộc thiểu số, phụ nữ di cư tự do, phụ nữ bị nhiễm HIV, phụ nữ tái hoàn lương hòa nhập cộng đồng...

- Duy trì trang thông tin về khởi nghiệp trên Báo Phụ nữ Việt Nam và đổi mới nội dung, hình thức truyền thông nâng cao nhận thức về khởi nghiệp cho phụ nữ.

- Xây dựng mạng lưới hệ sinh thái/cộng đồng phụ nữ khởi nghiệp. Thúc đẩy sự hỗ trợ bền bỉ, lâu dài, đồng hành cùng sự phát triển theo chuỗi của các dự án khởi nghiệp (đào tạo, huấn luyện, kết nối thương mại hóa sản phẩm...) của các cấp Hội. Triển khai các hoạt động cổ vấn khởi nghiệp, chương trình kết nối gọi vốn từ nhà đầu tư, chuyển giao công nghệ, xúc tiến thị trường tại các cấp Hội nhằm tạo ra được hệ sinh thái khởi nghiệp đầy đủ các thành phần cho phụ nữ.

- Tổ chức Ngày Phụ nữ khởi nghiệp toàn quốc hàng năm, nghiên cứu tổ chức Ngày Phụ nữ khởi nghiệp cấp vùng góp phần thúc đẩy liên kết vùng và Lễ trao giải nhằm biểu dương, tôn vinh các cá nhân, tập thể có nhiều sáng tạo trong việc triển khai thực hiện Đề án và các tấm gương phụ nữ khởi nghiệp thành công ngày càng hiệu quả và có chiều sâu.

- Phối hợp với các Bộ ngành (Công thương, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Hiệp hội Thương mại điện tử...) tổ chức các hoạt động đào tạo, hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị kinh doanh, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ; đẩy mạnh kết nối, xúc tiến thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tham gia thương mại điện tử.

- Chú trọng hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nữ trong các lĩnh vực, ngành nghề trọng tâm của quốc gia, khu vực; ưu tiên doanh nghiệp nhỏ và cực nhỏ, doanh nghiệp do nhóm phụ nữ khó khăn làm chủ, doanh nghiệp tạo việc làm cho phụ nữ khó khăn.

- Tiếp tục phối hợp, hỗ trợ Hiệp hội Nữ doanh nhân Việt Nam mở rộng mạng lưới nữ doanh nhân. Tổ chức các hoạt động kết nối, diễn đàn, hỗ trợ kèm cặp, đỡ đầu nhằm phát huy vai trò, thế mạnh của nữ doanh nhân trong phát triển kinh tế, các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nữ khởi nghiệp.

- Chỉ đạo, hỗ trợ ứng dụng công nghệ 4.0 để phụ nữ vùng DTTS và miền núi quảng bá sản phẩm bản địa, tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử, nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ DTTS (Dự án 8- Chương trình MTQG 1719).

** Cấp địa phương*

- Cụ thể hóa và vận dụng sáng tạo các nội dung hoạt động triển khai Đề án phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và nhu cầu của phụ nữ.

- Chủ động, từng bước tham gia xây dựng các cấu phần đầy đủ của hệ sinh thái khởi nghiệp, chú trọng xây dựng mạng lưới cổ vấn khởi nghiệp từ chính các

doanh nhân nữ tại địa phương và các chương trình kết nối gọi vốn từ nhà đầu tư, chuyên gia công nghệ và xúc tiến thị trường. Làm tốt công tác khảo sát, đánh giá, phát hiện nhu cầu khởi nghiệp của phụ nữ, tập trung phụ nữ nghèo, phụ nữ yếu thế, phụ nữ DTTS... nhằm kịp thời có các hoạt động hỗ trợ, giúp chị em mạnh dạn, tự tin khởi nghiệp, vươn lên thoát nghèo.

- Hội LHPN các tỉnh, thành chủ động làm việc với chính quyền, các ban ngành để được tạo điều kiện hỗ trợ kinh phí; đồng thời, huy động nguồn lực từ các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện Đề án.

- Phối hợp với các sở ngành chức năng tổ chức các khóa đào tạo nâng cao năng lực doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, chú trọng doanh nghiệp nhỏ và cực nhỏ, hộ kinh doanh đăng ký thành lập doanh nghiệp.

- Mở rộng kết nối với các nữ doanh nhân, mạng lưới doanh nghiệp do nữ làm chủ trong các hoạt động phát triển kinh tế, khởi nghiệp sáng tạo, kết nối tiêu thụ sản phẩm.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông, các khóa đào tạo, tập huấn và tư vấn hỗ trợ kỹ thuật về ứng dụng công nghệ 4.0 cho tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ. Hướng dẫn, hỗ trợ phụ nữ vùng DTTS và miền núi tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử; kết nối với các giải pháp dịch vụ logistics và thanh toán điện tử; xây dựng thương hiệu sản phẩm; truy xuất nguồn gốc. Hỗ trợ chuẩn hóa các tiêu chuẩn theo quy định (như tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm cho các sản phẩm nông sản, OCOP) cho phụ nữ vùng DTTS và miền núi (Dự án 8- Chương trình MTQG 1719).

3.3. Hỗ trợ phụ nữ giảm nghèo bền vững

a) Nội dung nhiệm vụ

- Tuyên truyền vận động phụ nữ phát huy nội lực, hỗ trợ, giúp nhau giảm nghèo bền vững; tiếp tục thực hiện các mô hình tiết kiệm tín dụng, các mô hình sinh kế phù hợp với điều kiện của phụ nữ và ưu tiên phát triển của địa phương, tập trung hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ DTTS vùng đặc biệt khó khăn. Triển khai có hiệu quả Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

- Gắn với thực hiện Tiêu chí “Không đói nghèo” trong cuộc vận động ‘Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch’.

b) Điểm mới

Phát triển các mô hình giảm nghèo, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo theo những nội dung mới thuộc Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững.

c) Giải pháp

Cấp Trung ương

- Nghiên cứu lồng ghép các nguồn lực đổi mới các hình thức truyền thông có ứng dụng công nghệ thông tin, nhằm nâng cao nhận thức về chủ trương của

Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về giảm nghèo, mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Chỉ đạo, xây dựng kế hoạch hướng dẫn thực hiện có hiệu quả hoạt động hỗ trợ xây dựng/phát triển mô hình giảm nghèo theo chuỗi giá trị trong thực hiện Chương trình tại các cấp Hội theo quy định.

- Phối hợp với các bộ, ban, ngành hỗ trợ phát triển các mô hình giảm nghèo bền vững thông qua các hoạt động hỗ trợ vay vốn, tăng các nguồn lực đầu tư khác cho mô hình tập trung: xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử, kết nối cung cầu sản phẩm...

- Tăng cường đề xuất chính sách, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển kinh tế, giảm nghèo.

Cấp địa phương

- Chủ động rà soát, đánh giá tham mưu và xây dựng các mô hình giúp thoát nghèo bền vững tại từng địa bàn theo hướng khuyến khích, tạo cơ hội cho phụ nữ nghèo tham gia các mô hình liên kết gắn với chuỗi giá trị phù hợp và phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương; tăng cường liên kết giữa người dân và doanh nghiệp, ngân hàng, nhà khoa học, chính quyền địa phương trong hỗ trợ phát triển sản xuất và chế biến, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng và có phương án giải quyết rủi ro trong quá trình thực hiện mô hình.

- Chủ động phối hợp với Bộ đội Biên phòng, các đơn vị hỗ trợ đồng hành, tăng cường vận động nguồn lực, kết nối với các tổ chức, doanh nghiệp, mạnh thường quân để hỗ trợ mô hình sinh kế bền vững cho phụ nữ các xã biên cương. Thực hiện chỉ tiêu đến năm 2025, ít nhất mỗi xã biên giới, hải đảo có 01 mô hình sinh kế bền vững, mỗi xã duy trì và xây dựng 01 mô hình tín dụng, tiết kiệm tạo thói quen trong quản lý, sử dụng tài chính cho phụ nữ dân tộc thiểu số. Phối hợp với TW Hội lựa chọn các mô hình sinh kế phù hợp với địa phương từ nguồn kinh phí từ Chương trình nhấn tin (Chương trình Đồng hành cùng phụ nữ biên cương).

- Lựa chọn các ý tưởng, mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh khả thi để hỗ trợ thực hiện, nhân rộng.

- Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát hỗ trợ giải quyết các khó khăn trong quá trình thực hiện mô hình. Phối hợp với các cấp chính quyền địa phương, ban/ngành tập trung nguồn lực hỗ trợ phát triển mô hình sinh kế cho phụ nữ theo hướng phát triển bền vững, mở rộng và phát triển quy mô sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

3.4. Thúc đẩy hoạt động thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện

a) Nội dung nhiệm vụ

- Nâng cao chất lượng và mở rộng dư nợ quản lý ủy thác tín dụng từ nguồn Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, một số ngân hàng thương mại khác nhằm hỗ trợ phụ nữ tiếp cận tài chính, phát triển kinh tế. Duy trì thành tích là tổ chức đạt “6 nhất” trong hoạt động ủy thác với Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng - tiết kiệm tại các chi Hội, tổ Phụ nữ đảm bảo an toàn và tăng trưởng.

- Triển khai có chất lượng kế hoạch thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia trong hệ thống Hội, trọng tâm là giáo dục tài chính; hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ tài chính cơ bản (tín dụng, tiết kiệm, thanh toán, bảo hiểm) cho phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ khó khăn sống ở vùng sâu, vùng xa; phát triển bền vững các chương trình tài chính vi mô, các mô hình tiết kiệm của phụ nữ trong hệ thống Hội hoạt động chuyên nghiệp, theo quy định của pháp luật.

- Mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng hoạt động của Tổ chức Tài chính vi mô trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tinh thương (TYM): phân đầu đến hết nhiệm kỳ, TYM triển khai hoạt động tới 18 tỉnh/thành phố.

b) Điểm mới

- Chuyển từ triển khai hoạt động trong phạm vi các chương trình tiết kiệm, tín dụng, tài chính vi mô sang tài chính toàn diện nhằm giúp phụ nữ nâng cao hiểu biết, năng lực tài chính, tiếp cận và sử dụng an toàn, thuận tiện các sản phẩm, dịch vụ tài chính phù hợp nhu cầu, với chi phí hợp lý, do các tổ chức được cấp phép cung ứng một cách có trách nhiệm và bền vững.

- Hoạt động tín dụng - tiết kiệm được thực hiện gắn với các chương trình MTQG, đặc biệt là Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc thiểu số, miền núi.

- Thành lập và vận hành Nhóm TKVVTB tích hợp với các giải pháp phát triển sinh kế và áp dụng phương pháp học tập và hành động giới tại vùng DTTS (Dự án 8, Chương trình MTQG 1719).

c) Giải pháp

Cấp trung ương

- Giáo dục tài chính, tăng cường công tác đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao hiểu biết, năng lực tài chính và khả năng tiếp cận và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính một cách hiệu quả, hợp lý, an toàn cho hội viên, phụ nữ.

- Tuyên truyền, hướng dẫn, kết nối với các tổ chức cung ứng dịch vụ nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ số của phụ nữ trong tiếp cận các dịch vụ tài chính, tiết kiệm, hướng tới giảm sử dụng tiền mặt.

- Mở rộng kết nối, hợp tác với các Ngân hàng Chính sách Xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính tín dụng, bảo hiểm được cấp phép khác.

- Hỗ trợ, hướng dẫn nâng cấp, phát triển các tổ chức, chương trình dự án tài chính vi mô, bảo hiểm vi mô, các nhóm tín dụng tiết kiệm của Hội LHPN Việt Nam ở các cấp hoạt động chuyên nghiệp, an toàn, hiệu quả, bền vững theo đúng các qui định của pháp luật.

- Tập trung chỉ đạo triển khai hoạt động tín dụng, tiết kiệm đảm bảo đúng quy định của pháp luật, hướng dẫn của Hội tại công văn số 5738/ĐCT-KT ngày

28/5/2021 gắn với việc phát triển và nhân rộng mô hình tiết kiệm và tín dụng tự quản thuộc Dự án 8 trong chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030.

- Hướng dẫn các cấp Hội tiên hành rà soát, đánh giá tổng thể, toàn diện các loại hình/mô hình tín dụng và tiết kiệm tại các cơ sở Hội nhằm có cơ sở dữ liệu, số liệu đầy đủ, chính xác nhất về hoạt động tiết kiệm và cho vay từ nguồn tiết kiệm và có giải pháp chấn chỉnh kịp thời.

- Chú trọng công tác đào tạo tập huấn nâng cao, kiến thức kỹ năng quản lý, hoạt động nhóm phụ nữ tiết kiệm và tín dụng thông qua lồng ghép các nguồn lực từ các Chương trình MTQG, đề án, dự án và từ các hoạt động phối hợp/hợp tác với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng...

- Nghiên cứu tổng hợp nguồn lực để xây dựng, hoàn thiện phần mềm quản lý, vận hành các nhóm tiết kiệm, tín dụng được thành lập theo các chương trình/đề án/dự án trong hệ thống Hội các cấp để đảm bảo quản lý thống nhất, chặt chẽ và đúng nguyên tắc.

- Xây dựng tài liệu và Hướng dẫn các cấp Hội triển khai hoạt động phát triển, nhân rộng mô hình TKVVTB tích hợp phát triển sinh kế, tạo thu nhập và các mô hình TKVVTB áp dụng phương pháp học tập và hành động giới.

Cấp địa phương

- Chủ động, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước tỉnh tổ chức, triển khai các hoạt động thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia, Kế hoạch 961/KH-ĐCT của Đoàn Chủ tịch TW Hội LHPN Việt Nam trong thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia và CTPH giữa 2 ngành.

- Tổ chức tuyên truyền, tập huấn cho hội viên phụ nữ về giáo dục tài chính.

- Xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động và nhân rộng các mô hình tiết kiệm hiệu quả của Hội LHPN các cấp; đảm bảo các mô hình tiết kiệm do Hội trực tiếp quản lý điều hành hoạt động an toàn, hiệu quả, tuân thủ đúng các qui định của pháp luật.

- Phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Chính sách xã hội và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nâng cao hiệu quả nguồn vốn tín dụng chính sách và tín dụng phát triển nông nghiệp nông thôn; mở rộng liên kết, phối hợp với các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính có cấp phép khác (Ngân hàng, Công ty bảo hiểm...).

- Hội LHPN các tỉnh, thành có chương trình tài chính vi mô hướng dẫn, hỗ trợ, nâng cấp, phát triển các tổ chức, chương trình TCVM hoạt động chuyên nghiệp, an toàn, hiệu quả, bền vững, đăng ký thành lập Tổ chức tài chính vi mô theo đúng các qui định của pháp luật. Đào tạo, hướng dẫn, nâng cao năng lực nhân sự. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đa dạng hoá các sản phẩm, dịch vụ. Nghiên cứu, phát triển sản phẩm, cải tiến dịch vụ.

- Theo dõi và chủ động tham gia, tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh, Ngân hàng Nhà nước tỉnh và các ngành liên quan... trong các hoạt động thúc đẩy tài

chính toàn diện tại địa phương.

- Phối hợp tăng cường nguồn lực thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát; tuyên truyền nâng cao nhận thức; tập huấn nâng cao năng lực; rà soát đánh giá thực trạng hoạt động của các mô hình tiết kiệm tín dụng tại địa phương nhằm đảm bảo các hoạt động tiết kiệm tín dụng có hiệu quả, đúng pháp luật.

- Chủ động phối hợp với các ngân hàng cung cấp và giới thiệu giải pháp kết nối dịch vụ tài chính chính thức cho các cá nhân, hộ gia đình đang sinh hoạt tại các tổ TKVV TB có nhu cầu; Hướng dẫn, hỗ trợ thành lập mới tổ TKVV TB, chuyển đổi mô hình hoạt động của các tổ/nhóm phụ nữ vay vốn/tiết kiệm đã có sang mô hình hoạt động TKVV TB.

3.5. Hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm cho phụ nữ

a) Nội dung nhiệm vụ

- Phối hợp, mở rộng liên kết đào tạo nghề, tư vấn, giới thiệu việc làm theo nhu cầu của thị trường lao động, tập trung hỗ trợ các nhóm lao động nữ chuyển đổi nghề nghiệp do quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới công nghệ và tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trường Trung cấp Lê Thị Riêng và chức năng dạy nghề của các Trung tâm Vì sự phát triển phụ nữ của trung ương và một số tỉnh.

b) Điểm mới

Một số nội dung nhiệm vụ và chỉ tiêu liên quan đến hoạt động giáo dục nghề nghiệp trong các Chương trình MTQG và các chiến lược/đề án đào tạo nghề của Chính Phủ có sự thay đổi trong giai đoạn mới. Ngoài ra, nội dung của Đề án đổi mới nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn đang được Bộ Lao động, thương binh và xã hội trình Thủ tướng phê duyệt.

c) Giải pháp

Cấp Trung ương

- Xây dựng và phát triển không gian truyền thông giáo dục nghề nghiệp, hình thành hệ sinh thái truyền thông giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2025 theo QĐ số 270/QĐ-TCGDNN ngày 18/6/2021. Xây dựng các mô hình, điển hình thành công về học nghề, tạo việc làm cho lao động nông thôn để làm hạt nhân cho công tác tuyên truyền, hướng nghiệp ở vùng nông thôn.

- Tổng kết đánh giá việc thực hiện kế hoạch/chương trình/đề án đào tạo nghề cho lao động nữ theo Chỉ thị 19-CT/TW, ngày 5/11/2012 của Ban Bí thư khóa XI về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dạy nghề cho lao động nông thôn” và các chương trình, đề án khác và đề xuất các chính sách liên quan đến đào tạo nghề cho lao động nữ.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cấp Hội thí điểm và nhân rộng mô hình hỗ trợ phát triển sinh kế, hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân mua bán người thuộc Dự án 8 chương trình MTQG 1719.

- Nâng cao chất lượng, cải tiến hoạt động của Trường trung cấp Lê Thị Riêng đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới.

Cấp địa phương

- Đẩy mạnh truyền thông về chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp; truyền thông nâng cao nhận thức về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

- Vận dụng sáng tạo, lồng ghép các nguồn lực trong triển khai thực hiện, phối hợp với các ban/ngành tại địa phương về tuyên truyền nâng cao nhận thức cho phụ nữ về đào tạo nghề tích cực tham gia đào tạo nghề trong đó chú trọng phát triển các mô hình kinh tế tập thể do nữ quản lý nhằm tạo việc làm cho lao động nữ.

- Vận động và hỗ trợ nạn nhân mua bán người được trao trả, trở về hòa nhập cộng đồng tham gia vào các mô hình TKVVTB, học nghề và tư vấn giải quyết việc làm, thực hiện các mô hình sinh kế, kinh doanh sản xuất nhỏ.

3.6. Một số giải pháp chung

a) Tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức

- Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, kênh truyền thông của Hội về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về dạy nghề, khởi nghiệp, phát triển kinh doanh, hợp tác xã; vai trò, vị trí của phụ nữ đối với sự phát triển kinh tế để phụ nữ hiểu đúng, hiểu rõ, thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới gắn với sản xuất sạch và bảo vệ môi trường.

- Vận động phát huy nội lực, ý chí vươn lên của phụ nữ và cộng đồng, giúp nhau vượt qua khó khăn, giảm nghèo, mạnh dạn học nghề, lập nghiệp, khởi nghiệp, tích cực tham gia phát triển HTX, khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp.

- Khích lệ, động viên tinh thần thực hành tiết kiệm, hợp tác, tương thân tương ái trong chị em phụ nữ và cộng đồng thông qua việc tích cực thực hiện các hoạt động giúp nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững.

- Chú trọng phát hiện, tuyên truyền, tôn vinh, nêu gương các điển hình tiên tiến; nhân rộng mô hình hiệu quả, cách làm hay trong phát triển kinh tế, khởi nghiệp, phát triển HTX, doanh nghiệp; chú trọng các nhân tố điển hình là phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, phụ nữ nông thôn, phụ nữ tôn giáo, dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức của phụ nữ tham gia HTX, nữ doanh nghiệp, nữ chủ hộ kinh doanh... góp phần thực hiện Chương trình hỗ trợ một triệu phụ nữ nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, tiếp cận Chính phủ điện tử và nền kinh tế số.

b) Nghiên cứu, giám sát và đề xuất chính sách, tổng kết đánh giá

- Tiếp tục giám sát, đề xuất chính sách hỗ trợ doanh nghiệp do nữ làm chủ, tập trung cho doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ.

- Đề xuất và thực hiện đề án hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý và tạo việc làm cho lao động nữ giai đoạn 2022 - 2030.

- Nghiên cứu nội dung hỗ trợ phụ nữ tham gia nền kinh tế số trong Đề án chuyển đổi số trong hệ thống Hội LHPN Việt Nam giai đoạn 2025-2030.

- Đánh giá kết quả thực hiện Đề án Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp và nghiên cứu đề xuất nội dung cho giai đoạn tới.

- Cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu về hoạt động của Hội LHPN các cấp trong hỗ trợ doanh nghiệp do nữ làm chủ, hợp tác xã do phụ nữ quản lý, các kết quả hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững trong hệ thống Hội.

c) Nâng cao năng lực tổ chức và đội ngũ cán bộ Hội

- Tổ chức các lớp tập huấn nhằm tăng cường năng lực cho cán bộ Hội các cấp trong hoạt động hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển kinh tế, giảm nghèo các cấp. Chú trọng, đào tạo kết hợp thực hành gắn với hoạt động hỗ trợ; tăng cường các chuyên đề đổi mới sáng tạo, kinh doanh đặc biệt là tài chính, nguồn vốn và kênh bán hàng.

- Đưa nội dung giáo dục tài chính toàn diện; kỹ năng hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế hợp tác, HTX vào các tài liệu tập huấn của các cấp Hội; Học viện Phụ nữ Việt Nam tham gia tập huấn cán bộ Hội các cấp về công tác hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, giảm nghèo, thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện.

d) Công tác phối hợp, vận động nguồn lực

- Đẩy mạnh hoạt động thành lập mạng lưới chuyên gia tư vấn, hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển HTX.

- Kết nối các sàn giao dịch thương mại điện tử/kênh/chợ mua sắm online, chuỗi bán buôn/bán lẻ...để quảng bá, giới thiệu sản phẩm của phụ nữ khởi nghiệp, doanh nghiệp nữ, HTX do nữ làm chủ; tổ chức các hội chợ giới thiệu sản phẩm (trực tiếp, trực tuyến); thành lập các điểm bán, giới thiệu sản phẩm tại các tỉnh/thành để kết nối, tiêu thụ sản phẩm cho phụ nữ. Tổ chức các hội nghị, diễn đàn kết nối, liên kết giữa doanh nghiệp nữ, HTX do phụ nữ tham gia quản lý với các doanh nghiệp và nhà phân phối; ứng dụng khoa học công nghệ; tìm kiếm đầu ra và kết nối cung cầu, phát triển hệ thống phân phối.

- Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các tổ chức tín dụng hỗ trợ phụ nữ tiếp cận các dịch vụ tài chính đa dạng; tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động ủy thác, tín chấp; thí điểm, đẩy mạnh hợp tác với các Ngân hàng hỗ trợ tiếp cận tín dụng cho các nhóm liên kết, tổ hợp tác, HTX, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

- Tiếp tục tăng cường vận động nguồn lực từ ngân sách nhà nước bằng cách chủ động nghiên cứu, xây dựng, đề xuất các hoạt động, đề án và tham gia các Chương trình MTQG phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đáp ứng được nhu cầu của hội viên, phụ nữ.

- Tăng cường liên kết với các doanh nghiệp có uy tín, các doanh nghiệp xã

hội phù hợp với sứ mệnh, nhiệm vụ của tổ chức Hội, nhu cầu hội viên, phụ nữ các vùng, miền; xây dựng các thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp để khai thác nguồn trách nhiệm xã hội cho các hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế.

- Phối hợp nguồn lực thuộc Dự án 8 - Chương trình MTQG 1719 với việc triển khai các mô hình cụ thể, thiết thực hỗ trợ cho phụ nữ nghèo vùng biên giới, biên cương trong Chương trình Đồng hành cùng phụ nữ biên cương giai đoạn 2021 –2025. Tăng cường vận động, kết nối với các tổ chức, doanh nghiệp, mạnh thường quân hưởng ứng, hỗ trợ nguồn lực cho các xã biên giới, biên cương.

- Mở rộng quan hệ phối hợp với các tổ chức trong nước, quốc tế để tập trung nguồn lực cho hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững./.

NHIỆM VỤ 2

**THAM GIA XÂY DỰNG ĐẢNG, HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ;
CHÚ TRỌNG GIÁM SÁT, PHẢN BIỆN XÃ HỘI;
VẬN ĐỘNG XÃ HỘI THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI**

Chuyên đề 5

THAM GIA XÂY DỰNG ĐẢNG, HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ; CHÚ TRỌNG GIÁM SÁT, PHẢN BIỆN XÃ HỘI; VẬN ĐỘNG THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI

A. MỤC TIÊU BÀI GIẢNG

- Cán bộ Hội các cấp nắm và hiểu đầy đủ nội dung cơ bản của nhiệm vụ “Tham gia xây dựng Đảng, hệ thống chính trị; chú trọng giám sát, phản biện xã hội; vận động thực hiện bình đẳng giới”; 2 chỉ tiêu Nghị quyết (thứ 7 và thứ 8) và 1 chỉ tiêu nhiệm vụ; các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện nhiệm vụ; những điểm mới của nhiệm vụ và xác định được mối liên hệ với các nhiệm vụ trọng tâm khác.

- Các cấp Hội có thể liên hệ và vận dụng sáng tạo, sát tình hình thực tiễn nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ tại địa phương, đơn vị.

- Các tỉnh/thành Hội, đơn vị trực thuộc cụ thể hóa nội dung nhiệm vụ trong quá trình bổ sung, hoàn thiện chương trình hành động toàn khóa phù hợp với thực tiễn, có tính khả thi cao.

B. NỘI DUNG CHUYÊN ĐỀ

I. KẾT QUẢ TRONG NHIỆM KỲ 2017-2022

1. Kết quả nổi bật

- Các cấp Hội tổ chức nhiều hoạt động để phát huy vai trò làm chủ của hội viên, phụ nữ, tăng cường tiếng nói và sự tham gia của phụ nữ trong các hoạt động cộng đồng, góp phần xây dựng Đảng và chính quyền trong sạch, vững mạnh. Hội LHPN cấp tỉnh và cấp huyện tham mưu tổ chức hơn 700 cuộc đối thoại với người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, có nơi đến cấp xã/phường để nắm bắt và giải quyết kịp thời các bức xúc, kiến nghị chính đáng của hội viên, phụ nữ. Các cấp Hội vận động hội viên, phụ nữ tích cực tham gia quá trình tiếp xúc cử tri và bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

- Tổ chức Hội thể hiện ngày càng tốt hơn vai trò, chức năng đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của phụ nữ; bảo đảm và phát huy vai trò của cán bộ, hội viên, các cấp, các ngành vào các hoạt động vì sự tiến bộ và phát triển của phụ nữ. Trung ương Hội tham gia tích cực, trách nhiệm trong Ban chỉ đạo trung ương về tổng kết các Nghị quyết, Chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các chương trình mục tiêu, chiến lược quốc gia của Chính phủ; chủ động tham mưu cho Ban Bí thư tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW³⁰, đề xuất ban

³⁰ Ngày 27/4/2007 về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

hành Chỉ thị số 21-CT/TW³¹; phối hợp với Bộ Nội vụ sơ kết 5 năm thực hiện Nghị định 56/2012/NĐ-CP³².

- Công tác giám sát ngày càng thực chất và tiệm cận với nhu cầu thiết thân của phụ nữ. Điểm mới của hoạt động giám sát trong nhiệm kỳ này là chủ động hiệp thương các nội dung giám sát với MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội và thực hiện giám sát quá trình giải quyết các vụ việc xâm hại phụ nữ, trẻ em của các cơ quan tổ tụng. Các cấp Hội tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để phát huy vai trò của phụ nữ tham gia tổ giám sát cộng đồng, ban thanh tra nhân dân, thử nghiệm và nhân rộng mô hình “nghiên cứu cùng tham gia” giúp phát hiện và giải quyết các vấn đề khó khăn ở một số địa bàn, nhất là ở các địa bàn có vấn đề phức tạp. Những phát hiện, kiến nghị của Hội qua giám sát góp phần bổ sung và từng bước hoàn thiện chính sách, pháp luật về phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới.

- Công tác phản biện xã hội đối với các dự thảo chính sách, luật pháp ngày càng có chất lượng, dựa trên bằng chứng khoa học, khảo sát thực tiễn, tham vấn các đối tượng chịu sự tác động³³; phát huy vai trò và thế mạnh của đội ngũ cộng tác viên, chuyên gia tư vấn. Một trong những điểm nhấn của nhiệm kỳ là Hội đã chủ động làm việc, cung cấp thông tin, kiến nghị với các Ủy ban, Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, các đoàn đại biểu Quốc hội để đưa vấn đề liên quan đến phụ nữ, trẻ em và đảm bảo bình đẳng giới vào quá trình xây dựng luật pháp, chính sách; nhiều chính sách đã được các cơ quan có thẩm quyền tiếp thu, ghi nhận³⁴.

- Tập trung đề xuất giải pháp, chính sách; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức và hành động của các cấp uỷ đảng, chính quyền và toàn xã hội về bình đẳng giới. Trung ương Hội tham gia tích cực, trách nhiệm trong Ban chỉ đạo trung ương về tổng kết các Nghị quyết, Chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các chương trình mục tiêu, chiến lược quốc gia của Chính phủ; chủ động tham mưu cho Ban Bí thư tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW³⁵, đề xuất ban hành Chỉ thị số 21-CT/TW³⁶; phối hợp với Bộ Nội vụ sơ kết 5 năm thực hiện Nghị định 56/2012/NĐ-CP³⁷.

³¹ Ngày 18/1/2018 về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới

³² Ngày 16/7/2012 quy định trách nhiệm của Bộ, ngành, UBND các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội LHPN Việt Nam tham gia quản lý nhà nước

³³ Giai đoạn 2019 - 2020, TW Hội đã thực hiện phản biện xã hội đối với: (1) Dự thảo Bộ luật Lao động (sửa đổi) với 06 công văn gửi tới cơ quan chủ trì soạn thảo và cơ quan thẩm tra, tổ chức lấy ý kiến trên 1 triệu lao động nữ, chuyên gia, nhà quản lý; tham gia, tổ chức 02 hội nghị phản biện xã hội. Trên cơ sở đó, một số ý kiến phản biện của Hội đã được tiếp thu như vấn đề mở rộng phạm vi điều chỉnh đến lao động không có quan hệ lao động, bảo vệ thai sản, quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người lao động, quấy rối tình dục...; (2) Dự thảo Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, với sự nghiên cứu, ý kiến phản biện có căn cứ khoa học và thực tiễn, kết quả là có 6/9 ý kiến đề xuất của Hội đã được Ban soạn thảo tiếp thu và được đưa vào Luật; (3) Thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Thực hiện phản biện xã hội đối với dự thảo chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030.

³⁴ chính sách liên quan đến lao động nữ, chế độ thai sản, điều chỉnh lương hưu đối với lao động nữ bắt đầu hưởng lương hưu trong giai đoạn 2018 - 2021 có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 20 năm đến 29 năm 6 tháng

³⁵ Ngày 27/4/2007 về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

³⁶ Ngày 18/1/2018 về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới

³⁷ Ngày 16/7/2012 quy định trách nhiệm của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước

- Các cấp Hội chủ động chủ động nắm tình hình cán bộ nữ và giới thiệu nguồn nhân sự nữ cho đại hội Đảng nhiệm kỳ 2020 - 2025, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2021-2026; thực hiện các hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ nữ, đặc biệt là nữ ứng cử viên lần đầu. Hoạt động bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ nữ có nhiều điểm mới, sáng tạo, linh hoạt theo tình hình thực tế³⁸, được các bộ, ngành, địa phương đánh giá cao. Bên cạnh đó, TW Hội đã tăng cường kết nối, phát huy vai trò cán bộ nữ thông qua các cuộc gặp mặt, duy trì các kênh trao đổi thông tin, thành lập Mạng lưới ủy viên Ban Chấp hành TW Hội khối bộ, ngành, cơ quan TW.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, tư vấn pháp luật được thực hiện thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm; chủ động, linh hoạt trong vận động, tuyên truyền tại các địa bàn phức tạp về trật tự xã hội. Hình thức tuyên truyền được đổi mới, đa dạng, tăng tính tương tác, bắt kịp xu hướng phát triển của truyền thông hiện đại; Việc chú trọng tư vấn, tuyên truyền pháp luật ngay trong quá trình tham vấn xây dựng chính sách đã giúp phụ nữ, gia đình và cộng đồng nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, “sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật”.

- Đẩy mạnh triển khai thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp làm cơ sở, cung cấp luận cứ cho công tác chỉ đạo và tham mưu, đề xuất với Đảng, Nhà nước các vấn đề liên quan đến phụ nữ³⁹. Trung ương Hội tăng cường các hoạt động phối hợp, trao đổi học thuật, hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế với các cơ quan nghiên cứu; Hội LHPN một số tỉnh/thành phố đã chủ trì các đề tài nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu những vấn đề thực tiễn của phụ nữ và công tác Hội, đề kiến nghị, đề xuất cơ chế, giải pháp hỗ trợ.

Các cấp Hội đã đề xuất nhiều chính sách, chương trình, đề án tập trung vào giải quyết các vấn đề liên quan đến an sinh xã hội, thể chế hóa quy định pháp luật về bình đẳng giới, nâng cao vị thế của phụ nữ và tổ chức Hội. Trung ương Hội đã tham mưu đề xuất thành công 03 Đề án của Chính phủ⁴⁰, một số nội dung trong 03 chương trình MTQG⁴¹. Cấp tỉnh/thành đã đề xuất được trên 600 chính sách/đề án/chương trình⁴².

2. Những vấn đề đặt ra

38 TW Hội đã xây dựng các bài giảng trực tuyến và đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Hội để hỗ trợ nữ ứng cử viên trước kỳ Bầu cử Quốc hội khóa XV, bầu cử HĐND các cấp nhiệm kỳ 2022-2027 và sau khi trúng cử; Lãnh đạo Hội trực tiếp tham gia báo cáo viên tại các hội nghị bồi dưỡng cho nữ ứng cử viên.

39 Trong nhiệm kỳ, cấp TW đã thực hiện 61 đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, trong đó, lần đầu tiên Hội tiến hành đề tài nghiên cứu khoa học cấp quốc gia về chính sách bảo vệ và hỗ trợ một số nhóm phụ nữ đặc thù.

40 Đề án “Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ giai đoạn 2017 - 2027” (Đề án 938); Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025” (Đề án 939) và Đề án “Bồi dưỡng cán bộ, công chức Hội LHPN các cấp và chi hội trưởng phụ nữ giai đoạn 2019 - 2025” (Đề án 1893).

41 Cuộc vận động xây dựng “Gia đình 5 không 3 sạch” vào Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và Dự án 8 của Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, Hỗ trợ phát triển các mô hình kinh tế tập thể (bao gồm tổ hợp tác, hợp tác xã) do phụ nữ tham gia quản lý trong Chương trình MTQG giảm nghèo.

42 Bao gồm cấp tỉnh và cấp huyện.

Thời gian tới, thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ tiếp tục là mối quan tâm hàng đầu trong nỗ lực của các quốc gia và cộng đồng quốc tế nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, trong đó có Việt Nam.

- Xu hướng dân chủ hóa mọi hoạt động của đời sống xã hội ngày càng mạnh mẽ, dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện ngày càng được mở rộng, vừa tạo điều kiện, vừa thúc đẩy phụ nữ nâng cao trình độ dân trí, nhận thức chính trị, trách nhiệm công dân, song cũng kèm theo nguy cơ phụ nữ dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng, lôi kéo. Việc tham gia các điều ước quốc tế về quyền con người, quyền của phụ nữ và trẻ em gái, về bình đẳng giới sẽ là cơ sở pháp lý quan trọng để hoạch định và thực thi chính sách liên quan đến phụ nữ và trẻ em. Sự xuất hiện ngày càng nhiều các tổ chức hoạt động vì phụ nữ và thúc đẩy bình đẳng giới đặt ra yêu cầu đẩy mạnh vai trò kết nối, định hướng trong công tác phụ nữ của tổ chức Hội.

- Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ XIII của Đảng là *“Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; đồng thời xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh...”*. Theo đó, trong thời gian tới việc xây dựng hệ thống pháp luật tập trung vào việc hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN; tiếp tục cụ thể hóa các văn bản quy phạm pháp luật về quyền con người, quyền công dân theo Hiến pháp năm 2013 và các công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên; hoàn thiện pháp luật trong từng lĩnh vực cụ thể liên quan về đất đai, lao động, khoa học và công nghệ, văn hóa, giáo dục, an sinh xã hội, an ninh, quốc phòng đáp ứng yêu cầu thực tiễn, luật pháp, chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới.

Về định hướng chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị đã nhấn mạnh: *“Phát huy vai trò của Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong việc nâng cao chất lượng công tác phản biện xã hội đối với quy trình lập pháp và giám sát việc thực hiện pháp luật; chú trọng bản lĩnh, ý thức chính trị, không bị chi phối, tác động bởi các hành vi không lành mạnh của bất cứ tổ chức, cá nhân nào trong quá trình giám sát, phản biện xã hội.”*

- Các chủ trương, chính sách pháp luật liên quan đã tạo điều kiện cho sự phát triển của phụ nữ, tuy nhiên, còn nhiều vấn đề xã hội ảnh hưởng tiêu cực đến phụ nữ cần tiếp tục quan tâm: Đói nghèo, biến đổi khí hậu, thay đổi chức năng gia đình; bạo lực gia đình...; sự gia tăng các loại tội phạm mới, tội phạm công nghệ cao; nhiều khó khăn, thách thức chưa từng có tiền lệ do đại dịch COVID-19; bất bình đẳng giới còn tồn tại.

- Công tác nắm bắt tình hình, tư tưởng, đời sống, việc làm của hội viên, phụ nữ tại một số địa phương chưa kịp thời. Một số nơi thực hiện tiếp xúc, đối thoại còn mang tính hình thức; có địa phương người đứng đầu còn ngại, né tránh tiếp xúc đối thoại ở những nơi có vụ việc nổi cộm. Một số địa phương, cấp Hội chưa chủ động trong tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo Quyết định 218-QĐ/TW, chủ yếu thực hiện theo đề nghị của cấp ủy Đảng, chính quyền

theo chương trình của MTTQ Việt Nam cùng cấp; góp ý thường xuyên và góp ý đột xuất đối với cấp ủy Đảng, chính quyền còn hạn chế.

- Công tác giám sát của các cấp Hội mới chủ yếu thực hiện giám sát chuyên đề, ít giám sát việc giải quyết các vụ việc liên quan đến phụ nữ, trẻ em trong quá trình tố tụng; còn lúng túng trong việc thực hiện giám sát đối với tổ chức Đảng, đặc biệt đối với cán bộ, đảng viên, người đứng đầu. Càng xuống cấp dưới, công tác giám sát càng khó khăn; chưa có nhiều phát hiện sau giám sát, nhiều kiến nghị còn chung chung, không nêu rõ cơ quan có trách nhiệm giải quyết kiến nghị, do đó, chưa có cơ sở đánh giá, theo dõi kết quả thực hiện kiến nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; phần lớn chưa tổ chức đối thoại giữa chủ thể giám sát với đối tượng giám sát để làm rõ nội dung kiến nghị sau giám sát.

- Năng lực và nhận thức của cán bộ Hội về nhiệm vụ phản biện xã hội chưa đầy đủ, có địa phương còn xem là trách nhiệm của Ủy ban MTTQ Việt Nam, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước; chưa nắm chắc các chủ trương, chính sách, pháp luật; năng lực phản biện xã hội, phát hiện, lựa chọn vấn đề hạn chế; còn tư tưởng ngại va chạm, nể nang, thiếu mạnh dạn trong quá trình thực hiện phản biện xã hội.

- Một số tỉnh, thành Hội chưa thực sự quan tâm cho công tác cán bộ nữ. Việc rà soát, đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ nữ tại địa phương, đơn vị, đặc biệt là chuẩn bị cho đại hội Đảng bộ các cấp, bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND đã được TW Hội chỉ đạo từ sớm, song một số tỉnh, thành Hội cung cấp thông tin chậm, chưa đầy đủ, chưa chính xác. Mạng lưới lãnh đạo nữ Ủy viên Ban Chấp hành TW Hội chưa phát huy được đầy đủ vai trò của các ủy viên Ban chấp hành TW Hội tại cơ quan bộ, ngành.

- Công tác nghiên cứu mới chỉ tập trung ở cấp Trung ương và một số tỉnh/thành phố, chưa được thực hiện nhiều ở cấp địa phương. Việc nghiên cứu chuẩn bị cơ sở lý luận và thực tiễn để tham gia góp ý, phản biện xã hội trong xây dựng chính sách, pháp luật về nội dung liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em, bình đẳng giới và tổ chức Hội còn bị động, chưa kịp thời, thiếu tính dự báo nên kết quả đề xuất, góp ý, phản biện xã hội chưa đáp ứng yêu cầu; Nghiên cứu ứng dụng chưa được đầu tư đúng mức để cung cấp căn cứ cho công tác chỉ đạo phong trào.

- Nguồn kinh phí cho công tác tuyên truyền còn hạn hẹp, một số nơi không có kinh phí bố trí cho hoạt động; Tài liệu tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật còn hạn chế; trình độ, kỹ năng của cán bộ Hội và lực lượng tuyên truyền viên về chính sách, luật pháp ở nhiều nơi còn hạn chế.

II. NỘI DUNG CHÍNH CỦA CHUYÊN ĐỀ NHIỆM KỲ 2022 - 2027

1. Cơ sở chính trị, pháp lý liên quan đến việc thực hiện các chỉ tiêu và nội dung nhiệm vụ

- Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị “Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”;

- Chỉ thị 21-CT/TW ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư “Về tiếp tục đẩy mạnh

công tác phụ nữ trong tình hình mới” tiếp tục xác định vai trò nòng cốt của tổ chức Hội trong công tác phụ nữ;

- Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị ban hành *“Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội”*;

- Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị ban hành *“Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền”*;

- Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 3/10/2017 Ban hành hướng dẫn khung đề tài các cấp ủy, tổ chức Đảng trực thuộc trung ương tiếp tục phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, tự diễn biến, tự chuyển hóa trong nội bộ;

- Quy định số 124-QĐ/TW về giám sát Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên;

- Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

- Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật Bình đẳng giới;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Luật Mặt trận Tổ quốc và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Nghị định số 56/2012/NĐ-CP ngày 16/7/2012 của Chính phủ quy định trách nhiệm của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước;

- Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 3/3/2021 của Chính phủ về Ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, trong đó, giao cho Hội LHPN Việt Nam chủ trì dự án 8 *“Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em”*;

- Quyết định số 1408/QĐ-ĐCT ngày 4/5/2018 của Đoàn Chủ tịch TW Hội ban hành Quy định về việc Hội LHPN Việt Nam tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng Chính quyền và phát huy vai trò của cán bộ, hội viên, phụ nữ trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ;

- Điều lệ Hội LHPN Việt Nam nhiệm kỳ 2022 – 2027 xác định một trong năm nhiệm vụ của tổ chức Hội là *“Tham mưu đề xuất, tham gia xây dựng, phản biện xã hội và giám sát việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp phụ nữ”* (Khoản 3 Điều 2).

2. Cách xác định chỉ tiêu

Chỉ tiêu: Hàng năm, Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp TW và cấp tỉnh chủ trì giám sát ít nhất 01 chính sách và phản biện xã hội ít nhất 01 dự thảo văn bản liên quan đến phụ nữ, trẻ em, gia đình, bình đẳng giới và tổ chức Hội; mỗi Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp huyện, cấp xã giám sát ít nhất 01 chính sách và góp ý ít nhất 01 dự thảo văn bản của cấp ủy, chính quyền.

Chỉ tiêu: Đến cuối nhiệm kỳ, Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp TW đề xuất thành công ít nhất 05 chính sách, đề án; Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp tỉnh đề xuất thành công ít nhất 01 chính sách, đề án liên quan đến phụ nữ.

Chỉ tiêu trong nhiệm vụ: 3.500 cán bộ nữ được bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và kỹ năng lồng ghép giới trong nhiệm kỳ.

a) Thống nhất khái niệm

a1) Chính sách

- Khái niệm: là định hướng, giải pháp của Nhà nước để giải quyết vấn đề của thực tiễn nhằm đạt được mục tiêu (Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016)

- Loại/hình thức chính sách do Hội chủ trì đề xuất, vận động theo chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII, gồm:

+ Chủ trương, quan điểm trong Chỉ thị, Nghị quyết của cấp ủy Đảng

+ Chính sách trong các văn bản quy phạm pháp luật (Ví dụ: quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung cấp Hội đề xuất; hoặc Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh có nội dung Hội đề xuất)

+ Cơ chế, chính sách trong chương trình, đề án liên quan đến phụ nữ (Ví dụ: Dự án 8 trong Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 – 2030)

a2) Đề án

- Đối với cấp Trung ương: là đề án Chính phủ và/hoặc chương trình, chiến lược quốc gia.

- Đối với cấp tỉnh, thành phố: là đề án độc lập cấp tỉnh trở lên, có thời gian thực hiện theo giai đoạn nhất định và/hoặc chiến lược được cơ quan có thẩm quyền của tỉnh phê duyệt. Lưu ý: không tính kế hoạch của tỉnh thực hiện đề án Chính phủ do cấp TW đề xuất hoặc kế hoạch hàng năm thực hiện các nhiệm vụ được giao (Ví dụ: Trong nhiệm kỳ 2017-2022, đa số các tỉnh đều báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu đề xuất chính sách là Kế hoạch thực hiện các đề án 938, 939 hằng năm hoặc giai đoạn. Như vậy, đến nhiệm kỳ XIII, kết quả này sẽ không được tính cho chỉ tiêu về đề xuất chính sách).

b) Cách xác định chỉ tiêu

* **Chỉ tiêu:** Hàng năm, Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp TW và cấp tỉnh chủ trì giám sát ít nhất 01 chính sách và phản biện xã hội ít nhất 01 dự thảo văn bản liên quan đến phụ nữ, trẻ em, gia đình, bình đẳng giới và tổ chức Hội; mỗi Hội Liên

hiệp Phụ nữ cấp huyện, cấp xã giám sát ít nhất 01 chính sách và góp ý ít nhất 01 dự thảo văn bản của cấp ủy, chính quyền.

- Là chỉ tiêu hàng năm đối với từng cấp Hội.

- *Cấp TW và cấp tỉnh chủ trì giám sát ít nhất 1 chính sách và chủ trì phản biện xã hội ít nhất 1 dự thảo văn bản:* đưa nội dung giám sát và nội dung phản biện xã hội mà Hội chủ trì thực hiện vào kế hoạch giám sát và phản biện xã hội của MTTQ cùng cấp; xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các hoạt động giám sát, phản biện xã hội; có báo cáo giám sát và văn bản phản biện xã hội gửi các cơ quan chức năng. Đối với hoạt động giám sát, nội dung giám sát của các cấp Hội có thể trùng nhau; đối với hoạt động phản biện xã hội, mỗi cấp Hội lựa chọn dự thảo văn bản của cơ quan nhà nước cùng cấp có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, trẻ em, gia đình, bình đẳng giới, tổ chức Hội.

- *Hội LHPN mỗi huyện và mỗi xã giám sát ít nhất 01 chính sách và góp ý ít nhất 01 dự thảo văn bản của cấp ủy, chính quyền* thông qua chủ trì; phối hợp với MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội; tham gia giám sát với HĐND cùng cấp...

* **Chỉ tiêu:** Đến cuối nhiệm kỳ, Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp TW đề xuất thành công ít nhất 05 chính sách, đề án; Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp tỉnh đề xuất thành công ít nhất 01 chính sách, đề án liên quan đến phụ nữ.

- Đề xuất thành công chính sách, đề án: chính sách, đề án được sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu phải được thể hiện ở văn bản quy phạm pháp luật của cấp có thẩm quyền hoặc văn bản chỉ đạo cụ thể của cấp có thẩm quyền. Không tính chính sách đang trong quá trình vận động, đề xuất.

- Đối với chỉ tiêu của cấp tỉnh, thành phố: là chỉ tiêu nhiệm kỳ và không tính chỉ tiêu hàng năm. Tuy nhiên, Hội LHPN tỉnh/thành phố cần có kế hoạch thời điểm nào trong nhiệm kỳ sẽ đề xuất thành công được chính sách, đề án để chủ động vận động ngay từ đầu nhiệm kỳ.

***Chỉ tiêu:** 3.500 cán bộ nữ được bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và kỹ năng lồng ghép giới trong nhiệm kỳ

- Là chỉ tiêu nhiệm kỳ của TW và các tỉnh/thành phố.

- Cán bộ nữ, gồm: cấp TW cán bộ nữ ở các bộ, ngành, cơ quan Trung ương; cấp tỉnh tổ chức tập huấn cho cán bộ nữ cấp tỉnh và cấp huyện; Tập trung vào đối tượng nữ bổ nhiệm lần đầu, nữ lần đầu tham gia đại biểu dân cử, cán bộ nữ trẻ, cán bộ nữ dân tộc thiểu số.

- Dự kiến phân bổ cụ thể:

+ TW Hội: 150 chi.

+ Dự kiến bồi dưỡng cho 50 chi/tỉnh; Riêng Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Thanh Hóa, Nghệ An: 100 chi/tỉnh hoặc thành phố.

3. Các điểm mới của nhiệm vụ và các điểm cần lưu ý

3.1. Nội dung nhiệm vụ

Nhiệm vụ “Tham gia xây dựng Đảng, hệ thống chính trị; chú trọng giám sát, phản biện xã hội; vận động thực hiện bình đẳng giới” gồm 4 mảng nội dung:

(1) *Tuyên truyền, vận động hội viên, phụ nữ thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước:* tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; các diễn đàn đối thoại chính sách, đối thoại với người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền để phụ nữ tham gia tích cực vào quá trình xây dựng và thực thi các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

(2) *Nâng cao chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội, đề xuất chính sách liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới,* trong đó, thường xuyên cập nhật quy định pháp luật, chính sách hiện hành, đồng thời, phát hiện vấn đề từ thực tiễn, các vấn đề thiết thân của phụ nữ; chú trọng phát huy vai trò đại diện của tổ chức Hội, của cán bộ Hội các cấp; thực hiện nhiệm vụ dựa trên bằng chứng và kết quả nghiên cứu khoa học; đẩy mạnh tính chủ động, thống nhất, phối hợp hành động để thực hiện tốt vai trò đại diện của tổ chức Hội trong chu trình xây dựng, thực thi, giám sát chính sách, pháp luật liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới.

(3) *Thực hành dân chủ cơ sở, thực hiện hiệu quả chức năng đại diện của tổ chức Hội:* Tổ chức các hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát huy quyền làm chủ; phối hợp hành động với MTTQ Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội phát huy sức mạnh của nhân dân, phụ nữ; Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, năng lực của đội ngũ cán bộ Hội trong tổ chức các hoạt động để phụ nữ thực hành dân chủ thực chất.

(4) *Vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới:* Tập trung nghiên cứu và dự báo chiến lược về các vấn đề bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ; thực hiện tốt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030; tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 11- NQ/TW và Chỉ thị số 21-CT/TW của Ban Bí thư (khóa XII) về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới; tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng cho đội ngũ nữ lãnh đạo, quản lý, trong đó, tập trung xây dựng và triển khai *chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và kỹ năng lồng ghép giới cho 3.500 cán bộ nữ.* Tập trung thực hiện có hiệu quả dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” và giám sát, đánh giá thực hiện bình đẳng giới trong Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn 1 từ 2021 - 2025.

3.2. Các điểm mới của nhiệm vụ

- Từ những hạn chế của nhiệm kỳ trước, nhiệm kỳ này đưa ra quan điểm, xác định nhiệm vụ tham gia xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, chủ động tham mưu, đề xuất hoàn thiện luật pháp, chính sách liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em, và bình đẳng giới, thực hiện tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội là *nhiệm vụ quan trọng của tổ chức Hội;* đồng thời, “Tham gia xây dựng Đảng, hệ thống chính trị; chú trọng giám sát, phản biện xã hội; vận động thực hiện bình

đẳng giới” được xác định là một nhiệm vụ trọng tâm độc lập. Trong khi đó, nhiệm kỳ trước, nhiệm vụ này chỉ là một trong các nội dung của nhiệm vụ trọng tâm 3 “Xây dựng tổ chức Hội vững mạnh; tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; thực hiện giám sát, phản biện xã hội; đẩy mạnh công tác đối ngoại nhân dân”.

- Chú trọng hơn vai trò đại diện của tổ chức Hội, làm rõ yêu cầu, trách nhiệm của từng cấp Hội thông qua xác định chỉ tiêu về giám sát, phản biện xã hội; thực hiện nhiệm vụ dựa trên bằng chứng và kết quả nghiên cứu khoa học; phát huy vai trò cán bộ Hội là đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp.

- Tập trung nhiều hơn cho các hoạt động vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới nhằm thực hiện mục tiêu của Chiến lược phát triển Hội LHPN Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2035, xác định: Hội có vai trò then chốt, góp phần để Việt Nam trở thành quốc gia có thể chế và hệ thống chính sách luật pháp tạo sự chuyển biến về giới.

- Quan tâm thực chất việc phát huy vai trò làm chủ của phụ nữ, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, xác định thực hành dân chủ là một trong những nội dung quan trọng của nhiệm vụ, trong khi nhiệm kỳ trước, thực hành dân chủ được xác định là giải pháp chung. Thực hành dân chủ ở cơ sở của phụ nữ chính là đảm bảo tiếng nói, sự tham gia của phụ nữ trong xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị. Đây cũng chính là bước cụ thể hóa cơ chế nhân dân làm chủ được Đại hội Đảng XIII xác định thông qua vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội: “*Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt để nhân dân làm chủ*”.

- Đối với công tác cán bộ nữ: xác định chỉ tiêu cụ thể số lượng cán bộ nữ được bồi dưỡng nâng cao năng lực, tập trung vào đối tượng nữ bổ nhiệm lần đầu, nữ lần đầu tham gia đại biểu dân cử, cán bộ nữ trẻ, cán bộ nữ dân tộc thiểu số. Bên cạnh đó, nhấn mạnh tầm quan trọng của Mạng lưới lãnh đạo nữ và sự cần thiết mở rộng mô hình này tới các tỉnh, thành.

4. Các giải pháp để thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội XIII

4.1. Tuyên truyền, vận động hội viên, phụ nữ thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước

a) Giải pháp cấp Trung ương

- Thực hiện tốt vai trò thành viên Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Trung ương. Chỉ đạo, triển khai thực hiện hiệu quả hoạt động hưởng ứng “Ngày Pháp luật Việt Nam” hằng năm.

- Chỉ đạo tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật 2022 trong hệ thống Hội.

- Chủ động tổ chức phổ biến các luật, nghị quyết mới được thông qua tại các kỳ họp Quốc hội, trong đó, tập trung phổ biến nội dung pháp luật về bình đẳng giới, phụ nữ, gia đình, trẻ em trên Cổng Thông tin điện tử của TW Hội.

- Biên soạn tài liệu tập huấn chuyên sâu về công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho cán bộ Hội các cấp.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật theo nhóm đối tượng và chủ đề được phụ nữ và xã hội quan tâm, phù hợp với từng cấp Hội, như: tổ chức các cuộc thi pháp luật, tư vấn pháp luật trực tuyến, tuyên truyền pháp luật trên mạng xã hội...

- Xây dựng mạng lưới và phát huy hiệu quả hoạt động của tuyên truyền viên pháp luật, cộng tác viên trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật của Hội.

- Hướng dẫn, tổ chức các chiến dịch truyền thông, kết hợp giữa truyền thông đại chúng với truyền thông dựa vào cộng đồng theo các chủ đề góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em dân tộc thiểu số; xây dựng chiến lược truyền thông thúc đẩy bình đẳng giới tại vùng đồng bào DTTS và miền núi.

- Xây dựng đường dây nóng tư vấn pháp luật, hỗ trợ cho phụ nữ, trẻ em về hôn nhân và gia đình; phòng, chống mua bán người; phòng, chống bạo lực gia đình; di cư lao động an toàn. Nâng chất lượng, tăng cường giới thiệu về hoạt động của mô hình “Ngôi nhà Bình yên”, Văn phòng dịch vụ một điểm đến hỗ trợ phụ nữ di cư hồi hương tại cộng đồng.

- Thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, tư vấn pháp luật trong quá trình tiếp dân và giải quyết đơn thư.

b) Giải pháp cấp địa phương

- Thực hiện tốt vai trò thành viên Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh/thành phố; bám sát Kế hoạch Trung ương đề ra để xây dựng Kế hoạch và triển khai hoạt động hưởng ứng “Ngày Pháp luật Việt Nam” hằng năm phù hợp với đặc thù địa phương.

- Tích cực vận động hội viên, phụ nữ và Nhân dân tự giác tìm hiểu, tuân thủ pháp luật; tích cực tham gia ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật.

- Chủ động nghiên cứu, xây dựng tài liệu tuyên truyền pháp luật tới hội viên, phụ nữ như: biên soạn nội dung tuyên truyền một số điểm mới của các văn bản quy phạm pháp luật được thông qua; xây dựng chuyên mục Hỏi - Đáp pháp luật trên trang thông tin điện tử của Hội LHPN tỉnh; Tổ chức các cuộc thi Tìm hiểu pháp luật phù hợp với điều kiện thực tiễn.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và tư vấn lưu động ở cơ sở về các lĩnh vực liên quan đến phụ nữ, trẻ em, gia đình và bình đẳng giới.

- Tăng cường công tác phối hợp với các ban, ngành để triển khai các hoạt động tuyên truyền phù hợp với đặc thù địa phương; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong giải quyết khiếu nại, tố cáo bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, Hội luật gia, các văn phòng luật sư, công ty luật.

- Thiết lập mạng lưới và kết nối giữa các Trung tâm/phòng tư vấn pháp luật của Hội LHPN các tỉnh/thành phố hoặc với các Trung tâm tư vấn pháp luật của các tổ chức chính trị- xã hội khác nhằm trao đổi kinh nghiệm, hỗ trợ nâng cao năng lực thực hiện tư vấn pháp luật, giải quyết khiếu nại tố cáo của Hội.

- Xây dựng các mô hình truyền thông dựa vào cộng đồng (tổ/nhóm truyền thông cộng đồng) tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng.

4.2. Nâng cao chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội

a) Giải pháp cấp Trung ương

- Xây dựng đội ngũ chuyên gia của Hội về công tác phụ nữ và bình đẳng giới; phát huy đội ngũ chuyên gia của các ngành trong quá trình tham gia giám sát và phản biện xã hội. Tăng cường phối hợp với Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, các cơ quan, viện nghiên cứu trong công tác nghiên cứu và dự báo chiến lược về bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ.

- Thường xuyên tổ chức quán triệt, nghiên cứu, cụ thể hóa trong hệ thống Hội các văn bản về giám sát, phản biện xã hội; xây dựng tài liệu, tổ chức các khóa tập huấn, hội thảo nâng cao năng lực, chia sẻ kinh nghiệm cho đội ngũ cán bộ Hội làm công tác giám sát, phản biện xã hội.

- Tăng cường hợp tác nghiên cứu để làm cơ sở cho thực hiện công tác Hội, chỉ đạo phong trào phụ nữ, làm tốt công tác chính sách - luật pháp. Chủ động rà soát chính sách, quy định hiện hành và nghiên cứu thực tiễn các vấn đề của tổ chức Hội, phụ nữ, trẻ em gái, bình đẳng giới và gia đình trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập, làm cơ sở đề xuất chính sách cho các nhóm phụ nữ đặc thù như phụ nữ di cư, phụ nữ dân tộc thiểu số, phụ nữ cao tuổi, lao động nữ trong các khu công nghiệp, khu chế xuất.

- Lựa chọn đa dạng các hình thức giám sát, phản biện xã hội; phát huy tính công khai, minh bạch, đặc biệt là nắm bắt dư luận, tập hợp được ý kiến, kiến nghị của hội viên, nhân dân trong hoạt động giám sát, phản biện xã hội.

- Chú trọng tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông của Hội trong suốt quá trình giám sát, phản biện xã hội.

- Xây dựng và vận hành hệ thống giám sát và đánh giá “chuyên đề” về thực hiện các chỉ tiêu và hoạt động của Chương trình MTQG DTTS và miền núi có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến bình đẳng giới tại vùng DTTS và miền núi; xây dựng hệ thống thông tin giám sát về bình đẳng giới trên nền tảng số để thu thập thông tin và tăng cường tự động trong việc tổng hợp thông tin, chiết xuất dữ liệu phục vụ báo cáo thực hiện bình đẳng giới trong Chương trình MTQG DTTS và miền núi và các báo cáo khác khi có yêu cầu.

b) Giải pháp cấp địa phương

- Chủ động lựa chọn, đề xuất nội dung, hình thức giám sát, nội dung phản biện xã hội phù hợp với chức năng của tổ chức Hội, quy định của pháp luật, nguồn lực của địa phương.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ Hội có chuyên môn, nắm vững, hiểu rõ và thực hiện đúng quy trình giám sát, phản biện xã hội; đồng thời có kiến thức, hiểu biết sâu, rộng về lĩnh vực giám sát, phản biện xã hội và có bản lĩnh đề lên tiếng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ và trẻ em.

- Phối hợp chặt chẽ với cấp uỷ, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, chính quyền, các cơ quan nhà nước, các tổ chức thực hiện giám sát, phản biện xã hội khác tại địa phương.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong giám sát, phản biện xã hội thu hút, tập hợp được ý kiến, quan điểm của hội viên, phụ nữ, tạo sự đồng thuận trong xã hội.

- Đối với các tỉnh, thành vùng đồng bào DTTS và miền núi: thực hiện giám sát, đánh giá về thực hiện bình đẳng giới trong Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi, giám sát việc thực thi các chính sách hỗ trợ phụ nữ, trẻ em đồng bào DTTS tại địa phương.

4.3. Nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu đề xuất chính sách liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới

a) Giải pháp cấp Trung ương

- Tăng cường vai trò của cấp trung ương trong định hướng chiến lược về nghiên cứu, đề xuất chính sách; chủ động làm việc, cung cấp thông tin, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền để đưa vấn đề liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới, quyền và trách nhiệm của tổ chức Hội trong quá trình xây dựng luật pháp, chính sách. Phát huy vai trò cán bộ Hội là đại biểu Quốc hội tham gia đề xuất chính sách.

- Chủ động rà soát chính sách hiện hành liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới làm cơ sở đề xuất chính sách; tham gia sơ kết, tổng kết các nghị quyết và văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới. Phát huy vai trò đại diện của lãnh đạo Hội trong việc tham gia tích cực, trách nhiệm trong các Ban chỉ đạo về tổng kết các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật, các chương trình mục tiêu, chiến lược quốc gia...

- Xây dựng Chiến lược nghiên cứu về phụ nữ và bình đẳng giới của Hội LHPN Việt Nam. Tăng cường nghiên cứu các vấn đề liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới phát sinh trong thực tiễn, tập trung vào những vấn đề an sinh xã hội cho các nhóm phụ nữ đặc thù, các vấn đề phụ nữ và gia đình trong bối cảnh hội nhập và dịch bệnh COVID-19, vấn đề lao động, việc làm của phụ nữ...; Ứng dụng kết quả đề tài khoa học cấp quốc gia “*Cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm đề xuất chính sách cho các nhóm phụ nữ đặc thù*” trong đề xuất chính sách.

- Kết nối với các đơn vị nghiên cứu trong và ngoài Hội, giữa các cấp Hội; cập nhật và chia sẻ kết quả nghiên cứu trong nước và quốc tế về phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới để phục vụ cho công tác đề xuất chính sách. Phối hợp xây dựng và cung cấp nguồn dữ liệu về phụ nữ và bình đẳng giới. Tăng cường tham vấn ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học trong các lĩnh vực liên quan đến phụ

nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới.

- Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu, đề xuất chính sách cho cán bộ Hội các cấp.

- Tổ chức các hội thảo khoa học, tọa đàm/sinh hoạt khoa học, diễn đàn phụ nữ với khoa học và công nghệ; Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam hằng năm (18/5).

- Tập trung các nguồn lực từ ngân sách cũng như tăng cường khai thác các nguồn lực kinh phí, kỹ thuật từ các tổ chức trong và ngoài nước để thực hiện nhiệm vụ đề xuất chính sách.

- Xây dựng Sổ tay hướng dẫn tổ chức đối thoại chính sách ở cấp cơ sở tại vùng đồng bào DTTS và miền núi và tổ chức hướng dẫn các tỉnh, thành triển khai thực hiện.

b) Giải pháp cấp địa phương

- Chủ động tổ chức Hội thảo khoa học, thực hiện khảo sát, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới phát sinh trong thực tiễn làm căn cứ đề xuất chính sách.

- Chủ động rà soát các chính sách hiện hành của địa phương liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới. Cấp huyện và cơ sở trực tiếp thu thập thông tin, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng chính đáng của hội viên, phụ nữ, tổng hợp báo cáo cho Hội LHPN cấp trên.

- Chủ động làm việc, cung cấp thông tin, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương để đưa vấn đề liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới vào quá trình xây dựng chính sách; Phát huy vai trò cán bộ Hội là đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tham gia đề xuất chính sách.

- Khuyến khích cán bộ, hội viên phụ nữ phát hiện, phản ánh các vấn đề bất cập trong quá trình thực hiện các chương trình, dự án, chính sách tại cơ quan, đơn vị, địa bàn dân cư.

- Vận động và hướng dẫn hội viên phụ nữ tham gia các hoạt động cộng đồng: các cuộc họp dân, tiếp xúc cử tri của đại biểu dân cử tại địa bàn, đóng góp ý kiến xây dựng hệ thống chính trị.

4.4. Thực hành dân chủ cơ sở, thực hiện hiệu quả chức năng đại diện của tổ chức Hội

a) Giải pháp cấp Trung ương

- Định hướng, hướng dẫn các cấp Hội tham gia có trách nhiệm các hoạt động đối thoại, giám sát, phản biện xã hội, góp ý kiến xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị; hướng dẫn triển khai thực hiện trong hệ thống Hội về công tác giám sát cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ; đa dạng hóa các hình thức, kênh tiếp thu và phản ánh ý kiến nguyện vọng, kiến nghị của phụ nữ, của nhân dân.

- Tham gia vào quá trình hoàn thiện luật pháp, chính sách về dân chủ cơ sở: tham gia Ban Soạn thảo, Tổ biên tập Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở, tập trung kiến nghị, đề xuất các vấn đề liên quan đến phát huy quyền làm chủ của phụ nữ và vai trò trách nhiệm của tổ chức Hội.

- Hướng dẫn các cấp Hội trong quá trình tổ chức các hoạt động hỗ trợ phụ nữ thực hành dân chủ cơ sở; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

- Phát huy vai trò của đại diện lãnh đạo Hội trong tham gia Ban chỉ đạo Trung ương về công tác dân chủ.

b) Giải pháp cấp địa phương

- Chủ trì tổ chức việc góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; phối hợp với cơ quan của cấp ủy địa phương tổ chức đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy địa phương với nhân dân mỗi năm một lần.

- Tổ chức các hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát huy quyền làm chủ, thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Vận động phụ nữ chủ động tham gia hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương.

- Vận động hội viên, phụ nữ tham gia có trách nhiệm các hoạt động đối thoại, giám sát, phản biện xã hội, góp ý kiến xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, góp ý cho cán bộ, đảng viên tại địa phương.

- Tuyên truyền chính sách, pháp luật về dân chủ cơ sở để phụ nữ hiểu và thực hiện tốt vai trò, quyền và nghĩa vụ công dân.

- Phát huy vai trò của Hội LHPN cấp xã trong việc giám sát, phản biện xã hội và góp ý, phối hợp tổ chức đối thoại với chính quyền địa phương theo Quyết định số 217-QĐ/TW, Quyết định số 218-QĐ/TW.

- Xây dựng và đa dạng hóa các hình thức, kênh tiếp thu và phản ánh ý kiến nguyện vọng, kiến nghị của phụ nữ; mở các diễn đàn, đối thoại để hội viên, phụ nữ thảo luận, trình bày nguyện vọng, nêu kiến nghị với cấp ủy, chính quyền các cấp, với tổ chức Hội. Các cấp Hội định kỳ tập hợp, phản ánh ý kiến, đề xuất, nguyện vọng của hội viên, phụ nữ tới cấp có thẩm quyền để kịp thời giải quyết.

- Tổ chức lấy ý kiến các nhóm phụ nữ trong quá trình đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở cấp trung ương và địa phương.

- Vận động phụ nữ tích cực tham gia ý kiến, giám sát, kiểm tra việc thực hiện dân chủ ở cơ sở; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

4.5. Vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới

a) Giải pháp cấp Trung ương

- Thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 1136/KH-ĐCT ngày 25/10/2021 của Đoàn Chủ tịch TW Hội LHPN Việt Nam về thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030, tập trung nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về bình

đẳng giới. Hằng năm, hướng dẫn và triển khai các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động quốc gia vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

- Tổng kết 15 năm thi hành Luật Bình đẳng giới, làm cơ sở để thực hiện phản biện xã hội và góp ý xây dựng, đề xuất bổ sung, sửa đổi Luật.

- Tổng kết CTPH với Bộ Lao động Thương binh-Xã hội giai đoạn 2019-2022 và xây dựng CTPH giai đoạn 2022-2027 tạo cơ chế phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý nhà nước trong chỉ đạo và thực hiện các hoạt động về bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới.

- Xây dựng, đề xuất các giải pháp thúc đẩy hiệu quả thực hiện công tác cán bộ nữ; Chủ động làm việc với tỉnh, thành ủy về công tác cán bộ nữ. Vận động nguồn lực hỗ trợ một số tỉnh, thành tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ nữ.

- Xây dựng và thu thập nguồn thông tin, dữ liệu về phụ nữ và bình đẳng giới, thông tin từ cơ sở để làm tốt công tác phản biện xã hội, lồng ghép giới trong các văn bản chính sách, pháp luật. Theo dõi, cập nhật số liệu nữ cấp ủy, Quốc hội, HĐND các cấp; danh sách trích ngang nữ lãnh đạo, quản lý chủ chốt cấp TW và cấp tỉnh để đề xuất cán bộ nữ vào quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và giới thiệu nguồn vào các vị trí lãnh đạo, quản lý.

- Giới thiệu nguồn nữ ứng cử viên đại biểu Quốc hội khóa XVI; tập huấn kỹ năng vận động ứng cử cho nữ ứng cử viên đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND các cấp.

- Tổ chức tập huấn cho cán bộ nữ được bổ nhiệm lần đầu, nữ lần đầu tham gia đại biểu dân cử, cán bộ nữ trẻ.

- Ra mắt Mạng lưới lãnh đạo nữ nhiệm kỳ 2022 - 2027 và hỗ trợ duy trì hoạt động của mạng lưới, hỗ trợ nhân rộng mô hình này tới một số tỉnh, thành.

- Chú trọng các hoạt động xây dựng năng lực vận động, thực hiện bình đẳng giới cho các tỉnh, thành thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi: Xây dựng đội ngũ giảng viên nguồn cấp tỉnh để thực hiện các chương trình phát triển năng lực thực hiện lồng ghép giới tại các địa phương; tập huấn hướng dẫn thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, đại biểu dân cử các cấp.

b) Giải pháp của địa phương

- Nâng cao kiến thức, kỹ năng lồng ghép giới cho đội ngũ cán bộ Hội LHPN các cấp tại địa phương.

- Nâng cao chất lượng phản biện xã hội và lồng ghép giới của Hội LHPN các cấp đối với các chính sách, dự án, chương trình phát triển tại địa phương.

- Tăng cường cung cấp các dịch vụ hỗ trợ về bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới.

- Tăng cường khai thác các nguồn lực thực hiện các hoạt động về bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới.

- Tham mưu cho cấp ủy tổ chức các hội thảo, hội nghị bàn về các giải pháp

tăng tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý, nữ cấp ủy, nữ đại biểu dân cử.

- Theo dõi, cập nhật số liệu cán bộ nữ cấp ủy, HĐND các cấp địa phương để đề xuất cán bộ nữ vào quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và giới thiệu nguồn vào các vị trí lãnh đạo, quản lý.

- Giới thiệu nguồn nữ ứng cử viên đại biểu HĐND các cấp; tập huấn kỹ năng vận động ứng cử cho nữ ứng cử viên đại biểu HĐND các cấp;

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức các hội thảo, tập huấn nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý, kỹ năng lồng ghép giới cho cán bộ nữ được bổ nhiệm lần đầu, nữ lần đầu tham gia đại biểu dân cử, cán bộ nữ trẻ tại địa phương.

- Thành lập mạng lưới/CLB nữ lãnh đạo, quản lý, nữ đại biểu dân cử nhằm chia sẻ kinh nghiệm, phát huy vai trò tiên phong, truyền cảm hứng của đội ngũ cán bộ nữ.

- Đối với các tỉnh, thành vùng đồng bào DTTS và miền núi, chú trọng các hoạt động: Tập huấn cho cán bộ nữ chủ chốt người DTTS trong quy hoạch vào các vị trí lãnh đạo trong hệ thống chính trị ở cấp huyện, cấp xã về kỹ năng, kinh nghiệm vận động ứng cử vào các cơ quan dân cử; Tập huấn hướng dẫn thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, đại biểu dân cử cấp huyện, xã và già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo, người có uy tín trong cộng đồng./.

NHIỆM VỤ 3

**XÂY DỰNG TỔ CHỨC HỘI VỮNG MẠNH, HOẠT ĐỘNG
CHUYÊN NGHIỆP, HIỆU QUẢ, HỘI NHẬP QUỐC TẾ**

Chuyên đề 6

XÂY DỰNG TỔ CHỨC HỘI VỮNG MẠNH, HOẠT ĐỘNG CHUYÊN NGHIỆP, HIỆU QUẢ

A. MỤC TIÊU BÀI GIẢNG

- Cán bộ Hội các cấp nắm và hiểu rõ những nội dung cơ bản của nhiệm vụ, các giải pháp thực hiện, khâu đột phá, 02 chỉ tiêu (chỉ tiêu 5 và 6); nắm rõ những điểm mới của nhiệm vụ 3;

- Liên hệ và vận dụng sáng tạo, sát tình hình thực tiễn, tạo chuyển biến, đổi mới mạnh mẽ trong công tác chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ, xây dựng công tác tổ chức Hội vững mạnh;

- Các tỉnh/thành Hội, đơn vị trực thuộc cụ thể hóa các nội dung của nhiệm vụ xây dựng tổ chức Hội vững mạnh, hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả; bổ sung, hoàn thiện chương trình hành động toàn khóa phù hợp với thực tiễn, có tính khả thi cao.

B. NỘI DUNG CHUYÊN ĐỀ

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRONG NHIỆM KỲ 2017-2022

1. Những kết quả nổi bật

- Trong nhiệm kỳ, với những nỗ lực của các cấp Hội, số hội viên phát triển mới tăng cao: tăng 2.182.324 hội viên, vượt gần 2,2 lần so với chỉ tiêu, tỷ lệ hội viên đạt 75,42%; số cơ sở Hội có tỷ lệ tập hợp dưới 50% giảm mạnh: giảm 99,2% số cơ sở (từ 1.037 cơ sở xuống còn 08 cơ sở). Tiêu biểu một số tỉnh như Đồng Nai, Bạc Liêu và thành phố Đà Nẵng đã tăng tỷ lệ hội viên khá cao so với đầu nhiệm kỳ.

- Về tổ chức bộ máy, thực hiện Nghị quyết 18 và 19 - NQ/TW ngày 25/10/2017, Quy định số 212 - QĐ/TW ngày 30/12/2019, trong nhiệm kỳ, hầu hết các cấp Hội đã thực hiện thu gọn, giảm đầu mối: cấp Trung ương giảm 13 phòng; cấp tỉnh giảm từ 367 xuống còn 232, cấp huyện giảm từ 713 xuống còn 705; cấp cơ sở giảm từ 11.162 xuống còn 10.603 đơn vị hành chính. Một số địa phương thực hiện thí điểm mô hình cơ quan tham mưu giúp việc chung khối MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội. Đơn cử: nhiệm kỳ XII, tỉnh Hà Tĩnh là một trong những tỉnh đầu tiên thực hiện sắp xếp tinh gọn bộ máy theo tinh thần Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ công chức viên chức; trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội các cấp từ nhiều năm nay luôn được chú trọng theo chuẩn chức danh, vị trí việc làm. Tỉnh Bạc Liêu trong nhiệm kỳ XII đã có nhiều biện pháp tích cực lồng ghép hoạt động, hỗ trợ và động viên nhằm phát huy vai trò của đội ngũ chi hội trưởng tích cực tham gia công tác Hội tại cơ sở...

- Ban Chấp hành ban hành Nghị quyết “Chiến lược phát triển Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2035”, là chìa khóa quan trọng định

hướng triển khai nhiệm vụ công tác tổ chức trong thời gian tới.

- Lần đầu tiên thống nhất áp dụng Bộ tiêu chí đánh giá thi đua đối với các tỉnh/thành Hội.

- Công tác cán bộ được quan tâm: 2.700 cán bộ Hội ở cấp tỉnh, huyện, cơ sở được luân chuyển; 2.429 cán bộ nữ các cấp, cán bộ nữ trẻ được phân công làm công tác Hội. Tiêu biểu, tỉnh Hà Tĩnh đội ngũ cán bộ Hội được quan tâm sắp xếp luân chuyển để thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và phát triển, trong nhiệm kỳ 2016 - 2021 có 65 đồng chí cán bộ Hội các cấp đã trưởng thành được luân chuyển, bổ nhiệm giữ các chức vụ cao hơn. Giới thiệu, kết nạp 2.134 đảng viên nữ.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng được đẩy mạnh và tiếp tục phát huy hiệu quả: tiếp tục được Chính phủ phê duyệt Đề án bồi dưỡng cán bộ Hội LHPN các cấp và chi hội trưởng giai đoạn 2019 - 2025 góp phần quan trọng nâng cao năng lực cán bộ Hội.

- Công tác kiểm tra thực hiện Điều lệ Hội và Nghị quyết Đại hội phụ nữ các cấp được triển khai nghiêm túc; tăng cường kiểm tra chuyên đề, đặc biệt chuyên đề về quản lý tài chính. Qua đó kịp thời chấn chỉnh và ban hành những chủ trương chỉ đạo sát thực tiễn.

2. Vấn đề đặt ra

- Một bộ phận cán bộ chưa bắt kịp với sự phát triển của xã hội, chậm thích ứng với những thay đổi về tổ chức bộ máy; năng lực phát hiện vấn đề, kỹ năng công tác Hội còn hạn chế; công tác nghiên cứu chưa nhận diện đầy đủ những vấn đề của phụ nữ và công tác phụ nữ.

- Công tác Hội cơ sở tại các địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo còn gặp nhiều khó khăn do đặc thù địa lý.

- Tỷ lệ tập hợp, thu hút hội viên ở một số khu vực còn thấp. Chưa tận dụng, phát huy được hết vai trò, thế mạnh của lực lượng hội viên nòng cốt là cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, nữ thanh niên trong công tác Hội. Chưa phát huy tiềm năng, sức sáng tạo của lực lượng phụ nữ có tầm ảnh hưởng, phụ nữ hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.

- Đảng, Nhà nước tiếp tục quan tâm đến tổ chức bộ máy, cán bộ trong hệ thống chính trị, trong đó có MTTQ và các đoàn thể như: tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; xây dựng, hoàn thiện chính sách phát hiện, thu hút, sử dụng nhân tài; có cơ chế bảo vệ những cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung...

- Sự phát triển của CNTT và xã hội số sẽ tác động tích cực đến công tác tập hợp phụ nữ, phát triển hội viên và kết nối các tổ chức có chung mục đích hoạt động.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XIII;

2. Kết luận số 64 - KL/TW ngày 28/5/2013 về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở;

3. Nghị quyết số 18 - NQ/TW ngày 25/10/2017 một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

4. Nghị quyết số 19 - NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

5. Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ;

6. Nghị quyết số 37 - NQ/TW ngày 24/12/2018 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã;

7. Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

8. Quy định số 212 - QĐ/TW ngày 30/12/2019 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan chuyên trách của Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện;

9. Điều lệ Hội và Hướng dẫn thi hành Điều lệ Hội LHPN Việt Nam khóa XIII;

10. Nghị quyết “Chiến lược phát triển Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2035.

III. CHỈ TIÊU VÀ KHẤU ĐỘT PHÁ

1. Chỉ tiêu 5: Đến cuối nhiệm kỳ, tăng thêm 800.000 hội viên; phân đầu 100% cơ sở Hội tập hợp được trên 60% phụ nữ có mặt tại địa bàn.

+ Cách xác định chỉ tiêu tăng thêm 800.000 hội viên

Các tỉnh, thành đăng ký số lượng hội viên tăng thêm từng năm trên cơ sở phân bổ chỉ tiêu từ TW; cuối năm đối chiếu đánh giá kết quả, làm căn cứ để chấm điểm thi đua hàng năm. Ban Tổ chức phối hợp với Văn phòng để thống nhất chỉ tiêu đăng ký hàng năm của tỉnh làm căn cứ đánh giá kết quả hoạt động.

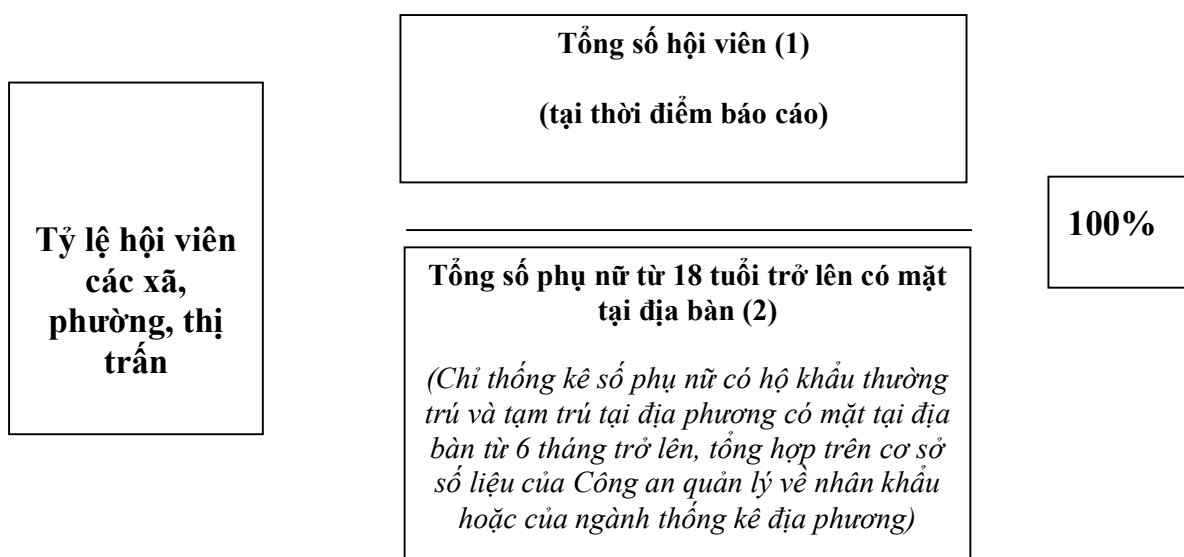
Lưu ý: xác định chỉ tiêu phát triển hội viên hàng năm cho Hội LHPN các tỉnh, thành là số phụ nữ từ 18 tuổi trở lên chưa tham gia tổ chức Hội tại các xã, phường, thị trấn (không áp dụng đối với cơ sở đặc thù, trong lực lượng vũ trang).

Số liệu hội viên tăng trong nhiệm kỳ được tính bằng số hội viên tăng mới trên địa bàn dân cư trừ đi số hội viên (trên địa bàn dân cư) ra khỏi tổ chức Hội, số hội viên mất, chuyển hộ khẩu đi nơi khác; không tính hội viên đoàn viên công đoàn, hội viên của tổ chức thành viên, hội viên trong lực lượng vũ trang. Ngoài ra, để đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu hàng năm và cuối nhiệm kỳ, các cơ sở Hội được phép thống kê cả những hội viên đang tham gia sinh hoạt tại các câu lạc bộ/tổ/nhóm... do Hội cấp trên thành lập nhưng không sinh hoạt với Hội PN cấp cơ sở.

+ Về chỉ tiêu phấn đấu 100% cơ sở Hội tập hợp được 60% phụ nữ có mặt tại địa bàn tham gia tổ chức Hội:

Phụ nữ có mặt tại địa bàn: là phụ nữ có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú có mặt tại xã/phường/thị trấn từ 6 tháng trở lên. Chỉ tiêu này chỉ áp dụng với cơ sở Hội theo địa bàn hành chính (Hội LHPN các xã, phường, thị trấn) và không áp dụng cho các tổ chức Hội cơ sở đặc thù, trong lực lượng vũ trang.

Công thức tính tỷ lệ hội viên các xã, phường, thị trấn cụ thể như sau:



Trong đó:

(1) Là tất cả hội viên cư trú (thường trú và tạm trú từ 6 tháng trở lên) tại xã, phường, thị trấn sau khi đã trừ hội viên ra khỏi tổ chức Hội, hội viên mất, hội viên đã chuyển hộ khẩu thường trú. Cụ thể, gồm:

+ Hội viên các chi, tổ Hội theo địa bàn dân cư thuộc địa giới hành chính xã, phường, thị trấn;

+ Hội viên trong các CLB/tổ, nhóm...do Hội LHPN các cấp thành lập nhưng không sinh hoạt theo các chi/tổ theo địa bàn dân cư;

+ Hội viên đang sinh hoạt trong các tổ chức Hội cơ sở đặc thù (chợ, siêu thị, cơ sở tôn giáo...) tại địa bàn xã/phường/hành chính;

+ Hội viên là đoàn viên công đoàn; hội viên trong lực lượng vũ trang; hội viên trong các tổ chức thành viên.

(2) Đối với số liệu về phụ nữ từ 18 tuổi trở lên có mặt tại địa bàn:

+ Thống kê theo số liệu của công an nhân khẩu hay của ngành thống kê do Hội LHPN tính, thành quyết định nhưng phải thống nhất một nguồn trong tất cả các cấp Hội thuộc phạm vi tỉnh, thành.

Lưu ý chỉ thống kê số phụ nữ từ 18 tuổi trở lên có hộ khẩu thường trú và tạm trú tại địa phương 6 tháng trở lên; không lấy số liệu phụ nữ từ 18 tuổi trở lên có mặt tại địa bàn do các cấp Hội địa phương tự thống kê sau khi đã trừ số phụ nữ đi

làm ăn xa từ 6 tháng trở lên và học sinh, sinh viên.

+ Nếu lấy số liệu của công an theo dõi nhân khẩu, đề nghị Chủ tịch Hội LHPN các xã, phường, thị trấn báo cáo cấp ủy, đề xuất chính quyền tạo điều kiện phối hợp với công an theo dõi nhân khẩu trên địa bàn để tách số liệu phụ nữ từ 18 tuổi trở lên có hộ khẩu thường trú và tạm trú tại địa phương 6 tháng trở lên.

+ Nếu lấy số liệu của ngành thống kê, các địa phương được phép sử dụng số liệu thống kê công bố định kỳ (khi phục vụ công tác bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân) cho đến khi có số liệu thống kê mới.

+ Hội thống kê thêm số liệu phụ nữ đi làm ăn xa (số phụ nữ đi làm ăn xa không có mặt tại địa bàn).

Cách tính tỷ lệ hội viên đối với Hội LHPN cấp huyện và cấp tỉnh:

Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc XIII không đề ra chỉ tiêu về tỷ lệ tập hợp hội viên ở cấp huyện và tỉnh. Đối với những tỉnh/huyện có chỉ tiêu này theo Nghị quyết của Hội PN cấp tỉnh/huyện Hội LHPN các tỉnh, thành phố nghiên cứu vận dụng công thức trên để tính tỷ lệ cho phù hợp với điều kiện thực tế và đặt trong mối tương quan với các đoàn thể chính trị xã hội khác tại địa phương.

2. Chỉ tiêu 6: Đến cuối nhiệm kỳ, 100% cán bộ Hội chuyên trách các cấp sử dụng thành thạo các phần mềm cơ bản trong công tác Hội; 100% chi hội trưởng được tập huấn nghiệp vụ công tác Hội.

Cách xác định chỉ tiêu: Hội LHPN các tỉnh, thành đăng ký chỉ tiêu số lượng cán bộ Hội chuyên trách các cấp được tập huấn về sử dụng các phần mềm cơ bản trong công tác Hội (phần mềm báo cáo thống kê, phần mềm thi đua khen thưởng, quản lý cán bộ hội viên...), số lượng chi hội trưởng được tập huấn nghiệp vụ công tác Hội **theo khung chương trình do TW Hội ban hành**, cuối năm đối chiếu đánh giá kết quả, làm căn cứ để chấm điểm thi đua hàng năm (tính theo số lượng cán bộ/chi hội trưởng, không tính theo số lượt người tham gia nhiều lượt).

3. Khâu đột phá: Tập trung xây dựng cơ sở Hội vững mạnh

Việc triển khai khâu đột phá: Ban Chấp hành TW Hội sẽ ban hành Chương trình hành động khâu đột phá của nhiệm kỳ tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ Hội chuyên nghiệp, đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; đa dạng các hình thức tập hợp phụ nữ, phát triển hội viên và nâng cao hiệu quả công tác quản lý hội viên ở cơ sở. Các nhiệm vụ và giải pháp được đưa ra cụ thể cho từng cấp Hội.

4. Thống nhất cách hiểu

- **Cán bộ Hội chuyên nghiệp:** giỏi một việc việc, biết nhiều việc; chuyên tâm, tận lực, làm việc có khoa học, có tác phong công nghiệp, chủ động, có tinh thần hợp tác, có ý thức tổ chức kỷ luật cao. Đặc biệt là phải có kỹ năng vận động quần chúng.

- **Tổ chức Hội vững mạnh:** bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; cán bộ chuyên nghiệp; phát triển mạng lưới, tổ chức thành viên, tập hợp phụ nữ, thu hút hội viên; chất lượng hoạt động Hội đáp ứng sự hài lòng, tin tưởng của phụ

nữ và văn hóa tổ chức.

III. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA NHIỆM VỤ

1.1 Về phát triển mạng lưới, thu hút hội viên, thành viên

- **Đổi mới nội dung, phương thức** hoạt động Hội theo phương châm “ở đâu có phụ nữ, ở đó có hoạt động Hội”, tạo môi trường để phụ nữ phát triển bản thân, đóng góp cho cộng đồng, tham gia tổ chức Hội.

- **Nâng cao** chất lượng các hoạt động phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, các bộ/ngành nhằm phát huy vai trò nòng cốt của hội viên là nữ cán bộ, công chức, viên chức, công nhân lao động và vai trò xung kích của nữ thanh niên.

- **Cán bộ Hội chuyên trách các cấp thực hiện “3 cùng” với chi Hội:** “cùng nghe phụ nữ nói, cùng nói cho phụ nữ hiểu, cùng làm cho phụ nữ theo”.

- **Yêu cầu đưa ra các hoạt động phù hợp tập trung vào các nhóm:** nữ thanh niên, phụ nữ cao tuổi, phụ nữ đi làm ăn xa, phụ nữ khu vực kinh tế phi chính thức, phụ nữ khu vực đô thị, khu chung cư, phụ nữ tiểu thương, nữ trí thức, nữ doanh nhân phụ nữ dân tộc thiểu số, phụ nữ theo tôn giáo trong đó chú trọng đến 4 tôn giáo lớn: Công giáo, Phật giáo, Tin lành, Cao đài.

- **Khuyến khích** mở rộng các mô hình phù hợp với tình hình thực tế, nhu cầu, sở thích chính đáng của phụ nữ. Ngoài các mô hình theo địa bàn hành chính, các loại hình CLB, tổ, nhóm phụ nữ theo lứa tuổi, sở thích, nghề nghiệp... trực thuộc các cấp Hội được khuyến khích thành lập. Thí điểm xây dựng, nhân rộng và nâng chất lượng các mô hình/hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới, xóa bỏ khuôn mẫu giới, hỗ trợ giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ - trẻ em tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện đồng bộ các biện pháp hỗ trợ cơ sở khó khăn (chú trọng cơ sở Hội thuộc vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng công giáo toàn tông, phụ nữ trong các cơ sở tôn giáo...) trong công tác tập hợp phụ nữ, phát triển hội viên. Xây dựng Tổ truyền thông cộng đồng ứng dụng truyền thông trên nền tảng số (vùng DTTS và miền núi thuộc dự án 8) để thu hút, tập hợp hội viên. Các cấp Hội cơ sở chủ động, linh hoạt tổ chức hoạt động **hướng đến nhóm phụ nữ tạm trú trên địa bàn.**

- **Thí điểm các hình thức thu hút, tập hợp phụ nữ trên không gian mạng.** Thí điểm mô hình phối hợp giữa Hội phụ nữ cơ sở và Hội đoàn tôn giáo địa phương trong công tác xã hội, từ thiện, lồng ghép các hoạt động nâng cao kiến thức, kỹ năng về bình đẳng giới trong gia đình, phát triển kinh tế cho phụ nữ tôn giáo (thí điểm 01 mô hình trong nhóm phụ nữ theo Phật giáo và 01 mô hình ở địa bàn vùng Công giáo).

- Công nhận, tôn vinh, phát huy tinh thần cống hiến và tầm ảnh hưởng đối với phong trào và hoạt động của **hội viên danh dự.**

- Tăng cường kết nối, phát huy thế mạnh của các tổ chức thành viên, của hội viên Hội Nữ trí thức Việt Nam, Hiệp hội Nữ doanh nhân Việt Nam trong việc thúc đẩy thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam. Hỗ trợ các tổ chức thành viên mở rộng mạng lưới ở các cấp. Phối hợp tư vấn, hướng dẫn thành lập và kết nối các tổ chức phụ nữ Việt Nam ở

nước ngoài.

2. Nâng cao chất lượng cán bộ, kiện toàn bộ máy tổ chức Hội các cấp

2.1 Về nâng cao chất lượng cán bộ

- Xây dựng đội ngũ cán bộ Hội **theo chuẩn mực/tiêu chí người phụ nữ thời đại mới**. Phát huy vai trò người đứng đầu của tổ chức Hội khi tham gia cấp ủy, cơ quan dân cử và các thiết chế đại diện khác.

- **Chú trọng** các khâu trong công tác cán bộ, công tác quy hoạch gắn với đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng cán bộ Hội theo vị trí việc làm; hình thành đội ngũ chuyên gia về giới và công tác phụ nữ; đề xuất chính sách, cơ chế đào tạo, luân chuyển cán bộ Hội, chú trọng cán bộ trẻ, cán bộ là người DTTS để tạo điều kiện cho cán bộ nâng cao năng lực và phát triển; **nâng cao năng lực cán bộ Hội về chuyển đổi số và kỹ năng ngoại ngữ**; phối hợp với hệ thống trường chính trị các cấp trong đào tạo cán bộ Hội các cấp, đặc biệt là cán bộ Hội cơ sở; **nhiệm kỳ đầu tiên đưa yêu cầu về ứng dụng công nghệ thông tin đối với cán bộ chuyên trách các cấp Hội vào chỉ tiêu của nhiệm kỳ**.

- Đội ngũ cán bộ chuyên trách các cấp Hội tăng cường đi cơ sở, **tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý cán bộ, hội viên** (triển khai, vận hành phần mềm quản lý cán bộ, hội viên), quyết liệt chỉ đạo và triển khai kế hoạch đồng bộ, thống nhất, đảm bảo tính khả thi.

- Đề cao trách nhiệm của các cấp Hội, đặc biệt là cấp cơ sở. **Hỗ trợ, động viên, tôn vinh chi hội trưởng, tổ trưởng tổ phụ nữ, người đứng đầu các tổ, nhóm, mạng lưới phụ nữ triển khai các hoạt động tại cộng đồng**; khuyến khích tinh thần tự nguyện đảm nhận nhiệm vụ chi hội trưởng; vận động cán bộ, công chức nghỉ hưu làm chi Hội trưởng; bảo đảm địa bàn có đông phụ nữ dân tộc thiểu số, phụ nữ theo tôn giáo có cán bộ Hội là người dân tộc thiểu số, người theo tôn giáo; định kỳ tổ chức giao lưu, biểu dương chi hội trưởng tiêu biểu các cấp.

- Phát huy vai trò, sự tham gia hiệu quả của các ủy viên ban chấp hành cơ cấu các ngành, đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tại cơ sở, chuyên gia, tư vấn cho các lĩnh vực công tác Hội; các nữ chức sắc, chức việc, hội viên nòng cốt/cốt cán tôn giáo tiêu biểu, người có uy tín, già làng, trưởng bản vùng DTTS và miền núi là những người có nhiều đóng góp trong hoạt động xã hội, bình đẳng giới...

2.2 Kiện toàn bộ máy tổ chức Hội các cấp

- Việc kiện toàn bộ máy tổ chức Hội các cấp cần bám sát chủ trương, định hướng của Đảng theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu nhiệm vụ, kết hợp hài hòa giữa kế thừa, ổn định với đổi mới và phát triển; tái cơ cấu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Hội đảm bảo năng lực tự chủ, quản trị tiên tiến, hoạt động hiệu quả.

- **Là nhiệm kỳ đầu tiên áp dụng bộ máy Ủy ban Kiểm tra ở các cấp Hội** nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành bộ máy cơ quan chuyên trách các cấp Hội.

+ *Cơ quan chuyên trách cấp Trung ương*: Thực hiện tốt chức năng xây dựng chiến lược, định hướng và chỉ đạo hoạt động; nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách về phụ nữ, công tác phụ nữ và bình đẳng giới; đổi mới và nâng cao chất lượng

hoạt động của khối văn phòng cơ quan Trung ương Hội và khối các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp.

+ *Cơ quan chuyên trách ở địa phương*: Sắp xếp bộ máy theo Quy định số 212-QĐ/TW ngày 30/12/2019 của Ban Chấp hành TW Đảng về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan chuyên trách của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện. Đối với cấp tỉnh, tùy tình hình, có thể hình thành các mô hình tổ chức phù hợp để cung cấp một số dịch vụ liên quan đến phụ nữ, gia đình và bình đẳng giới trên địa bàn.

2.3. Xây dựng văn hóa tổ chức, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành bộ máy cơ quan chuyên trách và hệ thống Hội

- Quán triệt, thấm nhuần và lan tỏa các giá trị cốt lõi của tổ chức Hội “*Đoàn kết, nhân văn, sáng tạo, khát vọng, phát triển*” đến từng cán bộ, hội viên, phụ nữ. Đẩy mạnh truyền thông, quảng bá về tổ chức và hình ảnh người cán bộ Hội trong thời kỳ mới.

- Rà soát, xây dựng, hoàn thiện, ban hành các quy chế, quy định về sử dụng các phần mềm tác nghiệp trong hệ thống Hội, **thực hiện cải cách hành chính thông qua việc tập huấn, vận hành ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành một số hoạt động của Hội**. Đổi mới công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức; đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành.

- Cơ quan chuyên trách Hội các cấp thực hiện nghiêm cải cách hành chính, cải tiến lề lối làm việc, hoàn thiện các quy chế, quy định và sử dụng đồng bộ các phần mềm tác nghiệp. **Xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng trong điều hành hoạt động Hội cấp trung ương và cấp tỉnh**; triệt để phân cấp, phân quyền, phản ứng nhanh, hiệu quả với các vấn đề cấp thiết của phụ nữ.

- **Xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động Hội, đánh giá sự đồng thuận, tin tưởng của hội viên, phụ nữ**. Xây dựng cơ chế đánh giá, kiểm tra, giám sát nội bộ của cơ quan chuyên trách và cán bộ trong hệ thống Hội.

- Xây dựng các tiêu chí thi đua, xác định các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng phù hợp theo hướng mở rộng đối tượng khen thưởng; xã hội hóa nguồn lực cho công tác khen thưởng; rà soát nâng tầm các giải thưởng hiện có cấp Trung ương và địa phương; **triển khai thực hiện Giải thưởng Nguyễn Thị Định** dành cho cán bộ Hội xuất sắc, có hình thức ghi nhận, tôn vinh, khen thưởng phù hợp để khuyến khích sự tham gia của tập thể, cá nhân trong và ngoài nước vì sự tiến bộ của phụ nữ.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Phát triển mạng lưới, thu hút hội viên, thành viên

*** Cấp Trung ương**

- Rà soát, nâng cao hiệu quả thực chất của công tác phối hợp với các bộ, ngành, các tổ chức; phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội trên nguyên tắc “3 chung” (*chung hoạt động, chung đối tượng, chung nguồn lực*).

- Đổi mới nội dung hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn của mọi tầng lớp phụ nữ; nghiên cứu đánh giá sự đồng thuận của phụ nữ đối với hoạt động Hội, làm căn cứ đánh giá, triển khai các hoạt động đảm bảo hiệu quả thực tiễn.

- Hướng dẫn thành lập và cách thức tổ chức hoạt động các mô hình tập hợp nhóm phụ nữ đặc thù như: doanh nhân, trí thức, lãnh đạo quản lý, công nhân lao động, thanh niên, người cao tuổi, phụ nữ dân tộc thiểu số, phụ nữ tôn giáo...

- Sử dụng hiệu quả các kênh truyền thông trong hệ thống Hội nhằm gia tăng sự tương tác, hưởng ứng tích cực với phụ nữ, ngoài các kênh chính thống, tăng cường thế mạnh của mạng xã hội (zalo, facebook...) qua đó, thu hút phụ nữ tham gia tổ chức Hội. Triển khai đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thu hút, tập hợp phụ nữ.

- Thí điểm phát hành thẻ hội viên thông minh theo phương thức chọn thí điểm và nhân rộng, xây dựng kế hoạch cụ thể.

- Hướng dẫn, hỗ trợ cán bộ Hội các cấp cập nhật và sử dụng thành thạo phần mềm quản lý hội viên.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các tỉnh, thành thành lập và mở rộng mạng lưới tổ chức thành viên hỗ trợ các tổ chức thành viên mở rộng mạng lưới ở các cấp.

- Khảo sát, nghiên cứu về tổ chức phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài và xây dựng phương thức tập hợp phụ nữ kiều bào.

- Thực hiện công tác phát triển hội viên danh dự đối với một số trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn.

- Tiếp tục ký kết các CTPH hoạt động giữa Hội LHPN Việt Nam và các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức đoàn thể, các công ty, tập đoàn lớn nhằm khai thác các nguồn lực hỗ trợ về cơ sở vật chất, tạo nguồn kinh phí hỗ trợ đội ngũ cán bộ Hội cơ sở.

*** Các cấp Hội địa phương**

- Tổ chức quán triệt, tập huấn nhiệm vụ và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ nhằm nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của cán bộ Hội các cấp về xây dựng tổ chức Hội vững mạnh, hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả, chú trọng hướng dẫn các văn bản nghiệp vụ công tác tập hợp phụ nữ, phát triển, quản lý hội viên ở cơ sở.

- Đẩy mạnh công tác tập hợp phụ nữ đặc thù khó thu hút tại địa phương; chủ động tham mưu, đề xuất cấp ủy, chính quyền các chương trình, đề án có liên quan đến phụ nữ dân tộc thiểu số, tôn giáo, phụ nữ di cư trong quá trình đô thị hóa và hội nhập quốc tế. Phối hợp với tổ chức Công đoàn các cấp phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động của các mô hình dành cho nữ công nhân ở khu nhà trọ; phối hợp với tổ chức Đoàn Thanh niên xây dựng và nhân rộng các mô hình câu lạc bộ Gia đình trẻ, câu lạc bộ Nữ thanh niên, câu lạc bộ Tiền hôn nhân... đặc biệt tập trung phát triển, đẩy mạnh các mô hình thu hút hội viên, phụ nữ vùng dân tộc thiểu số, vùng tôn giáo, phụ nữ vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

- Tập trung các hoạt động và nguồn lực về cơ sở; hỗ trợ, đồng hành cùng cơ sở, nhất là các cơ sở Hội còn nhiều khó khăn, có tỷ lệ tập hợp phụ nữ từ 18 tuổi trở lên tham gia tổ chức Hội dưới 60%.

- Thí điểm các hình thức thu hút phụ nữ qua mạng xã hội, tạo cách thức linh hoạt cho phụ nữ khi tham gia hoạt động Hội; hình thành mạng lưới các cộng đồng phụ nữ do cán bộ Hội chủ trì hoặc tham gia ban quản trị; tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thu hút, tập hợp phụ nữ.

- Khuyến khích cán bộ, hội viên sử dụng điện thoại thông minh để tiếp cận thông tin theo hướng hiện đại, thu nhận kiến thức bổ ích theo nhu cầu.

- Quan tâm phát triển hội viên danh dự tại địa bàn.

2. Nâng cao chất lượng cán bộ, kiện toàn bộ máy tổ chức Hội các cấp, Phó Chủ tịch Hội LHPN cơ sở và chi hội trưởng

Thực hiện kiện toàn bộ máy tổ chức Hội các cấp theo tinh thần của Quy định 212-QĐ/TW.

Chú trọng công tác quy hoạch gắn với đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng cán bộ Hội theo vị trí việc làm. Phát huy vai trò người đứng đầu của tổ chức Hội khi tham gia cấp ủy, cơ quan dân cử và các thiết chế đại diện khác.

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT; nâng cao năng lực cán bộ Hội về chuyển đổi số và kỹ năng ngoại ngữ; tiếp tục xây dựng, sử dụng các phần mềm trong triển khai hoạt động Hội.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động Hội tại các cơ sở nhằm kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc và có biện pháp điều chỉnh phù hợp, đồng thời phát hiện những gương điển hình để tuyên truyền, nhân rộng; giải quyết những khiếu nại, tố cáo phát sinh từ cơ sở, hạn chế tối đa tình trạng đơn thư vượt cấp, khiếu kiện có đông phụ nữ tham gia.

*** Cấp Trung ương**

- Ban hành bổ sung, sửa đổi các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ đầu nhiệm kỳ; tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ, đặc biệt các nội dung thực hiện chỉ tiêu 5, 6 và khâu đột phá về tổ chức Hội cơ sở; tăng cường tập huấn về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành cho cán bộ Hội các cấp.

- Đánh giá, sơ kết 3 năm Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội các cấp giai đoạn 2019 - 2025” và bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao năng lực cho cán bộ Hội các cấp, Phó chủ tịch cơ sở và chi hội trưởng.

- Chỉnh sửa, bổ sung tài liệu, tổ chức tập huấn chuyên giao tài liệu cho các tỉnh, thành, đơn vị về bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội, công tác xã hội, bồi dưỡng theo chuyên đề, theo vị trí việc làm cho cán bộ, công chức Hội LHPN các cấp, Phó Chủ tịch Hội LHPN cấp cơ sở và các Chi hội trưởng/Tổ trưởng; cập nhật nội dung khung chương trình bồi dưỡng đối tượng chi hội trưởng và ban hành làm cơ sở cho các cấp hội áp dụng, thực hiện.

- Triển khai các hoạt động hỗ trợ về nâng cao năng lực thực hiện lồng ghép

giới cho cán bộ Hội các cấp; về kỹ năng kinh nghiệm vận động ứng cử cho cán bộ nữ chủ chốt người DTTS trong quy hoạch vào các vị trí lãnh đạo trong hệ thống chính trị...

- Tổ chức thực hiện Quy định về đi công tác cơ sở đối với cán bộ chuyên trách cơ quan Trung ương Hội gắn với việc hỗ trợ cơ sở Hội trung bình, yếu hoặc có tỷ lệ tập hợp phụ nữ từ 18 tuổi trở lên tham gia tổ chức Hội dưới 60%.

- Rà soát, bổ sung điều chỉnh Đề án 02 về tổ chức bộ máy theo nhiệm kỳ 2022 – 2027.

*** Các cấp Hội địa phương**

- Tập huấn quán triệt nội dung các văn bản hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội liên quan đến tổ chức bộ máy và cán bộ Hội cấp cơ sở lồng ghép trong quá trình triển khai Nghị quyết Đại hội PNTQ XIII.

- Thực hiện các hoạt động nghiên cứu để có căn cứ đề xuất các giải pháp xây dựng tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực cán bộ; đề xuất chính sách, cơ chế đào tạo, luân chuyển cán bộ Hội, đặc biệt đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ là người dân tộc thiểu số; đề xuất các chương trình, đề án hỗ trợ hoạt động Hội cơ sở.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức và phối hợp với hệ thống trường chính trị các cấp tổ chức các hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ cơ bản về công tác phụ nữ, công tác xã hội phù hợp với thực tiễn địa phương.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn, giám sát cán bộ Hội cấp huyện, cấp cơ sở cập nhật và sử dụng thành thạo phần mềm quản lý cán bộ, hội viên.

- Nắm thực trạng trang bị máy vi tính của Hội LHPN cấp cơ sở, xây dựng văn bản tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương tạo điều kiện và vận động hỗ trợ nguồn lực nhằm trang bị máy vi tính cho các cơ sở còn khó khăn. Tích cực vận động các nguồn lực để bảo đảm đến cuối nhiệm kỳ, 100% cơ sở Hội được trang bị máy tính và cán bộ Hội cơ sở sử dụng thành thạo các phần mềm cơ bản phục vụ công tác Hội.

- Chủ động lựa chọn, hỗ trợ, động viên, tôn vinh, xây dựng đội ngũ chi hội trưởng, tổ trưởng, người đứng đầu các tổ, nhóm, mạng lưới phụ nữ là những người tự nguyện, có uy tín, nhiệt tình với công việc, gần gũi với hội viên, phụ nữ; lựa chọn cán bộ chi, tổ Hội thực sự là hạt nhân nòng cốt trong vận động, tổ chức các hoạt động tại cộng đồng; đẩy mạnh vận động hội viên là nữ cán bộ, công chức, viên chức về hưu đảm nhận vị trí chi hội trưởng. Thực hiện các biện pháp để động viên, phát huy tính tự nguyện và tinh thần cống hiến của đội ngũ cán bộ làm việc không chuyên trách.

- Tiếp tục thực hiện kiện toàn bộ máy theo Quy định 212-QĐ/TW.

3. Xây dựng văn hóa tổ chức, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành bộ máy cơ quan chuyên trách và hệ thống Hội

*** Cấp Trung ương**

- Nghiên cứu, xây dựng và truyền thông, lan tỏa các giá trị cốt lõi của tổ chức

Hội theo tinh thần xây dựng các giá trị về đoàn kết, phát huy sức sáng tạo và khát vọng vì sự phát triển tổ chức Hội đến đội ngũ cán bộ, hội viên, phụ nữ.

- Rà soát, xây dựng, hoàn thiện, ban hành các quy chế, quy định trong cơ quan chuyên trách Hội các cấp theo hướng tăng cường phân cấp, xác định rõ trách nhiệm, triệt để ứng dụng công nghệ thông tin.

- Tập trung truyền thông, ban hành quy chế quản lý, sử dụng dữ liệu, phần mềm quản lý cán bộ, hội viên, phần mềm tổng hợp báo cáo thống kê, app hội viên, phụ nữ và thẻ hội viên thông minh. Tuyên truyền Đề án chuyển đổi số Hội LHPN Việt Nam tới các cấp Hội.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát định kỳ và thường xuyên đối với Hội LHPN và cán bộ chuyên trách Hội các cấp, qua đó hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của địa phương trong quá trình thực hiện; chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện kiểm tra chuyên đề, kiểm tra theo chủ đề năm.

- Tăng cường công tác nghiên cứu thực tiễn về những vấn đề nảy sinh trong công tác xây dựng bộ máy, cán bộ Hội các cấp.

- Xây dựng bộ tiêu chí thi đua – khen thưởng, xác định các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng phù hợp theo hướng mở rộng đối tượng khen thưởng. Trung ương Hội ban hành Kế hoạch/Hướng dẫn thực hiện Phong trào thi đua và Quy định Thi đua khen thưởng nhiệm kỳ 2022-2027 của Hội LHPN Việt Nam trên cơ sở nghiên cứu, vận dụng các chính sách, quy định mới về thi đua, khen thưởng.

- Triển khai **Giải thưởng Nguyễn Thị Định** dành cho cán bộ Hội xuất sắc, tiêu biểu (từ cấp Trung ương đến cấp cơ sở, ưu tiên cho cán bộ Hội cấp cơ sở). Xây dựng Quy chế giải thưởng; tuyên truyền rộng rãi về ý nghĩa của Giải thưởng Nguyễn Thị Định và tổ chức xét và trao tặng.

*** Các cấp Hội địa phương**

- Tích cực thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ cán bộ Hội, thực hiện các nhiệm vụ xây dựng, vì sự phát triển tổ chức Hội.

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát các cấp Hội, đặc biệt là cấp cơ sở trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Hội LHPN Việt Nam, nghị quyết và các quy định của Hội về công tác kiểm tra, giám sát.

- Tổ chức tập huấn, nâng cao kỹ năng sử dụng phần mềm quản lý cán bộ, hội viên; phần mềm tổng hợp báo cáo thống kê tới Hội LHPN huyện, cơ sở.

- Tăng cường ứng dụng CNTT, các mạng xã hội để thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cho cán bộ, hội viên, phụ nữ.

- Phát hiện, bồi dưỡng cán bộ Hội ở cơ sở để giới thiệu đề cử cho Giải thưởng Nguyễn Thị Định./.

CHUYÊN ĐỀ 7

NÂNG CAO VỊ THẾ, MỞ RỘNG ẢNH HƯỞNG CỦA TỔ CHỨC HỘI TRONG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI

A. MỤC TIÊU BÀI GIẢNG

1. Cán bộ Hội các cấp nắm và hiểu đầy đủ nội dung cơ bản của công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế trong mục 4 của Nhiệm vụ 3 “Nâng cao vị thế, mở rộng ảnh hưởng của tổ chức Hội trong quan hệ đối ngoại” và lồng ghép trong các nhiệm vụ khác.

2. Liên hệ và xác định được các giải pháp nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ tại địa phương, đặc biệt là xác định các giải pháp trọng tâm phù hợp với đặc điểm tình hình và nhu cầu của hội viên phụ nữ trên địa bàn.

3. Các tỉnh/thành Hội, đơn vị trực thuộc cụ thể hóa nội dung nhiệm vụ trong quá trình bổ sung, hoàn thiện chương trình hành động toàn khóa phù hợp với thực tiễn, có tính khả thi cao.

B. NỘI DUNG CHUYÊN ĐỀ

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHUYÊN ĐỀ NHIỆM KỶ XII

1. Một số kết quả nổi bật

1.1. Quan hệ hữu nghị hợp tác với các đối tác quốc tế

* Về các hoạt động hợp tác song phương

- **Quan hệ với các nước láng giềng được phát triển đi vào chiều sâu** với các hình thức hợp tác đa dạng: trao đổi đoàn, giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm, đào tạo cán bộ nữ, hợp tác phát triển du lịch, sinh kế, hỗ trợ ngày công, con giống.

Trung ương Hội ký kết và thực hiện thỏa thuận hợp tác với Hội Phụ nữ Lào, Campuchia, có nhiều hình thức giao lưu hữu nghị điển hình là các hoạt động năm đoàn kết hữu nghị với hai nước năm 2017⁴³). Quan hệ với Hội Phụ nữ toàn quốc Trung Hoa cũng được khai thông sau một thời gian trao đổi đoàn cấp cao bị gián đoạn và có chuyển biến tích cực.

Ở cấp địa phương, Hội LHPN của 24/25 tỉnh giáp biên của Việt Nam ký kết với đối tác cùng cấp của các nước láng giềng, tăng 5 tỉnh so với đầu nhiệm kỳ với nhiều hoạt động phong phú ... *Hội LHPN thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ nâng cao năng lực, đào tạo, tập huấn, dạy nghề cho phụ nữ Lào và Campuchia; Hội LHPN tỉnh Đồng Tháp hỗ trợ dạy nghề cho phụ nữ trên địa bàn xã Banteay Chakrey, huyện Preah Sdech tỉnh Prâyveng, Vương quốc Campuchia; Hội LHPN tỉnh Quảng Ninh tổ chức giao lưu trao đổi kinh nghiệm với Hội Phụ nữ Đông Hưng, Trung Quốc về kinh nghiệm hoạt động Hội, phụ nữ lao động qua biên giới, phòng*

43 Hội tổ chức Chuyến xe hữu nghị đi thăm, trao đổi kinh nghiệm với Hội PN Lào và Campuchia và Diễn đàn phụ nữ 3 nước tại tp. Hồ Chí Minh; đón các đoàn cấp cao Hội PN Lào năm 2018, Hội PN Campuchia vì Hòa bình và Phát triển năm 2019

chống buôn bán phụ nữ; Hội LHPN Tây Ninh và Hội Phụ nữ Campuchia vì Hoà bình và Phát triển xây dựng “Tổ phụ nữ vàn đối công Việt Nam - Campuchia”... Trong bối cảnh COVID-19, một số tỉnh gửi thư thăm hỏi, động viên đối tác phụ nữ các nước láng giềng (Cao Bằng, Lạng Sơn), hỗ trợ hiện vật cho hội viên, phụ nữ nước bạn (Long An).

- **Quan hệ với đối tác các nước bạn bè truyền thống được củng cố và phát triển** (lần đầu tiên Hội ký kết hợp tác với Hội LHPN Cuba, nâng quan hệ lên tầm cao mới).

- **Quan hệ với một số đối tác và địa bàn đặc biệt khởi sắc** nhất là các đối tác của Hàn Quốc, Úc, Mỹ, Nga, Nhật Bản... (nổi bật là Diễn đàn Phụ nữ Việt - Hàn⁴⁴, Diễn đàn Việt - Nga, Nga - Việt năm 2019, Diễn đàn Việt - Mỹ năm 2020).

- **Hội bắt đầu đặt quan hệ với một số tổ chức phụ nữ ở những địa bàn mới, ít có giao lưu trước đây** (Nam Phi, Namibia, Venezuela...).

* Về quan hệ đa phương

- **Hội chủ động tổ chức nhiều diễn đàn Phụ nữ** nhằm chia sẻ kinh nghiệm về phụ nữ và bình đẳng giới được bạn bè quốc tế đánh giá cao (Giải thưởng Kinh doanh thành công APEC BEST (2017), Hội nghị lần thứ 8 Mạng lưới các nhà nữ khoa học châu Á - Thái Bình Dương (2018), Hội nghị Đầu mối giới của tổ chức Colombo Plan (2019), Diễn đàn “Thúc đẩy việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững từ góc độ bình đẳng giới” (2021); Toạ đàm về phụ nữ và chuyển đổi số (2021).

- **Hội tham gia chủ động và đa dạng hơn vào các cơ chế đa phương**, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm hữu ích, đưa ra các khuyến nghị có giá trị; tăng cường hợp tác với các cơ quan của Liên hợp quốc, các tổ chức quốc tế; tham gia có trách nhiệm và phù hợp vào một số tổ chức Hội là thành viên (*Liên đoàn các Tổ chức Phụ nữ ASEAN, Liên đoàn Phụ nữ Dân chủ Quốc tế*); thúc đẩy phụ nữ với hoà bình và an ninh, động viên nữ quân nhân tham gia lực lượng gìn giữ hoà bình; tích cực đóng góp báo cáo thực hiện các cam kết quốc tế, đặc biệt các cam kết liên quan tới phụ nữ, bình đẳng giới và phát triển mà Việt Nam tham gia.

- **Công tác ngoại giao văn hóa ngày càng được quan tâm** (Hội tổ chức chuỗi sự kiện áo dài năm 2020, 2021 và mời đối tác quốc tế tại Hà Nội tham dự. Các đơn vị Báo, Nhà Xuất bản, Bảo tàng PNVN tích cực quảng bá về phụ nữ Việt Nam qua hoạt động của các đơn vị).

Một số tỉnh, thành đã tổ chức được các hoạt động giao lưu văn hoá như: Đà Nẵng tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa văn nghệ, ẩm thực Việt - Lào, Lào - Việt; thành phố Hồ Chí Minh tổ chức Liên hoan Văn hóa ẩm thực các quốc gia Đông Nam Á; Khánh Hòa tổ chức gặp mặt, giao lưu văn hóa cho các cháu là con người nước ngoài sinh sống tại tỉnh. Nam Định duy trì hoạt động của Câu lạc bộ

⁴⁴ Diễn đàn Phụ nữ Việt Nam - Hàn Quốc do Hội và Viện Phát triển Phụ nữ Hàn Quốc phối hợp tổ chức luân phiên hàng năm từ 2013 là kênh quan trọng để trao đổi những vấn đề liên quan đến phụ nữ 2 nước trong đó có hôn nhân quốc tế Việt-Hàn, các chính sách bình đẳng giới. Đến nay đã có 8 kỳ Diễn đàn.

nữ hữu nghị Việt Nam - Thái Lan.

1.2. Công tác tuyên truyền đối ngoại và nghiên cứu tham mưu ngày càng được chú trọng với hình thức và sản phẩm tuyên truyền ngày càng đa dạng (tạp chí đối ngoại hàng quý bằng tiếng Anh, cẩm nang về đối ngoại nhân dân, bài viết chuyên đề, nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế...) theo hướng tăng cường kênh online (trang thông tin điện tử, ebulletin tiếng Anh, video clip...). Vấn đề lợi ích quốc gia dân tộc được Hội quan tâm trên tinh thần vừa hợp tác, vừa đấu tranh. Hội tranh thủ các diễn đàn đa phương và các mối quan hệ để góp phần lên tiếng đấu tranh, kêu gọi sự ủng hộ của bạn bè quốc tế đối với Việt Nam⁴⁵.

1.3. Công tác vận động nguồn lực duy trì kết quả khá cao trong suốt 10 năm. Trong 5 năm qua (2017 - 2021), TW Hội đã vận động thành công 83 khoản viện trợ⁴⁶ trị giá hơn 9 triệu đô la Mỹ. Bên cạnh các dự án phát triển, Hội còn vận động được nhiều chương trình học bổng và sự hỗ trợ chất xám của các chuyên gia, tình nguyện viên... *Hội LHPN một số tỉnh thành có kết quả vận động nguồn quốc tế đáng khích lệ như Đà Nẵng, Hà Tĩnh, Nghệ An, Bến Tre, Cà Mau, Quảng Ninh, Lào Cai, Cao Bằng, Hòa Bình, Thái Nguyên, Hải Dương.*

1.4. TW Hội đã tăng cường chỉ đạo và hỗ trợ các cấp Hội Phụ nữ địa phương triển khai các hoạt động đối ngoại. Bên cạnh việc xây dựng kế hoạch, định hướng và đưa nội dung đối ngoại vào tiêu chí đánh giá thi đua hàng năm, TW Hội quan tâm hướng dẫn, tư vấn Hội LHPN các tỉnh, thành về các hoạt động đối ngoại lớn, duy trì nhóm đầu mối đối ngoại của Hội LHPN 63 tỉnh, thành qua email, zalo để cập nhật thông tin, văn bản của TW cũng như chia sẻ kinh nghiệm giữa các tỉnh/thành Hội.

1.5. Hội chủ động, thích ứng với bối cảnh mới và yếu tố mới trong đối ngoại, nhạy bén với chủ trương hội nhập quốc tế và chuyển đổi số. Tháng 1/2021, Hội ban hành Nghị quyết hỗ trợ phụ nữ hội nhập quốc tế đến năm 2030, giúp định hướng các hoạt động đối ngoại và hỗ trợ phụ nữ hội nhập quốc tế trong hệ thống Hội. Hội là đoàn thể đầu tiên ban hành Nghị quyết hỗ trợ hội viên của mình trong hội nhập quốc tế. Có thể nói, Nghị quyết ra đời rất đúng thời điểm và thể hiện sự chủ động của Hội trong mở rộng nội hàm công tác đối ngoại thành đối ngoại và hội nhập quốc tế theo tinh thần Đại hội Đảng XIII.

2. Những vấn đề đặt ra

- Việt Nam hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng mở ra cơ hội nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức đó là yêu cầu cao về năng lực, kiến thức, kỹ năng, cả về ngoại ngữ, tác phong làm việc chuyên nghiệp... Trong khi đó, cán bộ làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế của Hội ở cả cấp trung ương và địa phương còn thiếu và

⁴⁵ Hội đề nghị Liên đoàn thông qua 02 Nghị quyết về vấn đề Biển Đông và nạn nhân chất độc da cam (2019); tham gia bảo vệ Báo cáo Nhân quyền UPR chu kỳ III về Việt Nam tại Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc (2019); xây dựng tài liệu tuyên truyền nâng cao nhận thức về chủ quyền biển đảo “Cảnh giác trước việc Trung Quốc truyền bá yêu sách ‘đường chín đoạn’ phi pháp” được hội viên, phụ nữ đón nhận và các cơ quan đánh giá cao.

⁴⁶ Đó là các dự án về các lĩnh vực: tài chính vi mô, bảo hiểm vi mô, nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ, truyền thông nâng cao nhận thức, nâng cao năng lực về giảm thiểu rủi ro thiên tai & ứng phó với BĐKH, phòng chống bạo lực giới, nâng cao năng lực cho cán bộ Hội, học bổng cho học sinh nghèo...

hạn chế về năng lực đối ngoại, nhất là năng lực nghiên cứu, dự báo tham mưu chiến lược, khả năng ngoại ngữ.

- Tình hình thế giới thay đổi nhanh, diễn biến ngày càng phức tạp, khó lường; tranh chấp lãnh thổ, tài nguyên, xung đột sắc tộc, các thách thức an ninh phi truyền thống nổi lên gay gắt, dịch bệnh... Châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á, tiếp tục là trung tâm phát triển năng động, đồng thời cũng là trọng điểm cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn. Một số lĩnh vực như hôn nhân quốc tế, di cư quốc tế thời gian qua phát sinh nhiều vấn đề, vụ việc mới và khó.

- Một số vấn đề cần chú trọng cụ thể hơn của cấp trên. Việc nghiên cứu thí điểm công nhận các chi hội người Việt Nam ở nước ngoài là thành viên của một số tổ chức trong đó có Hội được nêu trong Chỉ thị số 45-CT/TW của Bộ Chính trị rất phù hợp với mong muốn của các chị em. Tuy nhiên, việc triển khai theo tinh thần Chỉ thị 45 còn gặp vướng mắc.

- Các nước và các tổ chức quốc tế có xu hướng cắt giảm tài trợ những năm gần đây, nhất là từ khi dịch COVID-19 bùng phát, bên cạnh đó quy trình, thủ tục phê duyệt tài trợ quốc tế theo quy định mới phức tạp, gây ảnh hưởng đến kết quả vận động tài trợ và cơ hội hợp tác đối với các tổ chức đoàn thể trong đó có Hội. Kinh phí phân bổ cho hoạt động đối ngoại còn hạn hẹp.

Thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ tiếp tục là mối quan tâm hàng đầu trong nỗ lực của các quốc gia và cộng đồng quốc tế nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững; Nhìn chung, các đối tác quan trọng của Hội tiếp tục thực hiện cam kết và tăng cường hợp tác với Hội.

II. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ VÀ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN CHUYÊN ĐỀ

1. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII;
2. Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 11/2/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả đối ngoại nhân dân trong tình hình mới;
3. Kết luận số 12-KL/TW ngày 12/8/2021 của Bộ Chính trị về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới;
4. Nghị quyết số 22/NQ-TW của Bộ Chính trị khóa XI về hội nhập quốc tế (2013);
5. Chiến lược tổng thể Hội nhập quốc tế đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (2016);
6. Nghị định 80/2020/NĐ-CP về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;
7. Nghị định 114/2021/NĐ-CP về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;
8. Hướng dẫn số 07-HD/BĐNTW ngày 8 tháng 10 năm 2020 của Ban Đối ngoại về thực hiện các quy định về quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và tổ chức nhân dân ở Trung ương;
9. Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến năm 2030.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP NHIỆM KỲ XIII

1. Một số khái niệm

- *Đối ngoại nhân dân* là quan hệ và hoạt động đối ngoại giữa các cá nhân, tổ chức chính trị-xã hội, xã hội-nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ... của nước ta mà chủ thể chính là người dân, thành viên, hội viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể, các tổ chức nhân dân ở Trung ương và địa phương, với đối tác nước ngoài là các chính phủ, các đảng, các tổ chức phi chính phủ và tổ chức quần chúng của đảng, các doanh nghiệp, cá nhân người dân các nước...

- *Hội nhập quốc tế* là giai đoạn phát triển cao của hợp tác quốc tế, là quá trình áp dụng và tham gia xây dựng các quy tắc và luật lệ chung của cộng đồng quốc tế, phù hợp với lợi ích quốc gia, dân tộc của Việt Nam.

Hội nhập quốc tế là quá trình liên kết, hợp tác giữa các quốc gia hoặc vùng lãnh thổ với nhau trong một cộng đồng nhất định, trên một hoặc nhiều lĩnh vực khác nhau vì những mục đích và lợi ích chung nào đó.

Trong Nghị quyết về hỗ trợ phụ nữ hội nhập quốc tế giai đoạn 2023-2030, Hội xác định 3 lĩnh vực tập trung hỗ trợ phụ nữ hội nhập là: (1) văn hoá, xã hội và khoa học - công nghệ, (2) kinh tế và (3) an ninh, quốc phòng, đối ngoại.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

Yêu cầu của nhiệm vụ: “Phát huy vai trò tổ chức Hội trong đối ngoại nhân dân theo đường lối đối ngoại của Đảng” và “Thực hiện tốt Nghị quyết “Hỗ trợ phụ nữ hội nhập quốc tế đến năm 2030”.

2.1. Quan hệ hữu nghị hợp tác với các đối tác quốc tế

a) Nội dung nhiệm vụ

- Triển khai có hiệu quả các chương trình đoàn kết, hữu nghị và thỏa thuận hợp tác với tổ chức phụ nữ của các nước láng giềng, các nước bạn bè truyền thống, các nước đối tác chiến lược, đối tác toàn diện của Việt Nam.

- Thể hiện vai trò thành viên có trách nhiệm trong Liên đoàn các tổ chức Phụ nữ ASEAN (ACWO), Liên đoàn Phụ nữ Dân chủ Quốc tế (WIDF); vai trò tư vấn đặc biệt tại Hội đồng Kinh tế và Xã hội của Liên hiệp quốc (ECOSOC).

- Đa dạng hóa phương thức đối ngoại ở các quy mô, cấp độ khác nhau, phù hợp trong từng thời điểm, tổ chức các hoạt động chia sẻ thông tin, kinh nghiệm, kỹ năng giải quyết các vấn đề mà phụ nữ quan tâm (bình đẳng giới, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu, phòng ngừa thiên tai, dịch bệnh...).

b) Điểm mới

- Tiếp tục tăng cường hợp tác với đối tác thuộc các nước láng giềng, ASEAN, bạn bè truyền thống, đối tác chiến lược, đối tác toàn diện... đồng thời mở rộng quan hệ với tất cả các đối tác vì mục tiêu bình đẳng, phát triển, hoà bình trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và bản sắc dân tộc của tất cả các quốc gia.

- Nhân mạnh tính hiệu quả khi triển khai các chương trình đoàn kết, hữu nghị và thỏa thuận hợp tác.

- Trong phương thức đối ngoại, lưu ý tính phù hợp trong từng thời điểm. Ví dụ trong bối cảnh dịch bệnh COVID, các hoạt động đối ngoại cần có sự thích ứng linh hoạt, có thể giảm quy mô, đổi sang hình thức trực tuyến hoặc bán trực tuyến...

- Đầu tư hơn nữa cho công tác nghiên cứu tác nghiệp, ứng dụng chủ trương chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước một cách sáng tạo, linh hoạt. Phát huy thế mạnh của đối ngoại nhân dân, thế mạnh của một tổ chức phụ nữ ...

c) Giải pháp thực hiện

* Cấp Trung ương

- Chỉ đạo, định hướng các cấp Hội về công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế theo nhiệm kỳ và hàng năm, kịp thời tư vấn về các vấn đề nhạy cảm, phức tạp, đưa quan hệ đi vào chiều sâu. Tăng cường nghiên cứu thực tiễn, chia sẻ kinh nghiệm và nhân rộng các mô hình điểm về công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

- Rà soát, đánh giá các chương trình, thoả thuận hợp tác đã ký, ký tiếp và ký mới với các đối tác các nước láng giềng, bạn bè truyền thống, đối tác phát triển (*TW Hội ký thoả thuận giai đoạn 2022-2027 với Hội LHPN Lào, Hội Phụ nữ Campuchia vì Hoà bình và Phát triển và Hội LHPN Cuba, phân đấu ký kết hợp tác với Hội Phụ nữ Toàn quốc Trung Hoa, ký tiếp với các đối tác phát triển như UN Women...; chú trọng đa dạng hoá các hình thức hợp tác như trao đổi đoàn, giao lưu, hội nghị, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm, tập huấn, đào tạo, hợp tác phát triển du lịch, mô hình sinh kế; quan tâm đối tượng phụ nữ dễ bị tổn thương (phụ nữ dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa, phụ nữ di cư...).*

- TW Hội tổ chức một số sự kiện quốc tế trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến: Diễn đàn phụ nữ 3 nước Việt Nam - Lào - Campuchia nhân kỷ niệm năm đoàn kết với 2 nước (2022, 2027); Diễn đàn quốc tế Phụ nữ, hoà bình và phát triển (2025), Diễn đàn Phụ nữ Việt Nam - Hàn Quốc luân phiên hàng năm ở hai nước (tại Việt Nam năm 2023, 2025). Các hoạt động kỷ niệm năm tròn, năm chẵn với các nước hàng năm; Tổ chức cho đối tác quốc tế thăm và làm việc tại địa phương; gặp mặt đối tác quốc tế (2 năm một lần) qua đó thúc đẩy hợp tác với Hội.

- TW Hội đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ACWO nhiệm kỳ 2025-2026 (tổ chức họp Ban Lãnh đạo ACWO 2025 và Đại hội đồng ACWO 2026); báo cáo định kỳ 4 năm về thực hiện Quy chế tư vấn đặc biệt tại Hội đồng Kinh tế và Xã hội LHQ - ECOSOC (2022, 2026).

- Chủ động chia sẻ kinh nghiệm của Việt Nam và đề xuất các sáng kiến hợp tác trong các cơ chế hợp tác đa phương; thúc đẩy hoạt động hữu nghị, đoàn kết quốc tế, đóng góp vào phong trào phụ nữ và nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội (*có hình thức chia sẻ, động viên với nhân dân các nước gặp thiên tai, dịch bệnh, xung đột... như gửi thư thăm hỏi, ủng hộ tiền, hiện vật thông qua các đối tác ở các nước*).

* Cấp địa phương

- Phát triển, mở rộng quan hệ với các đối tác quốc tế, đặc biệt là các đối tác đang hoạt động tại địa phương. Trong nhiệm kỳ 2022-2027 tổ chức ít nhất 01 sự kiện gặp gỡ, kết nối với đối tác quốc tế.

- Rà soát, đánh giá và ký tiếp hoặc ký mới Chương trình, Thỏa thuận hợp tác với các đối tác quốc tế tại địa phương, đặc biệt thúc đẩy giao lưu hữu nghị, hợp tác qua biên giới, đưa quan hệ hợp tác đi vào chiều sâu (*phần đầu toàn bộ 25 tỉnh giáp biên có ký kết hoặc hoạt động hợp tác với đối tác phụ nữ cùng cấp của 3 nước láng giềng. Nội dung hợp tác tăng tính chiều sâu, bền vững như hỗ trợ các mô hình sinh kế, hợp tác phát triển du lịch*).

- Tích cực tham gia hoạt động đối ngoại của địa phương và TW Hội; tăng cường giao lưu chia sẻ kinh nghiệm với các tỉnh, thành khác.

- Hội LHPN các cấp chủ động đề xuất sáng kiến và tích cực hưởng ứng các hoạt động đoàn kết quốc tế của Trung ương và địa phương.

- Hội LHPN một số tỉnh, thành lớn, có thế mạnh về đối ngoại và hội nhập quốc tế phát huy vai trò dẫn dắt, tích cực chia sẻ, kết nối trong hệ thống Hội, đảm bảo hiệu quả và sự lan tỏa tích cực (*chủ trì các cuộc giao lưu, gặp mặt chia sẻ kinh nghiệm, tham quan học tập kinh nghiệm giữa các tỉnh, thành và cụm thi đua...*); hàng năm khuyến khích tổ chức 01 sự kiện quốc tế.

2.2. Công tác tuyên truyền đối ngoại

a) Nội dung nhiệm vụ

- Mở rộng tuyên truyền, quảng bá hình ảnh đất nước, con người, phụ nữ Việt Nam và tổ chức Hội; vận động ủng hộ các vấn đề liên quan đến lợi ích quốc gia, dân tộc, chủ quyền quốc gia trên các diễn đàn quốc tế và khu vực, thông qua các kênh thông tin đối ngoại, các cơ chế, thể chế quốc tế, các đối tác quốc tế.

- Tập trung tuyên truyền đối ngoại trên các nền tảng số, nâng cao chất lượng trang tiếng Anh của Cổng thông tin điện tử của Hội, Trang thông tin Phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài trên báo Phụ nữ Việt Nam, kênh truyền thông của Báo tàng Phụ nữ Việt Nam, Trung tâm Phụ nữ và Phát triển, các ấn phẩm bằng tiếng nước ngoài của Nhà xuất bản Phụ nữ Việt Nam.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên trách đối ngoại (Bộ Ngoại giao, Ban Đối ngoại, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam), các cơ quan ngoại giao, các tổ chức quốc tế, các nhóm phụ nữ quốc tế để tăng cường quảng bá văn hóa....

b) Điểm mới

- Tập trung tuyên truyền đối ngoại trên các nền tảng số và đẩy mạnh quảng bá văn hoá Việt Nam ra thế giới.

- Nhấn mạnh tuyên truyền hai chiều (ra và vào). Với Trung ương chú ý tính thời sự, tăng cường sử dụng hình ảnh.

c) Giải pháp thực hiện

*** Cấp trung ương**

- Về nội dung tuyên truyền:

+ Chiều ra đối với quốc tế tập trung tuyên truyền về đất nước, con người, thành tựu phát triển của Việt Nam, những tiến bộ trong thúc đẩy bình đẳng giới và phát triển phụ nữ, phong trào phụ nữ Việt Nam, gương phụ nữ điển hình và hoạt

động của Hội; đẩy mạnh tuyên truyền và đấu tranh dư luận nhằm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới của tổ quốc.

+ Chiều vào đối với trong nước tuyên truyền tới cán bộ, hội viên, phụ nữ về hoạt động đối ngoại của Việt Nam, của Hội, phong trào phụ nữ thế giới, quan hệ hữu nghị hợp tác với các nước. Năm 2022 quán triệt Nghị quyết hỗ trợ phụ nữ hội nhập quốc tế trong toàn quốc.

- Về hình thức tuyên truyền: đa dạng hoá các kênh thông tin, tuyên truyền nhất là trên nền tảng số.

+ Tăng tần suất tin bài trên Cổng thông tin điện tử, tăng tin ngắn và nhiều ảnh đảm bảo tối thiểu 3 tin bài/tuần; xây dựng gửi bản tin Ebulletin tiếng Anh hàng tháng tới bạn bè quốc tế; gửi thông tin đối ngoại cho Hội Liên hiệp Phụ nữ các tỉnh/thành qua Zalo đầu mỗi đối ngoại Hội tối thiểu 2 lần/tháng.

+ Xây dựng chuyên mục, tăng cường tin bài về phụ nữ và hội nhập trên tờ Thông tin Phụ nữ, Báo Phụ nữ Việt Nam.

- Các sản phẩm, tài liệu tuyên truyền đối ngoại và hội nhập quốc tế trong nhiệm kỳ: Thông tin về kết quả Đại hội Phụ nữ toàn quốc XIII; Tờ rơi giới thiệu Hội, dịch Điều lệ, Văn kiện Hội tiếng Anh, cập nhật clip đối ngoại Hội tiếng Việt, tiếng Anh; Sổ tay hội nhập, thông tin dạng đồ hoạ (infographic), sách lật, kinh nghiệm quốc tế liên quan tới phụ nữ và hội nhập; tài liệu các cam kết quốc tế về phụ nữ và phát triển bền vững (*CEDAW, Cương lĩnh Hành động Bắc Kinh, các Mục tiêu Phát triển bền vững- SDGs...*), video giới thiệu Dự án 8 do Hội chủ trì trong Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS; hàng năm có các nghiên cứu, tổng hợp kinh nghiệm về phụ nữ và bình đẳng giới, tiến bộ xã hội làm tài liệu tham khảo cho các cấp Hội phục vụ công tác tham mưu hoạt động Hội.

- Xây dựng đội ngũ báo cáo viên về hội nhập quốc tế trên các lĩnh vực.

- Phát huy kênh tuyên truyền của các đơn vị của TW Hội: Báo Phụ nữ Việt Nam đầu tư tin bài, chuyên mục trên trang Phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài để cung cấp thông tin, hướng dẫn hữu ích cho chị em phụ nữ kiều bào và qua chị em giới thiệu về Việt Nam, phụ nữ Việt Nam tới bạn bè quốc tế. Nhà Xuất bản Phụ nữ Việt Nam, Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam, Trung tâm Phụ nữ Phát triển tăng cường tin bài trên trang web Anh của đơn vị đặc biệt tin bài ảnh, clip sinh động, cung cấp tin bài cho Cổng thông tin điện tử của TW Hội.

** Cấp địa phương*

- Tranh thủ các kênh giao lưu, hợp tác với đối tác quốc tế tại địa phương và nước ngoài (gặp gỡ, hội nghị, hội thảo, hoạt động dự án, hợp tác qua biên giới) để tuyên truyền, quảng bá về Việt Nam, phụ nữ Việt Nam và Hội để tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè quốc tế với Việt Nam và cho Hội.

- Sử dụng hiệu quả nguồn tài liệu tham khảo về đối ngoại của Trung ương Hội và các sở ngành cho công tác tuyên truyền đối ngoại.

2.3. Công tác phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài (PNVNONN)

a) Nội dung nhiệm vụ: Phối hợp bảo vệ quyền lợi và nhân phẩm của phụ nữ

Việt Nam trong các quan hệ, giao dịch có yếu tố nước ngoài; kết nối, hỗ trợ thành lập và hỗ trợ hoạt động của các tổ chức phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài.

b) Điểm mới: Tập trung vào cơ chế phối hợp giữa Hội với các cơ quan liên quan trong công tác phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài. Hỗ trợ vận động thành lập các hình thức tổ chức PNVNONN.

c) Giải pháp thực hiện

** Cấp Trung ương*

- Định hướng, hướng dẫn các cấp Hội về công tác phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài, hỗ trợ hôn nhân quốc tế.

- Tư vấn, hướng dẫn thành lập các tổ chức phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài.

- Triển khai hiệu quả các hoạt động, cơ chế phối hợp với các cơ quan, ban ngành (*Ủy ban nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao ở các nước...*) để thu hút, tập hợp phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài (*VD tổ chức diễn đàn riêng cho phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài hoặc trong khuôn khổ sự kiện chung cho kiều bào hoặc nhân dịp Xuân quê hương hàng năm*). Tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng của Việt Nam và với các đối tác quốc tế để góp phần bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của phụ nữ Việt Nam trong các giao dịch có yếu tố nước ngoài như hôn nhân quốc tế, di cư lao động.

- Chỉ đạo tổ chức triển khai các chương trình, dự án hỗ trợ hôn nhân quốc tế, hỗ trợ phụ nữ Việt Nam hồi hương trở về theo đúng mục tiêu đề ra.

- Trong nhiệm kỳ tổ chức 01 sự kiện dành cho phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài.

** Cấp địa phương*

- Tham gia các sự kiện do cấp ủy, chính quyền, các ban ngành tổ chức dành cho kiều bào.

- Chủ động tổ chức gặp mặt kiều bào giới thiệu kết quả, mô hình hoạt động Hội. Kết nối với kiều bào ở các nước thông qua Ban liên lạc kiều bào ở địa phương (nếu có), các hội đồng hương...

- Vận hành hiệu quả các trung tâm tư vấn hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài. Khuyến khích xây dựng và nhân rộng các mô hình hỗ trợ hôn nhân quốc tế, hỗ trợ gia đình có người di cư lao động và kết hôn quốc tế (*VD mô hình Câu lạc bộ “Tư vấn cộng đồng hệ lụy có con lấy chồng nước ngoài”, CLB thân nhân kiều bào Hàn Quốc ở Bạc Liêu, Cần Thơ*).

2.4. Công tác vận động nguồn lực quốc tế

a) Nội dung nhiệm vụ: Khai thác nguồn lực tổ chức các hoạt động cho phụ nữ và bình đẳng giới.

b) Điểm mới: Tiếp tục vận động nguồn lực quốc tế theo quan hệ đối tác (có đối ứng của ta), quan hệ hợp tác 3 bên, nhiều bên, với sự tham gia của cả doanh nghiệp trong nước. Bên cạnh các vấn đề truyền thống thì quan tâm đến các vấn đề mới như chuyển đổi số, thích ứng và phục hồi hậu COVID-19, hỗ trợ phụ nữ hội nhập quốc tế, phụ nữ, hòa bình và an ninh; quan tâm các đối tượng phụ nữ dễ bị tổn thương

trong xã hội (phụ nữ dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa, phụ nữ di cư...).

c) Giải pháp thực hiện

** Cấp Trung ương*

- Tích cực, chủ động vận động các nguồn lực, cả tài chính và phi tài chính, từ các cá nhân, tổ chức nước ngoài và kiều bào nhằm hỗ trợ hoạt động Hội và phong trào phụ nữ, đặc biệt gắn với các sáng kiến, chương trình trọng tâm của Hội (*các Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG về giảm nghèo bền vững, Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS...*).

- Gặp mặt định kỳ các đối tác quốc tế của Hội (2 năm/lần) thông tin về hoạt động Hội và đề xuất hợp tác.

- Vận động nguồn lực tài chính và chuyên môn từ các đối tác trong, ngoài nước cho các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế của Hội và phụ nữ. Chủ động đề xuất Chính phủ phê duyệt các chương trình, đề án quốc gia gắn với hội nhập quốc tế của phụ nữ.

- Quản lý hiệu quả nguồn lực quốc tế theo quy định của Nhà nước và của Hội.

** Cấp địa phương*

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước, của Hội và nhà tài trợ về sử dụng và quản lý các nguồn tài trợ quốc tế.

- Chủ động xây dựng các đề xuất dự án, chia sẻ kinh nghiệm vận động và các mô hình dự án hiệu quả, duy trì và mở rộng kết quả các dự án quốc tế.

- Đề xuất cấp ủy, chính quyền địa phương tạo điều kiện về nguồn lực. Đề xuất cơ chế phối hợp với cơ quan liên quan, vận động nguồn lực tài chính và chuyên môn từ đối tác trong, ngoài nước để triển khai các hoạt động đối ngoại và hội nhập (*VD phối hợp với Ban Điều phối viện trợ nhân dân tổ chức hội thảo vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài; Tổ chức gặp mặt đối tác quốc tế hoạt động tại địa phương thông tin về hoạt động Hội, tri ân và có các hình thức ghi nhận đóng góp của đối tác cho phong trào phụ nữ và hoạt động Hội như bằng khen, kỷ niệm chương...).*).

PHỤ LỤC
MỘT SỐ VĂN BẢN CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG,
CHÍNH SÁCH CÓ LIÊN QUAN

PHỤ LỤC 1

Các văn bản liên quan đến nhiệm vụ “Xây dựng người phụ nữ Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, hội nhập quốc tế”

I. CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN XÂY DỰNG CON NGƯỜI, XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA

1. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII

- Trong Báo cáo chính trị của Ban chấp hành TW Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng:

Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới. ... Tăng cường giáo dục lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên. Thực hiện những giải pháp đột phá nhằm ngăn chặn có hiệu quả sự xuống cấp về đạo đức, lối sống, đẩy lùi tiêu cực xã hội và các tệ nạn xã hội. Bảo vệ và phát huy các giá trị tốt đẹp, bền vững trong truyền thống văn hoá Việt Nam. Đẩy mạnh giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc của người Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ. Từng bước vươn lên khắc phục các hạn chế của con người Việt Nam; *xây dựng con người Việt Nam thời đại mới, gắn kết chặt chẽ, hài hoà giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại*⁴⁷.

“Phát huy truyền thống, tiềm năng, thế mạnh và tinh thần làm chủ, khát vọng vươn lên của các tầng lớp phụ nữ; *xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới*... Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Tăng cường các chương trình phát triển, hỗ trợ cập nhật tri thức, kỹ năng cho phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi. Hoàn thiện và thực hiện tốt luật pháp, chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới”⁴⁸.

+ Một trong 5 nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIII:

“Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; *giữ gìn và phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam* trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế; có chính sách cụ thể phát triển văn hoá vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam”⁴⁹.

⁴⁷ Văn kiện Đại hội Đb toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021, tập 1, tr143

⁴⁸ Văn kiện Đại hội Đb toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021, tập 1, tr169

⁴⁹ Văn kiện Đại hội Đb toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021, tập 1, tr202

+ Là một trong nội dung 3 khâu đột phá chiến lược: Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao... *khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*⁵⁰.

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030:

+ Xác định 1 trong 5 quan điểm phát triển là:

Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, *ý chí tự cường* và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển; lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững. Phải có cơ chế, chính sách phát huy tinh thần cống hiến vì đất nước; mọi chính sách của Đảng, Nhà nước đều phải hướng vào nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của nhân dân⁵¹.

+ Xác định là một trong các đột phá chiến lược:

Tiếp tục phát triển toàn diện nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, *ý chí tự cường* và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam... Phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam; khơi dậy mạnh mẽ khát vọng phát triển của dân tộc, *tinh thần yêu nước, tự hào, ý chí tự cường và lòng nhân ái*, tinh thần đoàn kết, đồng thuận xã hội; xây dựng môi trường và đời sống văn hóa phong phú, đa dạng, văn minh, lành mạnh, hội nhập quốc tế, *đề cao ý thức, trách nhiệm, đạo đức xã hội, sống và làm việc theo pháp luật*⁵².

+ Xác định nhiệm vụ, giải pháp:

“Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, có sức khỏe, năng lực, trình độ, có ý thức, trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình, xã hội và Tổ quốc... *Phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, tự hào dân tộc, tính cộng đồng và khơi dậy khát vọng vươn lên...* Khuyến khích, tạo điều kiện để mọi người dân được phát huy các năng lực tự do sáng tạo trong đời sống kinh tế, xã hội. Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa, *con người giàu lòng nhân ái, khoan dung, chân thành, tín nghĩa, trọng đạo lý, cần cù, chăm chỉ, tiết kiệm, sáng tạo, hiện đại*. Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp của các dân tộc và di sản văn hóa, danh lam thắng cảnh. *Từng bước hạn chế, tiến tới xóa bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu*. Hình thành thị trường sản phẩm dịch vụ văn hóa, thông tin lành mạnh góp phần làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, xu hướng phát triển xã hội, đấu tranh, lên án các hành vi vi phạm pháp luật, đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, góp phần xây dựng xã hội an ninh, an toàn, dân chủ, tiến bộ.

⁵⁰ Văn kiện Đại hội Đb toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021, tập 1, tr203,204

⁵¹ Văn kiện Đại hội Đb toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021, tập 1, tr215, 216

⁵² Văn kiện Đại hội Đb toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021, tập 1, tr221, 222

Nâng cao vai trò của văn hóa, nghệ thuật trong việc bồi dưỡng tâm hồn, nhân cách của con người Việt Nam...⁵³

2. Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và Kết luận số 76-KL/TW, ngày 4 tháng 6 năm 2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW.

3. Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về "Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" và Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW; Chuyên đề học tập toàn khóa của Ban Tuyên giáo TW "*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc*".

II. CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII

- Trong Báo cáo chính trị của Ban chấp hành TW Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng:

+ Định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 – 2030: “đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia; phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo”⁵⁴.

+ “Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực của đất nước, tạo cơ sở đẩy mạnh chuyển đổi số nền kinh tế quốc gia và phát triển kinh tế số”⁵⁵.

+ Xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm: “Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế”⁵⁶.

+ Là một trong nội dung trong đột phá chiến lược: “Chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số”⁵⁷.

2. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư⁵⁸.

3. Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình

⁵³ Văn kiện Đại hội Đb toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021, tập 1, tr262, 263

⁵⁴ Văn kiện Đại hội Đb toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021, tập1, tr 115

⁵⁵ Văn kiện Đại hội Đb toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021, tập1, tr 123

⁵⁶ Văn kiện Đại hội Đb toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021, tập1, tr 200, 201

⁵⁷ Văn kiện Đại hội Đb toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021, tập1, tr204

⁵⁸ Một số mục tiêu cụ thể đến năm 2025: Internet băng thông rộng phủ 100% các xã. Kinh tế số chiếm khoảng 20% GDP...Cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội. Một số mục tiêu cụ thể đến năm 2030: Mạng di động 5G phủ sóng toàn quốc; mọi người dân được truy cập Internet băng thông rộng với chi phí thấp... Hoàn thành xây dựng Chính phủ số.

chuyển đổi số quốc gia, Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, Chiến lược Quốc gia phát triển kinh tế số, xã hội số:

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược Quốc gia phát triển kinh tế số, xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

III. CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN THỂ DỤC THỂ THAO, RÈN LUYỆN SỨC KHỎE

1. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII

- Trong Báo cáo chính trị của Ban chấp hành TW Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng: “Thực hiện tốt “Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030”. *Phát triển thể dục, thể thao toàn dân để tăng cường sức khỏe của nhân dân, làm cơ sở cho phát triển thể dục, thể thao thành tích cao*”⁵⁹.

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030: Xác định, nhiệm vụ, giải pháp: “Nâng cao chất lượng dân số, sức khỏe người dân cả về thể chất, tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ cũng như chất lượng cuộc sống...*Đẩy mạnh phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao, tạo điều kiện về cơ sở vật chất để nhiều người dân được tham gia các hoạt động rèn luyện sức khỏe*”⁶⁰.

2. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020 đề ra quan điểm phát triển TDTT quần chúng của Đảng ta đến năm 2020.

3. Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới⁶¹.

4. Nghị quyết số 139/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW.

5. Quyết định số 641/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành “Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030”; Chương trình Sức khỏe Việt Nam (Quyết định số 1092/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ) (thực hiện từ năm 2018 - 2030).

⁵⁹ Văn kiện Đại hội Đb toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021, tập1, tr152

⁶⁰ Văn kiện Đại hội Đb toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021, tập1, tr 265,266

⁶¹ **Quan điểm:** Sức khỏe là vốn quý nhất của mỗi người dân và của cả xã hội. Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe là nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi người dân, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, đòi hỏi sự tham gia tích cực của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các ngành, trong đó ngành Y tế là nòng cốt.

6. **Nghị quyết số 28-NQ/TW** ngày 23/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về cải cách chính sách BHXH.

IV. CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC NGƯỜI KHUYẾT TẬT

1. **Chỉ thị số 39-CT/TW** ngày 1/11/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người khuyết tật”.

2. **Luật Người khuyết tật 2010.**

3. **Chương trình trợ giúp người khuyết tật** giai đoạn 2021-2030 (Quyết định số 1190/QĐ0-TTg ngày 5/8/2020).

4. **Chương trình hành động số 15/CTHĐ-ĐCT** ngày 24/5/2021 về trợ giúp phụ nữ khuyết tật giai đoạn 2021-2030.

V. CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG HỖ TRỢ PHỤ NỮ DTTS

1. **Nghị quyết số 88/2019/QH14** ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ; Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/2/2020 của Chính phủ về triển khai NQ 88/2009/QH14.

2. **Quyết định số 1719/QĐ-TTg** ngày 14/10/2021 phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (gọi tắt là Chương trình MTQG 1719), trong đó Hội LHPN Việt Nam được giao nhiệm vụ chủ trì triển khai thực hiện dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em”.

3. **Quyết định số 1409/QĐ-TTg** ngày 15/9/2020 của Chính phủ ngày 15/9/2020 ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết 120/2020/QH về phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 – 2030.

4. **Kế hoạch số 967/KH-HLHPN-BTLBP** ngày 28/12/2020 giữa TW Hội LHPNVN và Bộ Tư lệnh BĐBP về tổ chức Chương trình Đồng hành cùng phụ nữ biên cương giai đoạn 2021 - 2025.

VI. CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN HỘI NHẬP QUỐC TẾ

1. **Nghị quyết số 22-NQ/TW** ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế⁶². Quyết định số 40/QĐ-TTg ngày 7/1/2016 phê duyệt “Chiến lược tổng thể hội nhập quốc tế đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”.

2. **Nghị quyết số 36/NQ-TW** ngày 26/3/2004 của Bộ Chính trị khóa IX về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới và Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 19/5/2015 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện

62 mục tiêu và quan điểm nhấn mạnh vào việc phát huy tối đa nội lực; đồng thời, quảng bá hình ảnh Việt Nam, bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc

Nghị quyết số 36-NQ/TW⁶³; Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 5/4/2016 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW.

3. Kết luận số 12-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 12/8/2021 về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới⁶⁴.

4. Nghị quyết 18/NQ-BCH của Ban Chấp hành Trung ương Hội LHPN Việt Nam về hỗ trợ phụ nữ hội nhập quốc tế PNHNQT và Kế hoạch thực hiện Nghị quyết (số 1096/KH - ĐCT) với mục tiêu hỗ trợ phụ nữ hội nhập quốc tế là nhiệm vụ chiến lược của các cấp Hội.

5. Nghị quyết số 15/NQ-BCH ngày 8/9/2020 của Ban Chấp hành Trung ương Hội LHPN Việt Nam ban hành Chiến lược phát triển Hội LHPN Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2035.

⁶³ với chủ trương nêu cao tinh thần tự trọng và tự hào dân tộc, giữ gìn tiếng Việt, bản sắc văn hóa và truyền thống dân tộc Việt Nam, đoàn kết đùm bọc, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, giữ mối quan hệ gắn bó với gia đình và quê hương, góp phần tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị giữa nước bà con sinh sống với nước nhà với các nhiệm vụ tập trung vào đích đoàn kết người Việt Nam ở nước ngoài

⁶⁴ trong đó tiếp tục đẩy mạnh và đa dạng hoá các hoạt động hỗ trợ đồng bào Việt Nam ở nước ngoài giữ gìn tiếng Việt, phát huy bản sắc văn hoá và truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam

PHỤ LỤC 2

Một số nội dung các văn bản của Đảng, Nhà nước liên quan đến nhiệm vụ “Hỗ trợ nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ”

I. TOÀN VĂN CÁC VĂN BẢN

1. Các văn bản của Đảng, Nhà nước

- Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc XIII.
- Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 – 2030.
- Luật Hợp tác xã năm 2012; Luật Bảo vệ môi trường 2014; Luật doanh nghiệp nhỏ và vừa 2018 và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Quyết định số 939/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”.
- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (trong đó có Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em do Hội chủ trì).
- Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/1/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025.
- Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 1/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050.
- Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 4/6/2019 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030.
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".
- Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/1/2020 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
- Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư ngày 22/11/2014 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng Chính sách xã hội; Kết luận số 06-KL/TW

ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội.

- Chỉ thị 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030.

- Nghị định 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường.

- Các chương trình, nghị quyết liên tịch, phối hợp với các cơ quan, đơn vị của Hội LHPNVN: Ngân hàng chính sách xã hội, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Liên Minh hợp tác xã Việt Nam, các tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính...

- Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 về Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 270/QĐ-TCGDNN ngày 18/6/2021 về việc xây dựng và phát triển không gian truyền thông giáo dục nghề nghiệp, hình thành hệ sinh thái truyền thông giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 về việc Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định 217,218 của Bộ Chính trị về quy chế giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của MTTQ, các đoàn thể CTXH.

2. Các văn bản của Hội LHPN Việt Nam

- Văn kiện Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII.

- Văn bản thỏa thuận số 11789/VBTT ngày 28/12/2021 giữa NHCSXH và các Hội đoàn thể về việc thực hiện ủy thác cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Kế hoạch số 961/KH-ĐCT ngày 08/12/2020 của Đoàn Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam về Tổ chức thực hiện Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Công văn số 5738/ĐCT-KT ngày 28/5/2021 của Đoàn Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam về việc tiếp tục chỉ đạo thực hiện hoạt động tiết kiệm - tín dụng tại các cấp Hội.

- Kế hoạch số 117/KH-ĐCT ngày 22/9/2021 của Đoàn Chủ tịch TW Hội LHPN Việt Nam thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 và thực hiện Kết luận 06-KL/TW về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 40-CT/TW.

- Kế hoạch số 967/KH-HLHPN-BTLBP ngày 28/12/2020 giữa TW Hội LHPNVN và Bộ Tư lệnh BDBP về tổ chức Chương trình Đồng hành cùng phụ nữ biên cương giai đoạn 2021 - 2025.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CẦN LƯU Ý

1. Nội dung liên quan đến các chỉ tiêu và nội dung hoạt động hỗ trợ phụ nữ tham gia kinh tế tập thể, HTX do phụ nữ tham gia quản lý

Tại Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã ban hành Nghị quyết chuyên đề số 13-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, trong đó nêu rõ "*Kinh tế tập thể phát triển với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt*".

Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 được Quốc hội thông qua tại kỳ họp số 13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 đã thể hiện tư duy mới về mô hình HTX kiểu mới với hạt nhân là kinh tế hợp tác, góp phần hoàn thiện quan hệ sản xuất, phù hợp với cơ chế thị trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Luật HTX năm 2012 với những quy định cụ thể hơn và xác định mô hình HTX theo đúng với bản chất HTX và phù hợp với quan điểm quốc tế.

Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23/11/2016 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp đã nêu rõ "*Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi, tạo môi trường thuận lợi cho các hợp tác xã nông nghiệp phát triển; phấn đấu đến năm 2020 có 15.000 hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả; thúc đẩy và nhân rộng các mô hình liên doanh, liên kết có hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp*".

Trong văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn cũng được Đảng nhấn mạnh và nêu rõ, trong đó có những nội dung quan trọng như: *Kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác, các hợp tác xã, tổ hợp tác có vai trò cung cấp dịch vụ cho các thành viên; liên kết, phối hợp sản xuất kinh doanh, bảo vệ lợi ích và tạo điều kiện để các thành viên nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững. Tăng cường liên kết giữa các hợp tác xã, hình thành các hiệp hội, liên hiệp hợp tác xã*"; Văn kiện Đại hội Đảng cũng đề cập đến việc khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, sạch, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, thông minh, nông nghiệp số, thích ứng với biến đổi khí hậu; tiếp tục triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo hướng gắn với quá trình đô thị hóa, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và xây dựng nông thôn mới cấp thôn, bản.

Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 – 2030 đặt ra chỉ tiêu 3: *Tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã đạt ít nhất 27% vào năm 2025 và 30% vào năm 2030.*

Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025: Nội dung 05 trong nội dung thành phần số 03 nêu rõ *nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất trong đó, ưu tiên hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao liên kết theo chuỗi giá trị.*

Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/1/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025 đã nêu rõ mục tiêu đến năm 2025 thành lập 10.000 tổ chức kinh tế tập thể (bao gồm hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác); thu hút khoảng 8 triệu thành viên tham gia vào các tổ chức kinh tế tập thể.

Năm 2020, thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 Khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 134/NQ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ trong đó đặt ra giải pháp “Xây dựng, triển khai một số chương trình, đề án điển hình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã” bao gồm **“Đề án hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý và tạo việc làm cho lao động nữ giai đoạn 2021-2030”**.

Quyết định 1318/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 phê duyệt "Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025" đặt ra Định hướng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong các lĩnh vực khác, trong đó *“Tiếp tục thành lập các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để cung cấp các dịch vụ đời sống cho người dân như: y tế, chăm sóc sức khỏe; giáo dục; du lịch... và các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do thanh niên, phụ nữ, cựu chiến binh, đồng bào dân tộc làm chủ”*.

Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 phê duyệt đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021-2025, trong đó ưu tiên *“Các hợp tác xã có đông thành viên là nữ hoặc phụ nữ tham gia quản lý; vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo; tạo việc làm, hỗ trợ cho người yếu thế...”*.

Nghị định số 45/2021/NĐ-CP về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã quy định: *đối tượng cho vay của Quỹ hợp tác xã là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã (trừ đối tượng thành viên hợp tác xã là doanh nghiệp)*.

Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 -2030, trong đó một trong những giải pháp đặt ra đó là giao TW Hội LHPN VN *“Xây dựng Đề án Hỗ trợ hợp tác xã phụ nữ tham gia quản lý và tạo việc làm cho lao động nữ giai đoạn 2021 - 2030”*.

Các chương trình, nghị quyết liên tịch, phối hợp với các cơ quan, đơn vị của Hội LHPNVN: Thỏa thuận liên ngành với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc thực hiện chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ. *Điều 14 đã nêu rõ các Chính sách tín dụng khuyến khích sản xuất nông nghiệp theo mô hình liên kết cho doanh nghiệp, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã*.

Văn kiện Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII đã đưa ra chỉ tiêu cho nhiệm kỳ này là hỗ trợ nâng cao năng lực cho 17.000 phụ nữ là chủ doanh nghiệp, quản lý hợp tác xã, chủ hộ kinh doanh; đến cuối nhiệm kỳ, vận động, hỗ

trợ thành lập mới 350 hợp tác xã có phụ nữ tham gia quản lý.

2. Nội dung liên quan đến hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp

** Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc XIII*

- Nội dung “Định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030”, đã nhấn mạnh tại nội dung số 2:

+ ...*đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, gắn kết hài hoà, hiệu quả thị trường trong nước và quốc tế.*

- Nội dung “Nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIII”, đã đề ra tại nội dung số 2: (2) *Tập trung kiểm soát đại dịch COVID-19, tiêm chủng đại trà vắc-xin COVID-19 cho cộng đồng; phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập; phát triển đồng bộ và tạo ra sự liên kết giữa các khu vực, các vùng, các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất kinh doanh; có chính sách hỗ trợ hiệu quả doanh nghiệp trong nông nghiệp; đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững; hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhất là pháp luật về bảo hộ sở hữu trí tuệ và giải quyết các tranh chấp dân sự, khắc phục những điểm nghẽn cản trở sự phát triển của đất nước.*

- *Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030.*

+ Chương I “Mục tiêu” Nghị quyết, mục 2 “Mục tiêu cụ thể”, khoản b “Trong lĩnh vực kinh tế, lao động”, Chỉ tiêu 3 đã đặt ra: “*Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã đạt ít nhất 27% vào năm 2025 và 30% vào năm 2030.*”

** Luật doanh nghiệp nhỏ và vừa 2018 và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.*

- Mục 1 Điều 3. Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đã thêm Giải thích từ ngữ về Doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ: *1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ là doanh nghiệp nhỏ và vừa có một hoặc nhiều phụ nữ sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên, trong đó có ít nhất một người quản lý điều hành doanh nghiệp đó.*

- Khoản 5 Điều 5 ưu tiên lựa chọn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa do nữ làm chủ (***Nguyên tắc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.***)

5. Trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì doanh nghiệp được lựa chọn

mức hỗ trợ có lợi nhất.

Trường hợp nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa cùng đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định của Luật này thì ưu tiên lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ hơn.

* Quyết định số 939/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”

* Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

- Chương III “Các nội dung thành phần của Chương trình”, **Nội dung thành phần số 03** “Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững” đã đề cập đến nội dung 09 như sau:

Nội dung 09: Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường; hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn. Trong đó, các tổ chức chính trị - xã hội (Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam,...) chủ trì và hướng dẫn triển khai Chương trình sáng tạo, khởi nghiệp gắn với Chương trình OCOP và phát triển hợp tác xã, phát triển du lịch nông thôn.

- Chương III “Các nội dung thành phần của Chương trình”, **Nội dung thành phần số 09** “Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM” đã đề cập đến nội dung 03 như sau:

Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025”. Trong đó Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung số 03.

- Chương V “Các cơ chế và giải pháp thực hiện chương trình”, Mục c “Một số giải pháp trọng tâm thực hiện” nhấn mạnh: *c) Chỉ đạo, phối hợp thực hiện hiệu quả 11 nội dung của Chương trình; 06 chương trình chuyên đề trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng đời sống của người dân nông thôn và giải quyết các vấn đề bức xúc, tồn tại trong xây dựng NTM (môi trường, an toàn thực phẩm, nước sạch nông thôn, phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã khởi nghiệp, sáng tạo, thực hiện Chương trình OCOP; chuyển đổi số trong xây dựng NTM, phát triển du lịch nông thôn...).*

* Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 1/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050.

- Chương I “Quan điểm”, mục 6 trong Quyết định đã nhấn mạnh: *Tăng trưởng xanh là sự nghiệp của cả hệ thống chính trị, toàn dân, cộng đồng doanh nghiệp và các cơ quan, tổ chức liên quan, được thúc đẩy bằng tinh thần đổi mới sáng tạo và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, bền vững.*

- Chương IV “Nhiệm vụ, giải pháp” trong Quyết định đã đề cập: *Để đạt được các mục tiêu và định hướng phát triển mà Chiến lược đề ra, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, phân công các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các địa phương, cộng đồng doanh nghiệp.*

* *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".*

Chương VI. Một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số “Thúc đẩy phát triển kinh tế số với trọng tâm là phát triển doanh nghiệp công nghệ số, chuyển dịch từ lắp ráp, gia công về công nghệ thông tin sang làm sản phẩm công nghệ số, công nghiệp 4.0, phát triển nội dung số, công nghiệp sáng tạo, kinh tế nền tảng, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử và sản xuất thông minh. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế.” đã đề cập tại Mục 1 “Phát triển 04 loại hình doanh nghiệp công nghệ số”, bao gồm: c) *Các doanh nghiệp khởi nghiệp ứng dụng công nghệ số để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới trong các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội;* d) *Các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo về công nghệ số.*

3. Một số nội dung liên quan đến công tác hỗ trợ phụ nữ giảm nghèo

* *Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc XIII*

- Khoản 2, Mục I. Tầm nhìn và định hướng phát triển: Định hướng các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025: Về xã hội: Đến năm 2025, tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 25%; tỉ lệ lao động qua đào tạo là 70%; tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị năm 2025 dưới 4%; tỉ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1 - 1,5% hằng năm; có 10 bác sĩ và 30 giường bệnh/1 vạn dân; tỉ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% dân số; tuổi thọ trung bình đạt khoảng 74,5 tuổi; tỉ lệ xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới tối thiểu 80%, trong đó ít nhất 10% đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

* *Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025*

- Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo:

Mục c. Nội dung hỗ trợ: Xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất;

xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật;

- Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng: Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp: Nội dung: Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định; Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng; Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thị trường, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

- Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin: Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều: Nội dung: Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững; Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo; Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững; Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo; Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới; Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở; Phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

- Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

+ Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình: Nội dung: Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn; Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

+ Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá: Nội dung: Xây dựng khung kết quả của Chương trình, gồm: hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tiếp cận đa chiều; xây dựng quy trình, chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống

giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện; Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất; Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp; Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

** Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025*

- Dự án 3. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

** Chỉ thị 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030*

Mục 6. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể đẩy mạnh công tác vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia công tác giảm nghèo bền vững và chủ động giám sát công tác này. Tiếp tục tổ chức các cuộc vận động xã hội, phong trào thi đua yêu nước, trọng tâm là cuộc vận động "Vì người nghèo", cùng với Nhà nước thực hiện tốt công tác giảm nghèo bền vững.

4. Một số nội dung liên quan đến công tác hỗ trợ phụ nữ tham gia đào tạo nghề, tạo việc làm

** Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 Của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045:*

Khoản 12, Điều V: “Tuyên truyền, phổ biến đến hội viên về nội dung Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Hàng năm, đề xuất yêu cầu, nhu cầu về nhân lực có kỹ năng nghề đối với các loại hình doanh nghiệp; Huy động thành viên tích cực triển khai thực hiện chiến lược, tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, tham gia các chương trình, đề án, dự án phù hợp với định hướng Chiến lược; Kêu gọi cộng đồng doanh nghiệp, người sử dụng lao động tham gia tích cực vào việc hỗ trợ nâng cao kỹ năng nghề cho người lao động; Giám sát các hoạt động giáo dục nghề nghiệp, tư vấn và phản biện xã hội đối với các cơ chế, chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp”.

** Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030:*

Khoản 6 Điều IV: “Các bộ, ngành và cơ quan có liên quan: Căn cứ nội dung Chương trình cụ thể hóa, bố trí kinh phí thực hiện trong các chương trình, kế hoạch triển khai hàng năm; chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý triển khai các nội dung liên quan của Chương trình theo đúng quy định; Theo chức năng, nhiệm vụ, chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nội dung của Chương trình; Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chương trình hàng năm và theo giai đoạn, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện đúng mục tiêu Chương trình, gửi Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ”.

** Quyết định số 270/QĐ-TCGDNN ngày 18/6/2021 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc Xây dựng và phát triển không gian truyền thông giáo dục nghề nghiệp, hình thành hệ sinh thái truyền thông giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2025:*

Mục 3, Phần III: “Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cùng phối hợp, liên kết tổ chức các hoạt động, sự kiện về giáo dục nghề nghiệp, kết hợp với xây dựng và phát triển không gian truyền thông giáo dục nghề nghiệp”.

** Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025:*

Nội dung 09 - Nội dung thành phần số 03: “Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường; hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn”.

5. Một số nội dung liên quan đến thực hiện hoạt động tín dụng – tiết kiệm

** Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư ngày 22/11/2014 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng Chính sách xã hội:*

Mục 2- "Nâng cao trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện tín dụng chính sách xã hội:

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phát huy vai trò tập hợp lực lượng, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội đến các tầng lớp nhân dân, nhất là người nghèo và các đối tượng chính sách khác; nâng cao hiệu quả giám sát của toàn dân đối với công tác này.

- Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác của Ngân hàng Chính sách xã hội có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung được ủy thác; phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Chính sách xã hội và chính quyền địa phương trong việc củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng chính sách xã hội; hướng dẫn bình xét đối tượng vay vốn; tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc thu hồi nợ đến hạn, hướng dẫn người vay sử dụng vốn hiệu quả; lồng ghép với các chương trình, dự án của các tổ chức chính trị - xã hội. Làm tốt công tác tư vấn, hướng dẫn xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh điển hình, giúp nhau vươn lên thoát nghèo và làm giàu."

** Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội:*

- Mục 4. "...Chỉ đạo các ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Chính sách xã hội trong quản lý, nâng cao hiệu quả tín dụng chính sách xã hội".

- Mục 6. "MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội. Thực hiện tốt công tác nhận ủy thác của Ngân hàng Chính sách xã hội, nắm chắc tình hình sử dụng vốn của người vay. MTTQ Việt Nam tiếp tục triển khai, mở rộng cuộc vận động vì người nghèo nhằm bổ sung nguồn vốn cho Ngân hàng Chính

sách xã hội thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội".

** Chỉ thị 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030:*

Mục 3. "Tiếp tục hoàn thiện chính sách giảm nghèo, chuẩn nghèo đa chiều gắn với mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu tăng dần và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; đổi mới cách tiếp cận về giảm nghèo, ban hành chính sách hỗ trợ có điều kiện, tăng cường tín dụng chính sách xã hội cho người nghèo, bảo trợ xã hội đối với hộ nghèo không có khả năng lao động. Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã liên kết trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, phát triển đa dạng các mô hình sản xuất có sự tham gia của các hộ nghèo, cận nghèo; hỗ trợ phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp với người nghèo, nhất là ở vùng nông thôn, miền núi".

** Nghị định 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác:*

Điều 5. "Việc cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội được thực hiện theo phương thức ủy thác cho các tổ chức tín dụng, tổ chức chính trị - xã hội theo hợp đồng ủy thác hoặc trực tiếp cho vay đến Người vay". Việc cho vay đối với hộ nghèo căn cứ vào kết quả bình xét của Tổ tiết kiệm và vay vốn. Tổ tiết kiệm và vay vốn là tổ chức do các tổ chức chính trị - xã hội hoặc cộng đồng dân cư tự nguyện thành lập trên địa bàn hành chính của xã, được ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận bằng văn bản. Hoạt động của Tổ tiết kiệm và vay vốn do NHCSXH hướng dẫn".

** Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường:*

- Về hoạt động tiết kiệm theo hình thức "Tổ góp vốn xoay vòng" tại các chi, tổ Hội bản chất là hộ, hội, biểu, phường được yêu cầu thực hiện đúng theo các quy định tại Nghị định 19 với phạm vi điều chỉnh quy định về nguyên tắc tổ chức hộ, hội, biểu, phường (gọi chung là hộ); điều kiện làm thành viên, chủ hộ; gia nhập, rút khỏi hộ; văn bản thỏa thuận về hộ; thứ tự lãnh hộ, lãi suất; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý của thành viên, chủ hộ.

- Văn bản thỏa thuận về hộ phải được thực hiện tại các "Tổ góp vốn xoay vòng" tại điều 7 và điều 8 của Nghị định.

PHỤ LỤC 3

Một số nội dung các văn bản của Đảng, Nhà nước liên quan đến hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế

1. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII: Nội dung về công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII được thể hiện ở mục sau:

XI- TRIỂN KHAI ĐỒNG BỘ, SÁNG TẠO, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI, CHỦ ĐỘNG VÀ TÍCH CỰC HỘI NHẬP QUỐC TẾ TOÀN DIỆN, SÂU RỘNG

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ đối ngoại. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Trên cơ sở vừa hợp tác, vừa đấu tranh, tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế vì lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại trong việc tạo lập và giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao vị thế và uy tín của đất nước. Xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với ba trụ cột là đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân.

Đẩy mạnh đối ngoại song phương và nâng tầm đối ngoại đa phương. Chủ động tham gia và phát huy vai trò của Việt Nam tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN, Liên hợp quốc, APEC, hợp tác tiểu vùng Mê Công và các khuôn khổ hợp tác khu vực và quốc tế, trong những vấn đề và các cơ chế quan trọng có tầm chiến lược, phù hợp với yêu cầu, khả năng và điều kiện cụ thể. Coi trọng phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị, truyền thống với các nước láng giềng; chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước ASEAN xây dựng Cộng đồng đoàn kết, vững mạnh, giữ vững vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc an ninh khu vực. Đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác song phương với các đối tác, đặc biệt là các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện và các đối tác quan trọng khác, tạo thế đan xen lợi ích và tăng độ tin cậy. Chủ động, tích cực tham gia các cơ chế đa phương về quốc phòng, an ninh theo tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu, hành động can thiệp của các thế lực thù địch vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và ổn định chính trị đất nước. Tiếp tục thúc đẩy giải quyết các vấn đề trên biển, an ninh, an toàn hàng hải, hàng không trên cơ sở luật pháp quốc

tế, nhất là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Cùng cố đường biên giới hoà bình, an ninh, hợp tác và phát triển; giải quyết các vấn đề còn tồn tại liên quan đến đường biên giới trên bộ với các nước láng giềng.

Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, linh hoạt, hiệu quả vì lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo đảm độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia. Gắn kết chặt chẽ quá trình chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng với việc nâng cao sức mạnh tổng hợp, huy động tiềm năng của toàn xã hội; đổi mới, hoàn thiện thể chế trong nước, nâng cao năng lực tự chủ, cạnh tranh và khả năng thích ứng của đất nước. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả hội nhập quốc tế trong các lĩnh vực xã hội, môi trường, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, văn hoá, du lịch và các lĩnh vực khác. Tích cực triển khai các cam kết khu vực và quốc tế, lồng ghép với các chiến lược, chính sách, kế hoạch và chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Chủ động tham gia, tích cực đóng góp, nâng cao vai trò của Việt Nam trong xây dựng, định hình các thể chế đa phương và trật tự chính trị - kinh tế quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế và các hiệp định thương mại đã ký kết. Mở rộng quan hệ và đẩy mạnh hợp tác với các lực lượng chính trị, xã hội và nhân dân các nước, phấn đấu vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác phát triển và tiến bộ xã hội.

Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo, tham mưu chiến lược về đối ngoại, không để bị động, bất ngờ. Đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền đối ngoại, bảo hộ công dân, triển khai toàn diện và mạnh mẽ hơn công tác người Việt Nam ở nước ngoài. Nâng cao bản lĩnh, phẩm chất, năng lực, phong cách chuyên nghiệp, đổi mới sáng tạo của đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế; chủ động thích ứng trước chuyển biến của tình hình; tăng cường cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các kênh và các cơ quan đối ngoại, đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

- (9) Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 11/2/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả đối ngoại nhân dân trong tình hình mới.
- (10) Kết luận số 12-KL/TW ngày 12/8/2021 của Bộ Chính trị về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới.
- (11) Nghị quyết số 22/NQ-TW của Bộ Chính trị khóa XI về hội nhập quốc tế (2013).
- (12) Chiến lược tổng thể Hội nhập quốc tế đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (2016).
- (13) Nghị định 80/2020/NĐ-CP về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.
- (14) Nghị định 114/2021/NĐ-CP về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

- (15)** Hướng dẫn số 07-HD/BDNTW ngày 8 tháng 10 năm 2020 của Ban Đối ngoại về thực hiện các quy định về quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và tổ chức nhân dân ở Trung ương.
- (16)** *Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến năm 2030.*

